

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Số/N. 34-08/2009

Mùa Vu Lan báo hiếu/ Piété filiale-Ullumbana

tant
que
l'enfer
n'est
pas
vidé,
Je
jure
de
ne pas
devenir
Bouddha

Địa
Ngục
Chẳng
Không
Thê
Không
Thành
Phật



Bồ Tát Địa Tạng/Kshitigarbha

Chẳng
Sinh
Đo
Hết
Mọi
Chúng
Bà
Đe

quand
tous
les
êtres
vivants
seront
sauvés,
je
certifierai
le fruit
du
Bodhi

**Đất tâm sinh các giống
Do sự lại sinh lý
Quả bồ đề tròn đầy
Hoa nở sinh thế giới.**

Tây thiên Tổ thứ hai mươi bảy Bát Nhã Đa La tôn giả

De la terre de l'esprit sont nés les germes
La pratique entraînant la théorie
Le fruit de l'éveil parfait
Ainsi fleurit le monde qui s'épant.

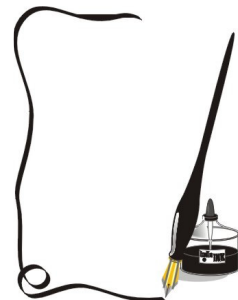
Vingt-septième Patriarche de l'Inde Vénérable Prajnatra

Trong số này/Sommaire

- Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.
- Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.
- Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến, Giác Lâm ...
- Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt, Phan Ngọc Anh.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Giác Vân, cô Giác Hạnh, cô Giác Hiền, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, Anh Phát, Cô Phương, Anh chị Hiếu, Anh chị Tí, Cô Giác Thủy, Cô Giác Thanh, Cô Giác Hào, Cô Giác Hoa,
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois
France
Tel./fax : 01.48.69.01.24
ou tel. : 06.25.05.03.89.
e-mail: kimquangtu@hotmail.com

Kinh hoa niêm giảng giải	3
Kinh pháp hoa giảng giải	6
Chú lãn niêm giảng giải	9
Kinh bát nhã	11
Đại trí độ luận	13
Pháp ngữ thiên sư hui vân	15
Hăm sơn đại sư từ tuyền	16
Hãy nỗ lực vì hoà bình thế giới	18
Cần bản làm người, trước hết ...	20
Cha mẹ là tâm gương cho con cái	22
Cuộc đời là t tuýên hoá	24
Đức phật vân xối vườn tâm	24
Tam bộ nhất bài	25
Le Sutra du Dharmya du lotus	27
Le Sutra shurangama	30
Le mantra shurangama	32
Le mantra grand compassion	34
Le Sutra du vajra prajna paramita	36
Le Bouddha parle le sutra l'omitalha	38
Le Sutra quarante deux chapitres	40
Le Sutra du sixième fondateur	41
Le bouddha dharmya c'est une pratique	44
L'empereur Yu Shun qui a emu	45
Une fille filiale	48
Une prostration tous les trois pas	50



Kinh hoa nghiêm Đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Thập Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định
Tiếp theo kỳ trước

Diển Trang Nghiêm Âm Thiên Vương được môn giải thoát, đại phương tiện cúng dường tất cả Bồ Tát, từ cung trời Đâu Suất sắp hạ sinh xuống nhân gian.

Vị Diển Trang Nghiêm Âm Thiên Vương này âm thanh trang nghiêm phi thường. Vị này đặc được cảnh giới tất cả Bồ Tát sắp thành Phật. Những vị Bồ Tát này hậu bổ Phật vị ở tại nội viện cung trời Đâu Suất đời nhân duyên chín mùi, thì cõi voi trắng sáu ngà hàng sinh xuống nhân gian, bắt đầu tám tướng thành đạo :

1. Hàng thế : Từ cung trời hàng xuống nhân gian.
2. Trụ thai : Lựa chọn cha mẹ có duyên.
3. Xuất thai : Sinh ra từ bên hông người mẹ.
4. Xuất gia : Từ bỏ nhà ngũ dục.
5. Hàng ma : Hàng phục thiên ma ngoại đạo nhiễu loạn.
6. Thành chánh giác : Chúng đặc vô thượng chánh đẳng chánh giác.
7. Chuyển pháp luân : Diễn nói tứ đế, mười hai nhân duyên, lục độ .v.v...
8. Niết Bàn : Đặc được cứu kính Niết Bàn.

Niết Bàn có ba :

- A. Hữu Dư Niết Bàn là Niết Bàn của các bậc A La Hán đặc được.
- B. Vô Dư Niết Bàn là Niết Bàn của Bồ Tát đặc được.
- C. Cứu Kính Niết Bàn là Niết Bàn của chư Phật đặc được.

Báo thân phàm phu của chúng ta là vô thường, khổ, không, vô ngã, bốn sự khổ. Pháp thân chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, bốn sự lạc. Mục đích chúng ta học Phật pháp, là lìa bốn sự khổ báo thân, mà đặc được bốn sự lạc pháp thân. Cơ bản luân lý của Phật giáo, tức là chân không và diệu hữu. Tiểu thừa nói về có, đại thừa nói về không, lạc vào sự thấy hai bên có và không. Cuối cùng Phật nói trung đạo chân không diệu hữu, không thiên về có, cũng không thiên về không, đó là trung đạo, khiến cho chúng sinh không chấp trước. Trong không có có, trong có có không.

Không, có chẳng hai. Trong Tâm Kinh có nói :

“ Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc.”

Đạo lý này nói rất rõ ràng.

Vị Thiên Vương này dùng đủ thứ pháp phương tiện, để giáo hóa chúng

sinh, đó là môn giải thoát của vị này đặc được.

Thậm Thâm Quang Âm Thiên Vương được môn giải thoát, quán sát biển vô tận thần thông trí huệ.

Vị Thậm Thâm Quang Âm Thiên Vương này, dùng quang minh để thay thế âm thanh mà thuyết pháp, dùng trí huệ để quán sát cảnh giới của Phật. Thần thông của Phật vô tận, trí huệ vô tận, cho nên nói biển thần thông trí huệ, giống như biển cả chẳng có bờ mé. Trong Kinh Phật thường dùng chữ “hải” (biển) để hình dung nghĩa lý rộng lớn.



Thần thông có sáu thứ :

1. Thiên nhân thông.
2. Thiên nhĩ thông.
3. Tha tâm thông.
4. Túc mạng thông.
5. Thần túc thông.
6. Lộ tận thông.

Trí huệ có hai thứ :

1. Căn bản trí, tức là trí huệ tiên thiên.
2. Hậu đắc trí, tức là trí huệ hậu thiên.

Một là từ trong thiên định mà đắc được (tiên thiên trí); một là từ trong kinh nghiệm đắc được (hậu thiên trí). Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát này.

Quảng Đại Danh Xưng Thiên Vương được môn giải thoát, biển công đức của tất cả chư Phật, đầy đủ sức phước thiện xuất hiện thế gian.

Vị Quảng Đại Danh Xưng Thiên Vương này, đắc được cảnh giới tất cả công đức tu hành của mười phương chư Phật, vì công đức của chư Phật tu, là vô lượng vô biên, chẳng có cách chi có thể tính đếm được có bao nhiêu ? Cho nên gọi là biển công đức.

“Tam kỳ tu phước huệ
Bách kiếp chúng tướng hảo.”

Khi nào công đức viên mãn, thì đạt được giai đoạn Lương Túc Tôn, bèn thành Phật, đến thế gian dùng đủ thứ phước thiện lực, để giáo hóa chúng sinh, đó là môn giải thoát vị Thiên Vương này đắc được.

Tối Thắng Tịnh Quang Thiên Vương được môn giải thoát, phát sinh lòng tin sâu, ưa thích sức thế nguyện của Như Lai.

Vị Tối Thắng Tịnh Quang Thiên Vương đắc được cảnh giới, sự phát nguyện tại nhân địa của chư Phật trong quá khứ. Thế nguyện lực này khắp cùng pháp giới, chẳng có một chỗ nào mà chẳng phải chỗ tồn

tại nguyện lực của Phật. Tất cả các cõi nước thường chuyển diệu pháp luân. Vị này hiểu được sức lực này rồi bèn phát sinh vui mừng, tin sâu cảnh giới của Phật, chẳng có hoài nghi, mà còn ưa thích học theo đại pháp tạng của Phật. Đó là môn giải thoát của vị Thiên Vương này đắc được.

Lúc bấy giờ, Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương, nương oai lực của đức Phật, quán khắp tất cả Thiên chúng trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm mà nói kệ rằng.

Lúc đó, vị trời Nhị Thiên Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương thuộc về sắc giới, nương đại oai thần lực của chư Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng trời Thiếu Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm. Vị này dùng kệ để diễn nói, khiến cho chúng sinh thấu hiểu đạo lý này.

Trời Nhị Thiên gọi là Định Sinh Hỷ Lạc. Ở cõi trời này, thường ở trong định thì tâm càng hỷ lạc. Gồm có ba cõi trời :

1. Trời Thiếu Quang : Thiên chúng này ở trong định phóng quang từ thân, miệng, tâm chẳng có vọng tưởng, miệng chẳng nói năng, dùng quang minh để thay thế lời nói.
2. Trời Vô Lượng Quang : Thiên chúng này không dùng thân và miệng phóng quang mà tâm cũng phóng quang để chiếu khắp chúng sinh.
3. Trời Quang Âm (trời Cực Quang) : Thiên chúng này dùng trí huệ quang phóng ra từ thân, khẩu, tâm để làm đại Phật sự, giáo hóa chúng sinh.

Tôi nhớ xưa kia Như Lai tu Cúng dường vô lượng các đức Phật Là gốc tâm tin nghiệp thanh tịnh Nhờ thần lực Phật nay thấy được.

“Tôi nhớ xưa kia Như Lai tu.” Vị Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương này nói : “Tôi nhớ trong quá khứ Như Lai tu các công đức lành.” Công đức gì ?

“Cúng dường vô lượng các Đức Phật.” Trong quá khứ cúng dường vô số Đức Phật và tu các

công đức lành. Phật Thích Ca tại nhân địa tu hành, gặp Phật Nhiên Đăng ra đời, Ngài cúng dường năm cành hoa sen và dùng tóc trải dưới bùn, thỉnh Phật bước qua, cho nên được thọ ký vị lai sẽ thành Phật.

Cúng dường mới là y giáo phụng hành, y pháp tu hành, mới có công đức. Một số người cho rằng trang nghiêm đạo tràng, cúng dường pháp cụ, hương đèn hoa quả thì có công đức. Tuy nhiên có công đức, nhưng công đức nhỏ.

- Vua Lương Võ Đế hỏi Tổ Bồ Đề Đạt Ma : Tôi tạo rất nhiều chùa, biên chép rất nhiều Kinh, Luận, độ rất nhiều Tăng, Ni, có công đức gì chăng?

- Tổ Đạt Ma đáp : Chẳng có công đức hết !

- Vua Lương Võ Đế lại hỏi : Tại sao chẳng có công đức?

- Tổ đáp : Công đức này, bất quá là quả báo nhỏ ở cõi trời cõi người, là nhân hữu lậu, là nhân thế tục, giống như bóng theo hình, xem thì có nhưng thực tế là hư vọng.

- Vua lại hỏi : Chân công đức là gì ?

- Tổ đáp : Công đức chân chánh là trí huệ thuần tịnh, thần diệu và viên dung, bản tánh của nó là không tịch. Công đức này chẳng phải dùng phương pháp thế tục mà có được.

“Là gốc tâm tin nghiệp thanh tịnh.”

Cúng dường mười phương chư Phật, là dùng gốc để sinh ra tâm tin, thì tu gì thì cũng đều là nghiệp thanh tịnh, mà chẳng phải là nghiệp nhiễm ô, tức cũng là thân thanh tịnh, miệng thanh tịnh, ý thanh tịnh,

ba nghiệp thanh tịnh, chẳng có một chút nhiễm ô.

“Nhờ thần lực Phật nay thấy được.” Hiện tại nhờ đại oai thần lực của Phật, mới hiểu được cảnh giới này. Nhờ Phật gia bị cho nên hiểu rõ được hạnh môn của Như Lai tu trong quá khứ.

Thân Phật vô tướng lia cấu nhiễm Thường trụ từ bi thương chúng sinh

Ưu hoạn thế gian thấy tiêu trừ Giải thoát này Diệu Quang đắc được.

“Thân Phật vô tướng lia cấu nhiễm.” Pháp thân của Phật là khắp pháp giới. Tuy nhiên đây khắp pháp giới nhưng chẳng có hình tướng. Vì chẳng có hình tướng mới đây khắp pháp giới. Nếu có hình tướng thì có giới hạn, có bờ mé. Vì vô hình tướng cho nên tất cả trần cấu chẳng nhiễm ô. Nếu như có hình tướng thì sẽ có trần cấu. Vô tướng thì tự nhiên chẳng dính bụi trần.

Trần cấu là gì ? Trần cấu này chẳng phải trần cấu có hình tướng, mà là vô minh phiền não cấu, tức cũng là khởi vọng tưởng. Phạm là trong tâm chẳng có thanh tịnh, tư tưởng không chân chánh, đều là hiện tượng của sự dơ bẩn.

Phật thì chẳng có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Bốn tướng này đều không, muốn có trần cấu cũng chẳng có được. Cho nên nói lia cấu nhiễm, tức cũng là lia tất cả pháp ô nhiễm.

“Thường trụ từ bi thương chúng sinh.” Thường

trụ đại từ, đại từ là thương xót chúng sinh. Tóm lại, Phật dùng đại từ đại bi luôn luôn thương xót chúng sinh, luôn luôn phát nguyện cứu chúng sinh, khiến cho chúng sinh thoát khỏi sự khổ trong tam giới, đắc được sự vui sướng Niết Bàn.

“Thế gian ưu hoạn thấy tiêu trừ.” Thế gian tức là thế giới,

ưu hoạn tức là ưu sầu hoạn nạn. Ưu hoạn thế giới này quá nhiều. Vì quá nhiều cho nên chúng sinh ở trong biển ưu hoạn, chìm đắm không ngộ. Song, Phật dùng tâm từ bi, tâm thương xót để giải thoát ưu hoạn khiến cho không tồn tại nữa.

“Giải thoát này Diệu Quang đắc được.” Môn giải thoát tam muội này vị Thanh Tịnh Diệu Quang Thiên Vương đắc được. (còn tiếp)



Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**Phật nói Kinh Pháp Hoa
Khiến chúng vui mừng rồi.
Tức cũng trong ngày đó
Nói với chúng trời người
Nghĩa thật tướng các pháp
Đã vì các ông nói.
Ta nay trong đêm nay
Sẽ vào cõi Niết bàn
Các ông hãy tinh tấn
Nên xa lìa phóng dật.
Chữ Phật rất khó gặp
Úc kiếp gặp một lần
Hết thầy con của Phật
Nghe Phật vào Niết bàn.
Ai nấy đều buồn khổ
Sao Phật diệt sớm thế ?
Đấng Pháp Vương Thánh Chúa
An ủi vô lượng chúng.
Nếu lúc ta diệt độ
Các ông chớ lo sợ
Vị Bồ Tát Đức Tạng
Nói vô lậu thật tướng.
Tâm đã vượt thông đạt
Kế đây sẽ thành Phật
Hiệu là Phật Tịnh Thân
Cũng độ vô lượng chúng.
Đêm nay Phật diệt độ
Như củi hết lửa tắt**

**Phân chia các xá lợi
Mà xây vô lượng tháp.
Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni
Số đông như Hằng sa
Lại càng thêm tinh tấn
Để cầu vô thượng đạo.**

Phật nói Kinh Pháp Hoa này, khiến cho đại chúng hoan hỉ tin mà thọ trì, trong ngày đó vì trời, rồng, tám bộ quỷ thần, khai thị diệu nghĩa



thật tướng của các pháp. Các pháp tức tất cả pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn tuy nhiều, chỉ cần hiểu biết một pháp môn, tức là biết một biết tất cả, rõ một rõ tất cả, nghe một biết mười, một tức vô lượng.

- Có người hỏi tôi, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào là đệ nhất ? Đây là vấn đề, nhưng cũng chẳng phải vấn đề, tại sao? Vì chẳng thấu rõ thì có vấn đề, minh bạch rồi thì chẳng thành vấn đề.

- Tôi đáp rằng : Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là đệ nhất. Những pháp môn này, đâu chẳng

phải là dùng để đối trị tập khí mao bệnh của chúng ta, chỉ cần theo bệnh cho thuốc, kế hợp với căn cơ của chúng ta, tức là pháp môn vô thượng. Thật tướng, vô tướng, cũng vô sở bất tướng, nếu có tướng thì chẳng phải là thật tướng. Tất cả tướng đều do thật tướng sinh ra, nhưng bản thể của nó là vô tướng, vì bản thể là vô tướng, mới sinh ra tất cả tướng. Kinh Kim Cang nói rằng :

Phàm tất cả tướng đều không thật
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng
Tức thấy Như Lai.

Cho nên các pháp là một pháp, Kinh Pháp Hoa tức là pháp thật tướng. Đức Phật nói, ta đã vì các ông diễn nói các pháp thật tướng, vì thế trong đêm nay ta sẽ nhập diệt, từ nay về sau các ông hãy tự nỗ lực, nhất tâm tinh tấn, xa lìa giải đãi phóng dật. Phật thị hiện nhập Niết Bàn, cũng là phương pháp giáo hóa chúng sinh, vì nếu Phật sống mãi ở đời, thì chúng sinh sẽ sinh tâm ý lại và phóng dật. Người xuất gia chẳng tu hành, giống như suốt ngày đếm tiền bạc cho họ, mà mình chẳng có đồng xu nào, nơi pháp chẳng tu hành, lỗi mình cũng như thế. Nên biết Phật pháp khó nghe, Thánh Tăng khó cầu, Phật Bảo trải qua trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được ! Như hiện tại tôi ngày ngày thuyết pháp, nhưng các bạn vì ý lại có thầy mà chẳng phát tâm nỗ lực, một khi ngày nào tôi lìa các bạn, thì ngược lại, khiến cho các bạn sinh ra sức tự lập, mà hằng hái vượn lên. Nên nhớ, người tu hành phải nương sức của mình, phần chấn tinh thần, dùng mãnh tinh tấn.

Khi tám vị vương tử và các đại chúng nghe tin Phật muốn vào Niết Bàn, thì ai nấy cũng đều buồn rầu khổ não. Thầy trò tình như cha con, chẳng có ai mà không nói : Sao đức Phật nhập diệt quá sớm ! Lúc đó, đấng Thánh Chúa, vua của các pháp, thấy đại chúng bi ai, thì thương xót an ủi đại chúng nói : "Các con đừng quá bi thương lo sợ, tuy ta bỏ các con mà đi, còn có Bồ Tát Đức Tạng, kế đây sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Vị đó đã thông đạt pháp vô lậu thật tướng, sẽ thay thế ta tiếp tục giáo hóa chúng sinh." Phật thọ ký truyền pháp rồi, trong đêm ấy vào Niết Bàn, như củi hết lửa tắt.

Di thể của Phật hỏa thiêu rồi, phân chia xá lợi, xây vô lượng bảo tháp để cúng dường. Phật nhập diệt rồi, thì hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, đông như số

cát sông Hằng, đều tôn kính di chúc của Phật mà càng tinh tấn tu đạo. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni có ba nghĩa :

1. Khất thực.
2. Bố ma.
3. Phá ác.

Phá vô minh phiền não thì trí huệ sẽ tăng trưởng. Khi một vị Sa Di thọ giới Cụ túc, thì có tam sư thất chúng, hợp lại là mười vị Tỳ Kheo, đại biểu chư Phật cho thọ giới.

- Khi dâng đàn truyền giới, thì đặc giới Hòa Thượng hỏi y : "Ông có phải đại tượng phu chăng ?"

- Đáp : "Phải".

- Lại hỏi : "Ông đã phát bồ đề tâm chưa ?"

- Đáp : "Đã phát bồ đề tâm !"

Lời này vừa nói ra, thì thiên ma ngoại đạo kinh hãi dựng lông, vì quyến thuộc của ma vương bớt đi một người, còn đệ tử của Phật lại thêm một người.

**Vị pháp sư Diệu Quang
Phụng trì tạng Phật pháp
Trong tám mươi tiểu kiếp
Rộng nói Kinh Pháp Hoa.
Tám vị Vương tử đó
Được Diệu Quang giáo hoá
Kiên cố đạo vô thượng
Thấy được vô số Phật.
Cúng dường chư Phật rồi
Cũng theo tu đại đạo
Liên tiếp đều thành Phật
Thứ tự mà thọ ký.
Thiên Trung Thiên cuối cùng
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Là Đạo Sư trời người
Độ thoát vô lượng chúng.
Vị pháp sư Diệu Quang
Có một vị đệ tử
Tâm thường hay giải đãi**

**Tham trước về danh lợi.
 Cầu danh lợi không chán
 Thường đến nhà giàu sang
 Bỏ bê đọc tụng Kinh
 Quên mất chẳng thông thuộc.
 Vì bởi nhân duyên đó
 Nên gọi là Cầu Danh
 Cũng tu các nghiệp thiện
 Được thấy vô số Phật.
 Cúng dường các đức Phật
 Theo tu hành đại đạo
 Đủ sáu Ba la mật
 Nay gặp Phật Thích Ca.
 Sau này sẽ thành Phật
 Hiệu là Phật Di Lặc
 Rộng độ các chúng sinh
 Số đông nhiều vô lượng.**

Pháp sư Diệu Quang là đệ tử hộ pháp của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, trải qua tám mươi tiểu kiếp, để diễn nói Kinh Pháp Hoa, phụng trì pháp của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, và giáo hóa các vị vương tử, kiên cố hành trì pháp đại thừa viên đốn, tức vô thượng đạo.

Vì thấy được vô lượng chư Phật và cúng dường chư Phật, thuận

theo chư Phật tu hành vô thượng đạo. Lại thú tự tiếp tục thành Phật đạo, thú lớp thọ ký nhau, trong tám vị vương tử, vị thành Phật cuối cùng hiệu là Phật Nhiên Đăng, là bậc đạo sư của trời người, độ thoát vô lượng chúng sinh. Phật là Thiên Trung Thiên, Thánh Trung Thánh.



Pháp sư Diệu Quang có một vị đệ tử, tham cầu danh lợi chẳng giữ giới luật, ít dụng công tu hành, thường đi đến nhà người tại gia giàu có, để mong cầu lợi dưỡng. Tuy Ngài tham cầu danh lợi, bỏ bê đạo nghiệp, nhưng bên cạnh đó Ngài tu cần lành rộng lớn, có cơ hội được gặp Phật và cúng dường chư Phật. Nối tiếp mà thuận theo chư Phật, trừ khử các tập khí mao bệnh xấu mà tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và Bát Nhã, sáu độ vạn hạnh. Do sự nghiêm tịnh tu trì trải qua vô lượng kiếp, tích tụ công đức đã thành tựu và phước huệ đều tròn đầy, cho nên hôm nay được gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, mà được thọ ký tương lai sẽ thành Phật, thay thế Đức Phật Thích Ca hiệu là Phật Di Lặc. Phật Di Lặc sẽ ở dưới cội Long Hoa, thuyết pháp ba hội, độ vô lượng vô biên chúng sinh.

Kỳ thật, Bồ Tát Cầu Danh chẳng phải thật tham cầu danh lợi, chỉ vì chúng sinh điên đảo ngu si, mà Ngài dùng tâm đại từ bi, lợi dụng pháp quyền xảo phương tiện, giả bộ ở trong đời thế tục, tùy loại mà hóa độ tất cả chúng sinh điên đảo mê các trần lao. Bồ Tát hiện tướng thuận nghịch để khai thị chúng sinh, đâu chẳng phải là phá sự tham trước và giải đãi của chúng sinh. Song, chúng sinh chẳng hiểu sự khổ tâm của Ngài, không ngại gian khổ để cứu độ chúng sinh, ngược lại vì hình tướng bề ngoài của Ngài, như kẻ ăn mày mà khinh khi Ngài, thậm chí còn mắng chửi và đánh đập Ngài. Nhưng đối với sự thành bại vinh nhục, Ngài đã hoàn toàn chẳng còn bận lòng. Trong Chúng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia có nói :

"Bao lần sinh, bao lần chết,
 Sinh tử đặng đặng chẳng
 định ngừng,

Từ khi đốn ngộ liễu vô sinh,
 Đối với vinh nhục hà tất buồn vui."

Nghĩa là, thân tâm của Ngài như hư không, rộng khắp pháp giới, những gì Ngài làm đều như ánh sáng mặt trời mặt trăng tỏa muôn phương, khen chê Ngài đều chẳng bận lòng. (còn tiếp)

Chú lãng nghiêm

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

88. Đa Tha Già Đa Gia.

Kê : Thường Trụ Tam Bảo Phật Pháp Tăng
Nhất tâm cung kính yếu kiên thành
Như Lai đệ tử A la hán
Mạn mạn hắc dạ đại minh đăng.

Tạm dịch :

Thường trụ Tam Bảo Phật Pháp Tăng
Một lòng cung kính phải kiên thành
Đệ tử Như Lai A La Hán
Đèn sáng lớn phá tan đêm tối.

Giảng giải : **Đa Tha Già Đa Gia**, đây là nói "Lễ khắp tất cả đệ tử của Như Lai". Đệ tử của Như Lai là ai ? Là hết thầy tất cả hiền Thánh Tăng, cho nên nói : "Thường trụ Tam Bảo Phật Pháp Tăng." Thường trụ tức là thường trụ bất biến, đó là tận hư không biến pháp giới, một thứ chánh khí, đạo phải có Phật, có Pháp, có Tăng. Phật kể cả Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, đây gọi là tất cả chư Phật ba đời. Tam Bảo tức là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Sao gọi là bảo ? Vì rất ít có, chẳng phải lúc nào cũng có thể thấy được. Tuy nhiên thường trụ, nhưng nghiệp chướng của chúng ta che lấp trí huệ của mình, cho nên không thấy được Phật, không nghe được Pháp, không thấy được Tăng.

Bây giờ chúng ta thấy Phật, nghe Pháp, gặp Tăng, cho nên phải một lòng cung kính, chuyên nhất kỳ tâm, tâm không có hai niệm. Cung kính Tam Bảo phải kiên thành, chẳng phải làm hình thức, biểu diễn bên ngoài, phải cung kính chân thật, tâm thật không hai, càng kiên thành càng tốt.

"Đệ tử Như Lai A La Hán." Đệ tử của Phật tức là tất cả đại A La Hán, đại Tỳ Kheo Tăng, đêm dài tối tăm ở đây, thì A La Hán hiền Thánh Tăng Tam Bảo là đèn sáng chỉ đường cho chúng ta, cho nên "Đèn sáng lớn phá tan đêm tối." Đèn sáng lớn, tức là chánh khí, chánh pháp trụ thế. Những kẻ bác vô

nhân quả, làm nhất xiển đề, cũng giống như đêm dài tối tăm, không thấy quang minh. Phật Pháp Tăng Tam Bảo, tức là đèn sáng lớn phá đêm dài tối tăm.

89. A La Ha Đế.

Kê : Tụ vô hoá hữu hữu hoá vô
Ứng chân thị hiện Cự Lạc đồ
Quảng tu cúng dường hằng tinh tấn
Phổ lễ nhất thiết chúng vương tộc.

Tạm dịch :

Tụ không hóa có, có hóa không
Ứng chân thị hiện cõi Cự Lạc
Rộng tu cúng dường luôn tinh tấn
Lễ khắp tất cả chúng vương tộc.

Giảng giải : **A La Ha Đế** là "lễ khắp ứng chân tất cả vương tộc". Ứng là cảm ứng đạo giao. Chân là chân thật thị hiện. Chúng ta đắc được cảnh giới như thế thì đừng nửa tin nửa ngờ. Ví như nằm mộng thấy Phật phóng quang, hoặc là thấy đến rờ đầu, sinh ra nửa tin nửa ngờ, có thật hay chẳng, như thế bèn giảm sút. Tức là chân mà bạn không tin, do đó biến thành giả, vì bạn không có tín tâm. Có tín tâm tại sao phải hoài nghi ? Đó là nhất xiển đề. Nhất xiển đề thì niềm tin không đủ. Cảnh giới ứng chân là có hóa thành không, rất linh nghiệm. Phật, Bồ Tát, A La Hán, trời, người, A tu la, đều có thể thị hiện, không chỗ nào mà không hiện thân, tụ không hóa có, biến hóa khó lường, diệu dụng vô cùng.

"Ứng chân thị hiện cõi Cự Lạc." Trên thế giới này, những người giác ngộ tất cả đều là thị hiện, đều là giả. Tại sao thị hiện giả, vì muốn kêu bạn mượn giả tu chân, hiểu rõ cứu kính khoái lạc, chứ chẳng phải có hình tướng, có sự chấp trước. Cho nên chúng ta phải : "Rộng tu cúng dường luôn tinh tấn." Từ từ hướng tới vô thượng đạo. Tại sao

lễ khắp tất cả chúng vương tộc ? Vì học vô thượng đạo, trước hết phải trừ khử cống cao ngã mạn, ngã chấp không thì pháp chấp mới phá được. Ngã chấp không rồi, thì không còn ngã tướng, còn có pháp chấp, phải phá cả hai ngã và pháp chấp, cho đến "không" cũng chẳng có, nếu "không" còn tồn tại thì còn chấp "không", "không" cũng chẳng còn, mặc dù "không còn" cũng chẳng có, bạn vẫn có cái "không còn" tồn tại, nói tôi "không" cũng chẳng còn, đó vẫn là có sự chấp trước. Các bạn nghĩ xem, tu hành khó quá, chẳng phải dễ, nếu dễ dàng thì ai ai cũng đều thành Phật rồi, đâu có trôi nổi trong vòng sinh tử luân hồi. Khai quật mỏ vàng cũng không dễ dàng, nhưng nếu bạn không khai quật mỏ vàng, thì vĩnh viễn chẳng có được vàng, nhất định phải bỏ ra công sức, khai quật mỏ vàng, sau đó mới có được vàng, người tu hành cũng như thế, trước khó mà sau được, bạn sẽ thành tựu đạo nghiệp, đều là nhờ thiện trí thức giúp đỡ. Giúp đỡ thế nào ? Tức là gặp nghịch cảnh khiến bạn có thể triết phục mà thọ, mới chân chánh hiểu rõ Phật pháp, phá ngã chấp rồi thì pháp chấp cũng không. Chấp không cũng chẳng còn, như thế thì tịch diệt là vui, các hành vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi tịch diệt là vui, tức là đạo lý này.

90. Tam Miệu Tam Bồ Đà Gia.

Kệ : Quy mạng chánh giác Phật Đà Gia
Quy mạng chánh giác Đạt Ma Gia
Quy mạng chánh giác Tăng Già Gia
Quy mạng chánh giác Tam Bảo Gia.

Tạm dịch :

Quy mạng Đức Phật bậc giác ngộ
Quy mạng Pháp Bảo ngôi thứ hai
Quy mạng Tăng Già hoà hợp tu
Quy mạng cung kính ngôi Tam Bảo.

Giải thích : Có một câu nói là : Niệm Chú Đại Bi, dám đấu với vua Diêm Vương. Niệm Chú Đại Bi thì quỷ thần không dám đấu. Nhưng bạn phải thường niệm Chú Đại Bi, thì sẽ dám đấu với lão Diêm Vương. Lão Diêm Vương chẳng có biện pháp. Niệm Chú Đại Bi thì quỷ thần chẳng dám đấu. Quỷ thần đều sợ bạn. Sợ ở đây chẳng phải là nóng giận, mà là bạn có một sức lực chân chánh, quyền lực chân chánh, đó gọi là có đức hạnh.

Có đạo đức thì Diêm Vương cũng phải nể bạn, quỷ thần cũng không dám nhiều bạn, chứ chẳng phải vì bạn quá nóng giận khiến người sợ sệt, quỷ thần kính mà rời xa. Niệm Chú Đại Bi có được oai lực như thế. Còn niệm Chú Lăng Nghiêm thì sao ? Không có oai lực như thế chẳng? Đương nhiên là cao siêu hơn, học Chú Lăng Nghiêm thì Thiên Chủ không dám đấu, mà ngược lại học Chú Lăng Nghiêm dám đấu với Thiên Chủ. Vậy, nói Chú Lăng Nghiêm này phải chẳng không giảng đạo lý ? Không phải ! Phải chẳng cường từ đoạt lý ? Chẳng phải ! Bạn tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, thì tương lai bảy đời về sau đều giàu có, như ông vua dầu hỏa của Mỹ, bảy đời đều làm viên ngoại, viên ngoại là người giàu có, nếu tốt như vậy tôi phải mau học Chú Lăng Nghiêm, để đấu với Thiên chủ, làm bảy đời viên ngoại. Đó là hy vọng nhỏ nhen, vậy đừng học Chú Lăng Nghiêm làm gì, bảy đời làm viên ngoại thời gian cũng chỉ là một nháy mắt. Bạn đấu với Thiên chủ, đấu đi đấu lại vẫn lưu chuyển ở trong lục đạo luân hồi. Vậy khi chưa tụng niệm Chú Lăng Nghiêm phải cầu mong gì ? Phải cầu mong cứu kính làm Phật, đắc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Tam Miệu Tam Bồ Đề, đừng cầu cảnh giới nhỏ nhen như thế, mục đích nhỏ nhen như thế.

Trên thực tế, học Chú Lăng Nghiêm tức là hóa thân của Phật, không những là hóa thân của Phật, mà còn là hóa Phật trên đỉnh của Phật, hóa Phật trong hóa Phật, đó là chỗ diệu không thể nghĩ bàn của Chú Lăng Nghiêm. Có người thật tri Chú Lăng Nghiêm, thì chu vi trong bốn mươi do tuần, không có tai nạn gì hết. Cho nên trước câu Tam Miệu Tam Bồ Đề này là "quy mạng chánh giác, tất cả hiền Thánh Tăng", kệ rằng : "Quy mạng Đức Phật bậc giác ngộ." Chúng ta nhứt tâm quy mạng Phật Thích Ca Mâu Ni.

"Quy mạng Pháp Bảo ngôi thứ hai." Đó là quy mạng Tam Bảo. Cho nên nói "Quy mạng cung kính ngôi Tam Bảo." Tam Bảo là chúng ta phải quy mạng. Bốn lai phía trước đã có Tam Bảo, tại sao bây giờ lại nói, đây là lập lại để cho mọi người đặc biệt chú ý. (còn tiếp)

Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Đây là bồ tát Long Thọ phát minh ra lý không sanh không diệt. Lý luận này thật rất thâm sâu triệt để. Do vì Phật thuyết tám loại tướng, tức không sanh cũng không diệt, không thường cũng không đoạn, không một cũng không khác, không đến cũng không đi. Bồ tát Long Thọ dùng bốn câu kệ tụng để hình dung vô sanh và sanh giống như nhau. Sao lại giảng về diệt? Cũng có thể nói:

*"Đã diệt, không có diệt
Chưa diệt đã không diệt
Rời đã diệt chưa diệt
Lúc diệt tức vô diệt"*.

Những loại lý luận này tôi tin chắc rằng mọi người đều chẳng hiểu gì cả. Do đó tôi không giảng thẳng về chúng. Hiện tại, bắt quá chỉ giảng về lý không sanh không diệt. Lý không sanh không diệt thông tịch nhiên, tịch nhiên thông đạt vô ngại.

"Bát câu bất tịnh ly ô nhiễm, (không dơ không sạch xa ô nhiễm)".

Tự tánh vốn không dơ không sạch, nhưng khi sanh ra, con người lại có dơ có sạch. Dơ sạch này cũng là không dơ không sạch. Chỉ vì chúng ta có tánh chấp biến kế, chấp trước đây là dơ, đây là không dơ, đây là sạch, đây là không sạch. Vì có tâm chấp trước như thế nên biến thành có dơ và có sạch.

Sao nói đó là một loại tâm chấp trước? Ví như tay của chúng ta, đôi khi bị ô nhiễm bởi phân người hay phân heo. Lúc ấy, cảm giác rất dơ bẩn, nhưng dùng nước tẩy rửa thì tay trở lại sạch sẽ. Nhưng khi quần áo bị dính phân thì tuy tẩy rửa nhưng vẫn còn cảm giác như bẩn. Do đó, chúng ta muốn liệng nó đi. Đối

với bàn tay, sau khi rửa sạch thì không còn chấp trước nữa, vì không thể dùng dao cắt đứt bỏ đi, nên tâm nghĩ rằng tay đã được rửa sạch. Đối với quần áo, dầu được giặt rửa rồi nhưng vẫn không thích, không muốn dùng lại nữa, vì do tâm không thích. Tâm không chấp trước vào quần áo. Đó là không nhớ không sạch. Nếu chư vị không có tâm chấp trước thì cho dầu bỏ như nước nhưng không hề hấn gì cả. Nhớ nước và sạch sẽ đều cùng một dạng. Không dơ không sạch là cội gốc của tự tánh. Đối với mọi sự việc dơ hay sạch, đều phải lãnh hội lý không dơ không sạch. Không vì dơ sạch mà làm chuyển động tâm mình. Đó mới hợp với tự tánh của chúng ta. Chư vị phải có trình độ nhận thức như thế, thì đức hạnh của mình mới hợp với đạo lý trời đất, hợp với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Tại sao kim quang của Đức Phật như ngàn muôn ức mặt trời? Vì ngài hội được lý không dơ không sạch. Ngài đạt được đạo lý của trời và người. Ngài hòa hợp thành một thể với bốn mùa, xuân hạ thu đông. Ngài lại hòa hợp với những việc điềm xấu của quỷ thần. Tại sao chư vị không thể được như thế? Vì chư vị còn có tâm chấp trước, tánh chấp biến kế. Chư vị phải phản bản hoàn nguyên, xa rời ô nhiễm.

"Bát tăng bát giảm ngộ huyền trung. (Không tăng không giảm, ngộ trong huyền)". Chư vị phải giác ngộ được tự tánh vốn không tăng không diệt, thì mới liễu ngộ được lý trung đạo tối vi diệu. Tôi vừa giảng về bồ tát Long Thọ thuyết về



lý không sanh, lại thêm Phật thuyết thời pháp môn phương đẳng có tám loại tướng, tức là không sanh không diệt, không đoạn không thường, không một không khác, không đến không đi. Có người không chấp đoạn nhưng lại chấp thường. Đoạn tức là đoạn diệt. Thường tức là tồn tại. Đoạn kiến,

thường kiến là lý luận của ngoại đạo. Pháp Phật thuyết là không đoạn không thường. Vậy, đối với chúng ta, khi chết rồi còn hay là mất? Nếu nói thường còn thì sao chúng ta lại không gặp lại

được những người xưa? Vì đời người vô thường không mãi tồn tại. Chư vị cũng không nên bảo không thường hằng. Hiện tại chúng ta ăn cơm cũng giống như người xưa vậy. Đó là không đoạn. Thế nên Phật thuyết pháp không thường không đoạn. Không nên chấp trước đoạn kiến, hay thường kiến, mà phải hòa nơi trung đạo, nên gọi là ngộ trung huyền.

Không đến không đi tức là đức Như Lai không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Chớ bảo rằng chúng ta cũng như đức Như Lai "bất lai bất khứ (không đến không đi)".

Bảo rằng đến tức là chúng ta từ đâu đến ? Chư vị không hề biết. Bảo rằng đi tức là chúng ta sẽ đi về đâu? Chư vị cũng không biết. Không đến không đi tức là không từ đâu đến và không đi về đâu.

Lại bàn về không một không khác. Không một tức là không đồng một dạng. Không khác tức là không có hai, chẳng có tướng sai biệt. Không một tức là không có tướng đồng với tướng. Luận về thân thể chúng ta, nó không chỉ do một vật hợp thành, mà do nhiều bộ phận khác biệt hợp thành, nên gọi là chẳng phải một. Bàn đến lý không khác, lại luận về thân thể, chỉ có một thân, không có thêm thân khác. Những loại lý luận này thật rất khó hiểu. Mỗi lần giảng chút ít, rồi từ từ mới có thể liễu giải.

Không tăng không giảm, nghĩa là tự tánh chúng ta không tăng không giảm. Như câu:

"Vô tình tạng nguyệt tăng trung giảm, (ánh trăng vô tình tăng trong giảm)

Hữu vị Phật pháp khổ hậu điềm, (ném vị Phật pháp sau khổ nhọc)".

Tạng nguyệt (ánh trăng) tức vô tình, không có tình thức. Tuy nói nó có tăng mà cũng có diệt. Ánh trăng vô tình. Chư vị bảo mặt trăng dừng lặn mất, lưu lại nơi đây một thời gian. Không thể được! Dầu chư vị có làm gì đi nữa cũng không thể giữ mặt trăng đứng lại một chỗ. Trừ phi chư vị giữ được mặt trời cố định một chỗ, tức bảo rằng mặt trời không động. Điều này thật không thể được! Ngày nay khoa học có tiến bộ bao nhiêu đi nữa vẫn không có cách khiến mặt trời bất động. Ánh mặt trời cũng thuộc về loài vô tình. Tăng trong giảm, như năm nay tôi sáu mươi tuổi. Năm kế sẽ sáu mươi một tuổi. Thọ mạng tăng thêm một tuổi, nhưng lại thêm một năm gần cái chết. Ví như bảo rằng tôi sống đến một trăm tuổi mới chết, mà nay đang sống đến sáu mươi một tuổi, tức là phải giảm đến ba mươi chín năm nữa. Nhưng đó cũng chính

là tăng tuổi thọ. Vì vậy bảo rằng trong tăng lại có giảm. Ngược lại, trong giảm lại có tăng. Chư vị phải hiểu rõ lý này chân thật, nó vốn không tăng cũng không giảm.

"Hữu vị Phật pháp khổ hậu điềm, (ném vị Phật pháp sau khổ nhọc)."

Hương vị Phật pháp rất ngọt ngào. Đối với Phật pháp, chư vị học được một chút thì hiểu rõ một chút. Hôm qua tôi đã giảng về lý khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, trung ngộ và đại ngộ. Tiểu ngộ là ít hay nhiều mà sao lại gọi là tiểu ? Giống như hư không rất rộng lớn, khi đã khai ngộ từ trong ruộng tám thức, chư vị cũng vẫn không hay biết. Trung ngộ nghĩa là chư vị cảm giác là mình hiểu rõ được chút ít đạo lý, như lý không tăng không giảm, lý không sanh không diệt xưa nay. Hiểu rõ những đạo lý này được rồi thì gọi là trung ngộ. Đại ngộ tức là dứt tận sanh tử, việc gì đến hay đi cũng đều biết hết. Sau gọi là tăng? Sau gọi là giảm? Biết rõ lý không tăng không giảm, hoàn toàn liễu giải được lý không sanh không diệt gọi là đại ngộ.

"Ném vị Phật pháp sau khổ nhọc". Chư vị nhất định phải nhẫn chịu một chút khổ. Không phải học liên tiếp bốn năm ngày rồi cho đó là học Phật pháp đầy đủ rồi. Chư vị nhất định phải có tâm nhẫn nhục, không luận khốn khổ, gian nan gì cũng đều phải học. Ngày ngày tôi phải đến trường dạy tiếng Tàu cho học sinh. Đến lúc giảng kinh, tôi cũng phải giảng, trừ phi có những trường hợp đặc biệt. Tuyệt đối tôi không bao giờ làm biếng. Cần phải tu hành chân thật thì mới ném được mùi vị Phật pháp, nên đầu tiên phải chịu khổ đau nhọc nhằn. Do đó, chớ có sợ khổ. Càng khổ nhiều chừng nào càng tốt chừng ấy. Phải phấn chấn tinh thần, lập định chí hướng, dũng mãnh tinh tấn tiến bước. Đừng sợ khổ nhọc, gian nan.

"Đạm nhiên tịnh cực siêu tạo hóa." Đạm nhiên tức là thanh tịnh. Cực tịnh nghĩa là tịch tĩnh đến cùng tột. Siêu tạo hóa, nghĩa là siêu xuất công năng tạo hóa của trời đất.

"Đốn giác ngã pháp bốn viên dung, (liền giác ngã pháp vốn viên dung)".

Chư vị nếu hiểu rõ đạo lý này thì tức khắc biết được mình và pháp vốn là một, không có phân biệt, không hai không khác, gốc vốn là viên dung không ngại. (còn tiếp)

Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

HỎI: Ảnh không có thật, điều đó không phải!
Trong luận A-tỳ-đàm nói: Thế nào là sắc nhập? Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, lụa, màu tía, quang minh ảnh v.v... và thân nghiệp ba thứ làm sắc, gọi là “sắc nhập có thể thấy”. Sao ông lại bảo không? Lại nữa, thật có ảnh, có nhân duyên vậy: nhân làm đối, duyên làm minh, hai việc ấy hợp thì có ảnh sinh, sao nói không? Nếu ảnh không có, dư pháp nhân duyên có, cũng đều nên không! Lại nữa, hình ảnh có thể thấy dài, ngắn, lớn, nhỏ, thô, tế. Hình động thì ảnh cũng động, việc ấy có thể thấy, thế nên ảnh có thực.

ĐÁP: Đó là người giải thích A-tỳ-đàm làm; nói một chương pháp môn vì không hiểu ý nên chấp cho là thực. Như trong Bộ-bà-sa nói: Vì trần rất nhỏ, không thể phá, không thể đốt, ấy là thường có! Lại có pháp trong ba đời, từ vị lai đến hiện tại; từ hiện tại nhập vào quá khứ, không có mất; đó là thường! Lại nói các pháp hữu vi liên liên sinh diệt không trụ. Nếu thế ấy, tức là tướng đoạn diệt! Vì sao? Vì trước có sau không, như thế tất cả dị thuyết, sai trái lời Phật nói, không thể lấy đó làm chứng.

Ảnh nay khác với sắc pháp; sắc pháp sinh hẳn có hương, vị, xúc. Ảnh không thế, ấy là chẳng có. Sắc pháp như cái bình, hai căn biết: nhãn căn và thân căn; ảnh nếu có, hai căn cũng phải biết; mà không có việc ấy. Thế nên ảnh chẳng có thực, đó là cuồng nhãn pháp, như cầm lửa đốt quay thành vòng lửa, không thực. Nếu ảnh là vật có thật, thì có thể phá, có thể diệt. Nay ảnh trọn không hoại vì nó là không. Lại nữa, ảnh thuộc hình, không tự tại nên là không. Tuy không mà tâm sinh, mắt thấy, thế nên nói các pháp như ảnh.

NHƯ HÌNH TRONG GƯƠNG.

Hình trong gương không phải gương làm ra, không phải mặt làm, không phải chấp kính làm, không phải tự nhiên, cũng không phải không nhân duyên.

Không phải gương làm, vì nếu mặt chưa đến thì gương không có bóng mặt. Không phải mặt làm, vì không gương thì không có bóng mặt. Không phải chấp kính làm, vì không gương, không mặt, thì không có bóng mặt. Không phải tự nhiên làm, vì nếu chưa có gương, chưa có mặt, thì không có hình tượng. Không phải không có nhân duyên, vì nếu không có nhân duyên thì phải thường có; nếu thường có, không có kính và mặt nó phải tự ra. Thế nên chẳng phải không có nhân duyên. Các pháp cũng như thế, chẳng phải tự làm, song chẳng phải không có nhân duyên.

Không phải tự làm, vì ta không có tự thể, nên tất cả nhân để sinh ra pháp không có tự tại. Các pháp thuộc nhân duyên, nên chẳng phải tự làm, cũng không phải kẻ khác làm; tự mình không, kẻ khác cũng không; nếu kẻ khác làm thì mất lực tội phúc. Kẻ khác làm có hai thứ: hoặc thiện hoặc bất thiện. Nếu thiện thì cho tất cả vui, nếu bất thiện thì chịu tất cả khổ. Nếu khổ, vui tạp loạn, thì lấy nhân duyên gì mà cho vui? Lấy nhân duyên gì mà cho khổ? Nếu chung, tất có hai lỗi: mình lỗi, kẻ khác lỗi. Nếu không có nhân duyên sinh khổ vui, thì người ta thường vui, lìa tất cả khổ! Nếu không có nhân duyên, thì người ta không phải làm nhân vui, trừ nhân khổ. Hết thấy các pháp tất có nhân duyên, như người ta từ gỗ tìm ra lửa, từ đất tìm ra nước, từ quạt tìm ra gió. Khổ, vui hòa hợp nên nhân duyên sinh. Nghiệp nhân tốt, xấu của đời này, đời trước sinh ra khổ, vui. Hết thấy nhân duyên khổ vui, lấy thực mà tìm thì không có người làm, không có người nhận, không có năm ấm làm, không có năm ấm nhận. Không có người trí được vui, tâm tâm yêu đắm bị khổ sinh giận tức. Khi vui diệt thì lại muốn cầu được, như trẻ nít thấy bóng trong gương, tâm vui yêu đắm, gương vỡ tìm đòi làm trò cười cho người trí! Bóng gương thật không chẳng sinh chẳng diệt, lửa dôi mắt người. Tất cả sự vật cũng như thế, không có, không thật, chẳng sinh, chẳng diệt, lửa dôi con mắt kẻ phàm phu!

HỎI: Hình trong gương từ nhân duyên sinh: có mặt, có gương, có người cầm gương, có sáng là việc hòa hợp nên hình sinh. Nhân hình ấy mà sinh

vui buồn, cũng làm nhân, cũng làm quả. Sao lại nói thực không, chẳng sinh, chẳng diệt?

ĐÁP: Từ nhân duyên sinh, không được tự tại nên “không”. Nếu pháp thật có, thì chẳng phải cần nhân duyên mới sinh, vì nếu trong nhân duyên trước có, thì nhân duyên không được dùng; nếu trong nhân trước không, thì nhân duyên cũng không được dùng. Ví như trong sữa trước đã có lạc (sữa đặc) thì sữa không phải nhân sinh ra lạc, vì nhân lạc đã có trước. Nếu trước không có lạc, như trong nước không có lạc thì sữa cũng không phải nhân sinh ra lạc, vì không nhân mà sinh ra lạc, thì sao nước không sinh ra lạc? Nếu sữa là nhân duyên ra lạc, thì sữa cũng không tự tại, cũng từ nhân duyên sinh. Sữa từ bò mà có; bò từ cỏ, nước, cỏ mà có. Như thế sự vật vô lượng vô biên đều sinh ra từ nhân duyên. Thế nên nhân duyên trong quả, không thể nói là có, là không, là có-không, là chẳng có, chẳng không. Các pháp từ nhân duyên sinh, không có tự tánh như bóng trong gương. Kệ nói:

Nếu pháp nhân duyên sinh
Pháp ấy tánh thật không
Nếu pháp ấy chẳng không
Không từ nhân duyên có.
Ví như mặt trong gương
Chẳng kính cũng chẳng mặt
Cũng chẳng phải người cầm
Chẳng mình, chẳng không nhân.
Chẳng có cũng chẳng không
Cũng lại chẳng có không
Nói ấy cũng không nhận (thụ)
Như thế là trung đạo.

NHƯ HÓA

Mười bốn tâm biến hóa gồm:

Sơ thiên có hai: Dục giới, sơ thiên.

Nhị thiên có ba: Dục giới, sơ thiên và nhị thiên.

Tam thiên có bốn: Dục giới, sơ thiên, nhị thiên và tam thiên.

Tứ thiên có năm: Dục giới, sơ thiên, nhị thiên, tam thiên và tứ thiên.

Mười bốn tâm biến hóa này làm tám loại biến hóa:

1. Làm nhỏ cho đến vi trần.
2. Làm lớn cho đến đầy khắp hư không.
3. Làm nhẹ như lông hồng.
4. Làm một cách tự tại, lớn, nhỏ, dài, ngắn, tùy ý.
5. Hay có chủ lực.
6. Hay ở xa đến.

7. Hay làm động đất.

8. Biến hóa tùy ý như: Một thân làm nhiều thân hoặc ngược lại; vách đá đều đi qua; đi trên nước; đập hư không; tay xoa mặt trăng, mặt trời; hay chuyển từ đại địa làm nước, nước làm đất, lửa thành gió, gió thành lửa, đá thành vàng và ngược lại.

Biến hóa lại có bốn thứ: Ở dục giới dục thảo, bảo vật, huyền thật hay biến hóa các vật. Trời, rồng, quỷ thần, được lực sinh báo có thể biến hóa các vật. Được sinh báo ở sắc giới do tu định lực, nên hay biến hóa các vật như người hóa không có sinh, già, bệnh, chết, không khổ, không vui, cũng khác với người sống. Thế nên không, không có thực. Tất cả sự vật cũng như thế, đều không có sinh, trụ, diệt. Thế nên nói các pháp như hóa.

Lại nữa, hóa sinh trước không có định vật, chỉ do tâm sinh, lại có chỗ làm ra (sở tác) nên đều không có thật: thân người cũng như thế, vốn không có sở nhân (cái nhân chính), do từ tâm đời trước sinh thân đời nay, đều không có thật. Như tâm biến hóa diệt, thì hóa cũng diệt. Sự vật cũng như thế, nhân duyên diệt thì quả cũng diệt, không tự tại. Việc biến hóa tuy thật là không mà có thể làm cho chúng sinh lo khổ, sân khuê, hỷ lạc, si mê. Các pháp cũng thế: Tuy không, không thật, hay khiến chúng sinh khởi hoan hỷ, giận tức, lo sợ, v.v... nên nói các pháp như hóa.

Lại nữa, các pháp do biến hoá sinh, không trước giữa sau. Sinh không từ đâu lại, diệt cũng không có nơi đến. Sự vật ở đời cũng thế. Hình tướng do biến hóa sinh, thanh tịnh như hư không, không có trước, chẳng vì tội phúc làm tỳ vết. Sự vật cũng thế. Như tánh của các pháp, tánh như như, như chân tế, tự nhiên thường tịnh. Ví như tất cả nước của các sông nhỏ của cõi Diêm phù đề đều bất tịnh, khi chảy vào biển lớn thì thủy đều trong sạch. (còn tiếp)

Mọi sự, việc gì cũng là Phật pháp, cũng đều là thứ không thể chấp trước, không thể nắm bắt. Trên đời vạn sự, vạn vật, chuyện gì xảy ra cũng chính là thuyết pháp (hiển bày chân lý), chính là giảng kinh. Chúng ta mỗi người ai cũng nên đem bộ kinh của đời mình ra đọc cho kỹ, học cho thuộc, chớ làm việc sai lầm với đạo lý nhân quả. Đời ta mới chính là bộ kinh điển chân chính nhất.

pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

XI. Bài diễn thuyết tại xã Liên Nghĩa ở Quảng Châu vào ngày hai mươi bảy tháng chín năm 1947

Quý vị thiện tri thức! Hư Vân tôi lần này trên lộ trình từ Hồng Kông trở về núi Vân Cư, ghé ngang qua đây. Hôm nay do lời mời của quý vị, nên tôi mới ở lại đàm luận, chứ chẳng vì lụy duyên trần thế.

Quý vị thiện tri thức! Hai chữ "Phật Pháp" thật cùng tất cả thiện pháp nơi thế gian đều đồng không khác. Chư hào kiệt do tu dưỡng học vấn mà tiên tri tiên giác, thành tựu kiến thức siêu việt thường tình, vượt hơn sở học kẻ khác, khiến an định thế gian.

Chư Phật tổ do bao kiếp tu hành mà thành tựu, chánh tri chánh giác, phát tâm từ bi rộng lớn, độ khắp ba cõi. Chư thánh hiền tại thế gian hay xuất thế gian, do tu hành mà chứng được thánh vị và an lạc nơi đạo.

Quý vị thiện tri thức! Phật pháp tức là pháp thứ và bổn phận của mọi người. Điều quan trọng là phải đi từng bước vững chắc, xa rời vọng tưởng chấp trước thì mới đạt đến đạo Bồ Đề vô thượng.

Cổ đức nói:

- Tâm bình thường là đạo.

Đạo của ông Khổng Tử không ngoài "Trung Dung".

Bàn về lý thuyết thì không thiên chấp tức là "Trung". Không biến đổi tức là "Dung". Bàn về sự thì "Trung" tức là trung đạo. Việc gì cũng không thái quá hay không thiếu thốn. Dung tức là dung thường, xa rời tất cả quái lực loạn thần, thuận theo bổn phận làm người, chẳng làm điều kỳ lạ. Phật pháp cũng như thế. Chúng ta phải vận dụng tâm bình thường chân thật mà xem xét thì mới thấy chân tâm thân thiết. Nhờ làm việc bình

thường chân thật mà thấy được chân tâm thân thiết, nên mới có ít phần tương ứng, khiến không phạm tội nói khoác.

Pháp của tâm bình thường chân thật, không khác mười điều thiện, tức trì giới không tham lam, sân hận, si mê, giết hại, ăn cắp, tà dâm, Ý ngữ, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu. Mười việc thiện này, lão tăng đã từng đàm luận rồi. Nếu có thể hành trì thật tiến thì đó là nền tảng căn bản của việc tu hành thành Phật Tổ, cũng khiến cho thế giới

thái bình, tạo nên nhân gian Tịnh Độ. Lục Tổ bảo:

- Tâm bình thì nhọc gì trì giới.

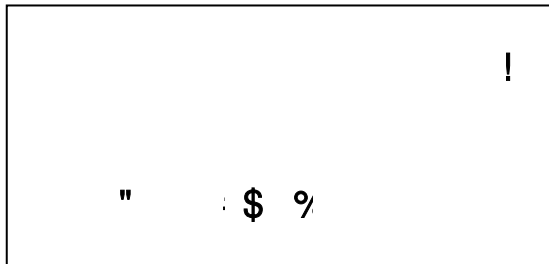
Đó là nói về bậc thượng căn lợi trí; các ngài nghe một lời đạo pháp thì hạnh giải đều tương ứng, như voi vượt sông theo dòng mà qua đến bờ kia. Tướng thiện lành còn không có, hà huống có tướng ác!

Đối với người trung căn và hạ căn, họ thường bị gió chuyên. Hai chữ "Tâm Bình", đàm luận thì dễ. Gió có tám loại: Lợi ích, suy đồi, hủy hoại, khen ngợi, tán thán, chửi mắng, khổ nhọc, an lạc. Phàm gặp gió lợi lạc thì sanh tâm tham trước. Gặp gió sầu thảm thì sanh tâm bi lụy khổ sở. Gặp gió hủy báng thì sanh tâm sân hận. Gặp gió khen ngợi thì sanh tâm vui thích. Gặp gió tán thán thì tâm trụ không nghi. Gặp gió quở trách thì sanh tâm xấu hổ, khiến trở thành hờn oán. Gặp gió khổ đau thì tâm đầy bi thương. Gặp gió an lạc thì liên tục chạy theo vọng tưởng. Tám gió khởi lên, tâm liền theo đó mà chuyển. Lúc sanh lúc chết, làm sao đối kháng được? Phải đi từng bước, tức từ sự

tướng mà nhận thức thể tánh; khi khởi tâm động niệm, luôn tu hành mười điều lành. Sự tướng tuy là cành lá, nhưng phải nhiếp thọ cành lá trở về cội gốc, thì mới mau đạt đạo Bồ Đề.

Lại nữa, Phật giáo lược khai có mười tông và hơn bốn mươi phái mà bốn tông như Thiền, Tịnh, Luật, Mật nhiếp căn cơ chúng sanh rất rộng rãi.

Quý vị thiện tri thức! Cảnh giới của chư Phật như vương đô, mà các tông phái như những đại lộ. Dẫu đại lộ nào cũng dẫn về vương đô. Chúng sanh phân tán khắp bốn phương, do điểm xuất phát không đồng, nhưng khi đến nơi vua trú thì



đồng một dạng giao cảm. Kinh Kim Cang nói: "Pháp này bình đẳng, không có cao thấp!"

Tuy nhiên, nếu hôm nay đi đại lộ này, rồi ngày mai lại chạy qua đại lộ khác, cứ chạy qua đường này lộ nọ, nên cuối cùng chẳng đi đến đâu.

Lục Tô bảo:

- Rời đạo mà tìm đạo, thì cả đời chẳng thấy đạo. Lang thang suốt cuộc đời, chẳng đạt được gì, phải nên tự trách.

Thật là lời răn nhắc thâm sâu! Vì vậy, chúng ta phải thâm nhập vào một pháp môn mà không để phân tâm, hay thói chuyển. Như chuột gặm quan tài, phải từ một nơi mà dụng công thì hồi lâu sẽ đục thủng. Nếu muốn thông đạt hết các tông, phải nên nhận ra chủ bạn. Người hành Thiên tông, phải nên lấy pháp môn của Thiên tông làm chủ (chính), còn giáo lý của những tông khác, phải xem là bạn (phụ). Người hành tông Tịnh Độ, phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chủ, và xem giáo lý của các tông khác là bạn. Luật tông và Mật tông cũng như thế, thì mới tránh việc Hàn Lô tranh khoảnh đất bùn.

Đối với giới luật trong nhà Phật, các tông phái đều phải nghiêm trì. Biết chủ bạn như đi trên đường biết phương hướng. Trì giới luật như đi trên đường có lương thực. Yếu chỉ của các tông phái tuy không đồng, nhưng lên đến đánh thì cùng một dạng. Thế nên bảo:

- Trở về nguồn tánh không hai, nhưng phương tiện thì lại có nhiều môn.

Hôm nay, trong chúng hội đều là những bậc thượng thiện nhân, cùng Phật có phần. Hư Vân tôi nói nhiều lời, bất quá chỉ như vạch hư không mà thôi. Trân trọng! (còn tiếp)

Hàm Sơn Đại Ni

Tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Mùa đông, vào tháng mười một, Ngài lại chuẩn bị hành trang, mục đích đi lên miền

bắc. Thầy Tuyết Lãng lo lắng bảo: "Miền bắc khí hậu rất lạnh lẽo. Hiện tại nhằm vào mùa đông. Sức lực của sư đệ không được khỏe cho lắm, e rằng sẽ không chịu nổi gió mưa sương tuyết."

Ngài đáp: "Hiện tại, chính là lúc phải nên lên miền bắc. Muốn làm việc đại sự, đầu tiên phải chịu khổ nung đúc ý chí, rèn luyện thân tâm, xả bỏ thân xác, thì tương lai mới mong trở thành đại pháp khí."

Thầy Tuyết Lãng lại khuyên: "Sư đệ nếu muốn du hành, đất Ngô Việt cũng có rất nhiều cảnh non xanh nước biếc, sao khổ nhọc ra bắc làm chi?"

Ngài đáp: "Chúng ta có tập khí xấu, chỉ thích sống nơi cảnh an nhàn ấm áp. Muốn không chế tâm thức và nghiệp lực, phải tìm đến những nơi khó khăn khổ nhọc để tu hành. Ý nguyện đã quyết, sư huynh xin chớ khuyên lơn."

Tuy chia tay, nhưng hai ngài vẫn giữ tình huynh đệ mật thiết. Thầy Tuyết Lãng chỉ thích nghiên cứu kinh luận mà không coi trọng phần thực hành của thiền quán hay niệm Phật. Sau này, thầy Tuyết Lãng trở thành vị giảng sư nổi tiếng, nổi tiếng sự nghiệp của pháp sư Vô Cực. Cá nhân, Ngài chú trọng vào phần thực hành thiền quán, nên một mình đi tìm thế giới "Lưu Ly", tức cảnh giới "Thanh Lương" tại núi Ngũ Đài.

Do đó, tay mang bình bát, một mình Ngài hành cước ra bắc. Năm ấy, niên hiệu Long Khánh thứ sáu (1573), hai mươi bảy tuổi Ngài đơn độc đi du hành. Đầu xuân, Ngài đến Dương Châu nơi tuyết rơi đầy dẫy. Vì không còn cách nào để tiếp tục tiến bước, nên Ngài phải tạm dừng chân. Thân thể Ngài không khỏe cho lắm. Việc này thầy Tuyết Lãng đã ân cần nhắc nhở trước khi ra bắc. Trên đường mệt nhọc, lại gặp tuyết sương giá lạnh, nên ở tại Dương Châu chẳng bao lâu, Ngài bị nhuốm bệnh. Tuy bệnh hoạn, Ngài cảm thấy thích thú vì đó là cơ duyên tốt để rèn luyện ý chí, chứ không lo buồn. Không đợi lành bệnh, Ngài đắp ca sa, ra đường khát thực. Nhờ còn trẻ, lại có ý chí kiên trì tinh tấn, bệnh tật bớt rất mau chóng. Vì người trong thành Dương Châu thường cho rằng các tăng sĩ rất làm biếng, nên Ngài khát thực cả nửa ngày mà chẳng được gì. Trở về lữ quán, Ngài tự lấy ra hai ngân bạc, rồi lập tức ra lại ngoài phố, thấy tăng sĩ đói khát, khát thực khổ nhọc trong tuyết sương giá lạnh, nên dùng hết số tiền kia thỉnh mời họ đến quán cơm thọ thực. Sáng hôm sau, Ngài lại ra đường khát thực, đến

một hai nhà đều được ưu đãi. Từ đó, chỉ cầm một bình bát, Ngài không còn bị đói khát. Khi ấy, Ngài tự bảo rằng âm thanh của một bình bát kêu vang vượt muôn ngàn tiếng chuông, có nghĩa là chỉ cần một bình bát mà có thể chứa vô số thức ăn. Lúc mặc y ca sa, Ngài bảo: "Mặc một y ca sa che trùm khắp thiên hạ."

Kể đến, Ngài viết bài kệ:

*"Ủy nhiệm hình cho Ta
Ta ký thác tâm cho
Một thân đều đầy đủ
Muôn vật chẳng hề trọng
Tay áo bay trong gió
Mây trắng cuộn cuộn bay
Đứng lên trên cánh hạt
Tà tà như rồng bay
Lang thang trong hoàn vũ
Đến trú tại núi rừng
Mặc áo gấm đỏ tím
Sương tuyết chẳng thấm vào."*

Dùng văn từ tuyệt hảo, Ngài diễn đạt tự tâm chẳng tham luyến vinh hoa phú quý, khinh thường vật chất phù du, chỉ muốn du hành trong hoàn vũ, ẩn cư tại núi rừng, sống đời tự do tự tại.

Sau khi tuyết ngừng rơi, Ngài tiếp tục đi về hướng bắc. Lúc ấy, trong mình không một đồng xu, Ngài thật thụ là du tăng hành cước, vừa đi vừa khát thực. Tháng bảy, Ngài đến đô thành Bắc Kinh. Tường thành cùng lâu các cao vút. Cửa thành kiên cố. Cây cối được trồng ngăn nắp trên các ụ đất trong thành. Các vị danh nhân cao sĩ, đều

thường hội tụ nơi đây. Nơi thành bắc có rất nhiều vị cao tăng thường lui tới. Đối với tăng sĩ trẻ tuổi vừa ra khỏi am tranh như Ngài, kinh sư thật chẳng phải là đất dụng công. Thế nên, lúc đến kinh đô cả ngày chẳng khát thực được gì. Đến tối, Ngài tới quán cơm Thái Bình tại cửa phía tây, mới khát được thức ăn, rồi ngủ tạm tại chùa Hà Khê, Di Giáo. May thay, tại kinh thành Ngài có rất nhiều bạn hữu xưa. Ưng Bá Ngọc vốn là đồng bạn của Ngài thuở thiếu thời, đang nhậm chức Hữu Ty Mã. Ông rất bội phục tài hoa của Ngài. Xưa kia, ông đã từng khuyên Ngài lên kinh

đô ứng thí để ra làm quan, hầu có chút danh phận. Ông biết Ngài đã xuất gia lâu rồi. Nghe Ngài đến kinh đô, ông cùng người em là Ưng Trung Yêm, tìm đến thỉnh Ngài về nhà tiếp đãi rất nhiều ngày. Đương nhiên, Ngài vui thích qua lại với họ, nhưng chẳng phải vì đói khát mới đến cửa quan. Ý chí lập thân du phương hành cước, mang bình bát đi khắp thiên hạ, luôn luôn kiên cố. Ngài trú tại nhà họ Ưng vài mươi ngày, dưỡng sức nghỉ ngơi sau những đêm dài lao khổ trên đường lộ. Vì tính khí năng động, Ngài không thể nghỉ ngơi mãi nơi đó. Vì vậy, Ngài đến Tây Sơn, tham vấn danh tăng, pháp sư Yết Ma Ha Trung. Trú trên núi, ngắm tuyết rơi Ngài nhớ lại ân huynh Tuyết Lãng, nên viết bài thơ "Nhớ Ân Huynh". Pháp sư Yết Ma Ha Trung rất vui mừng gặp được một tăng sĩ trẻ tuổi có học vấn uyên bác, nên giữ lưu giữ Ngài qua mùa đông.

Ngày nọ, vào tháng mười có một sự việc khiến Ngài thích thú ở lại kinh đô. Sáng hôm đó, khi tuyết ngưng rơi, mặt trời vừa ló dạng, Ngài có ý định là sẽ đến nghe pháp sư Yết Ma Ha giảng pháp, rồi sẽ thỉnh An pháp sư giảng kinh Pháp

Hoa cùng luận Duy Thức. Suy nghĩ chưa xong, Ngài chợt nghe có một chú tiểu đến gõ cửa phòng: "Bạch Thầy! Có một vị khách tăng đến tìm Thầy."

Chưa kịp bước ra khỏi phòng, Ngài thấy một vị hòa thượng tóc dài, đắp y vải bố, vừa tiến vào cửa vừa bảo: "Tôi đã đến."

Vừa gặp mặt vị tăng này, Ngài nhìn kỹ, cảm thấy như đã quen biết rất thân thuộc, nhưng nhớ không nổi danh tánh. Ngập ngừng đôi chút, vị tăng này giương đôi mắt to nhìn chăm chăm, khiến Ngài chợt nhớ ra. Đó là vị tăng bị bệnh thuở xưa ở chùa Thiên Giới, tức thầy Diệu Phong. Ngài liền vui mừng, bảo: "Ô! Sư huynh đã đến."

Thầy Diệu Phong hất tóc ra đằng sau, bảo: "Huynh cài trang, để tóc dài, khiến sư đệ không thể nhận ra!"



Ngài đáp: " Bản lai diện mục của sư huynh tại nơi đây. Làm sao cải đổi được."

Nói xong, hai ngài nắm tay nhau, vui cười hàn huyên tâm sự. Đến tối, Ngài qua chùa Long Hoa, nơi thầy Diệu Phong đang trú ở. Hai ngài nhóm lửa đàm luận suốt đêm. Ngài cười bảo: " Sư huynh đánh phần như vậy, vậy mặt mũi thiên cơ ở chỗ nào ?"

Thầy Diệu Phong đáp: " Thiên cơ tùy chỗ hiện. Tóc dài như vậy vì bấy lâu ở trong núi tu hành, chứ chẳng phải nhàn rồi để tóc chơi. Tham thiền phản chiếu vào tự tánh, nếu nhập vào vài cảnh giới, thì thân thể còn không nghĩ biết đến, huống chi việc để tóc dài nhỏ nhoi."

Ngài nói: " Sư huynh tinh tấn tu hành, treo ba ngàn phiền não đằng sau tóc gáy. Vọng trần của tiểu tăng vẫn chưa đoạn dứt."

Thầy Diệu Phong bảo: " Huynh là người miền bắc. Khi vào nam thì lại sanh bệnh. Sư đệ là người miền nam đến phương bắc, không biết sức khỏe thế nào?"

Ngài đáp: " Lúc trước tại Dương Châu gặp bão tuyết nên nhuốm bệnh nặng, may nhờ chư Phật gia hộ nên được lành. Chẳng biết sư huynh ra bắc bằng cách nào ?"

Thầy Diệu Phong đáp: " Hoàng tử Sơn Âm vừa xây một ngôi chùa lớn, nên thỉnh huynh đến làm trụ trì. Sư đệ đến đây để làm gì?"

Ngài đáp: " Tiểu tăng đi tìm thầy học đạo, chỉ do thuận đường đến kinh đô, nào ngờ gặp lại sư huynh ở đây. Năm xưa ước muốn cùng sư huynh đi viễn du, nay mới được nhu ý nguyện."

Thầy Diệu Phong bảo: " Huynh rất trọng lời của sư đệ. Từ khi xa cách, chẳng ngày nào mà không nhớ đến sư đệ. Lúc ấy vì chưa xếp đặt được hết mọi chuyện, tưởng sẽ không có duyên gặp lại, nào ngờ tương hội nơi đây. Nếu không chê bất tài, thì huynh nguyện sẽ giúp sư đệ mang y bát và lo việc nấu nướng."

Cả hai ngài đồng cười đùa vui vẻ, đàm luận cho đến sáng. Vì có hẹn với pháp sư Tiểu Nham (1512-1581), nên Ngài tạm từ giã, đi đến tây thành. Thuận đường, Ngài viếng thăm, lễ bái pháp sư Phiên Dung và cầu chỉ dạy. Pháp sư Phiên Dung chẳng nói lời nào, chỉ nhìn thẳng vào mắt Ngài. Ra về, Ngài đi thẳng đến gặp pháp sư Tiểu Nham, vị tuổi ngoài sáu mươi, râu tóc bạc

phơ, thân sắc trang nghiêm trầm lặng, vốn là bậc tăng sĩ nổi tiếng đương thời. Vừa gặp pháp sư Tiểu Nham, bậc tiền bối đạo cao đức trọng, Ngài tỏ lòng cung kính sùng bái. Ngài được biết pháp sư Tiểu Nham, một đời hoàng pháp lợi sanh, độ được vô số người, cùng chứng đắc những cảnh giới cao. Thế nên, lúc vừa đến Ngài rón rén bước vào chùa, im lặng chờ đợi pháp sư Tiểu Nham ban pháp nhũ. Khi ấy, tuy đang nhập định, nhưng pháp sư vẫn biết có sự hiện diện của một tăng sĩ trẻ. Pháp sư Tiểu Nham từ từ mở mắt ra, bảo: " Người từ đâu đến đây?"

Tuy tuổi ngoài sáu mươi, nhưng âm thanh của pháp sư Tiểu Nham như tiếng đại hồng chung. Nghe thế, Ngài vội cúi mình đánh lễ thưa: " Bạch Pháp Sư! Đệ tử từ miền nam lên đến đây."

Pháp sư hỏi: " Có nhớ rõ đường đi không ?"

Đây chẳng phải hỏi về đường lộ bình thường, mà pháp sư Tiểu Nham hỏi về đường lộ của nhân sanh. Nhờ trí thông minh lanh lợi, Ngài vội thưa: " Bạch Pháp Sư ! Đường lộ vừa đi qua, liền quên mất. Con đã từng tùy duyên gặp chúng nên được an lành, sao còn cố chấp như người thế tục?"

Pháp sư bảo tiếp: " Nhưng Ta đã biết chỗ của người sắp đến!"

Ngài thành khẩn quỳ xuống hỏi: " Làm thế nào mà Pháp Sư biết được chỗ đến đi của con?"

Pháp Sư bảo: " Tự đến thì đến. Tự đi thì đi. Sao hỏi chi nhiều?"

Nói xong, pháp sư Tiểu Nham lại nhắm mắt, nhập định.

Ngài thưa: " Bạch Pháp Sư! Bạch Pháp Sư..."

Thưa hỏi hai lần, nhưng pháp sư vẫn không phản ứng, nên Ngài lặng lẽ bước ra khỏi phòng thất.

Sau khi đối đáp với pháp sư Tiểu Nham, Ngài mời thầy Diệu Phong cùng đến núi Ngũ Đài. Chẳng ngờ, thầy Diệu Phong vẫn chưa xếp đặt sự việc xong tại kinh đô, nên bảo Ngài hãy đi trước, rồi thầy sẽ đến sau. Thầy bảo rằng nếu có duyên với nhau, thì nhất định sẽ gặp lại trong một ngày nào đó. Vì đã quen với cuộc sống du phương đơn độc, nên đầu thầy Diệu Phong không thể cùng đi đồng hành, Ngài chẳng chút do dự, lập tức khởi hành, đi về hướng tây bắc, tức núi Ngũ Đài. Có hai nhân duyên khiến Ngài muốn đến ngọn núi

này. Thứ nhất, núi Ngũ Đài là một trong bốn ngọn núi Phật giáo nổi tiếng (ba ngọn núi kia là núi Nga Mi ở Tây Xuyên, núi Cửu Hoa ở An Huy, núi Phổ Đà ở Triết Giang). Trên núi có cả trăm ngôi chùa viện lớn nhỏ, hương khói đốt suốt cả ngày, và là nơi mà các Phật tử thuần thành thường xuyên tới lui đánh lễ. Thứ hai, Bắc Đài của núi Ngũ Đài được xưng tụng là núi Thanh Lương, nơi quốc sư Thanh Lương Trùng Quán suốt đời thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm. Lại nữa, lúc thiếu thời Ngài đã từng hành thiền định, thâm nhập vào cảnh giới tuyết sương giá lạnh như cảnh tượng khí hậu ở Ngũ Đài. Do những nhân duyên này, Ngài quyết tâm đi đến đó. Lúc xưa, khi đến chân núi Lô Sơn, vì thấy dấu chân cạp sỏi khắp nơi, nên mới thôi tâm, chẳng dám lên núi. Lần này, Ngài cầm theo quyển "Truyện Thanh Lương", leo lên núi đi khắp nơi, gặp chùa viện nào liền ở đó tham học. Núi Ngũ Đài hùng vĩ, chùa viện to lớn, tăng chúng tu hành rất đông, khiến Ngài tâm tịnh thần sáng. Mỗi buổi sáng, Ngài thường đi du ngoạn lên những đỉnh núi cao như đỉnh Diệp Đầu tại Bắc Đài. Khi đó, trời lạnh tuyết băng. Nhìn xa xa thấy giữa những ngọn núi cao có vài ngôi chùa ngói đỏ vách vàng to lớn. Đang rảo bước, Ngài chợt bắt gặp một chú tiểu đi đến liền chỉ tay về hướng một ngọn núi cao và hỏi: " Sư Huynh có biết đó là nơi nào không?"

Nhìn theo chỉ tay của chú tiểu, Ngài thấy rõ ngọn núi kia thật rất thanh tú hùng vĩ, mây trắng bay tà tà lung chừng núi, phảng phất như chỗ tu hành của các tiên nhân, nên rất thích thú bảo: " Ngọn núi đó cũng thuộc dãy Ngũ Đài chăng?"

Chú tiểu đáp: " Đó là núi Hám Sơn, tức Long Môn của núi Ngũ Đài. Hôm nào rảnh rỗi, sư huynh nên đến đó chơi."

Nghe thế, như có một lần ánh sáng lóe chớp trong tâm, Ngài hỏi: " Hám Sơn? Núi này sao gọi là Hám Sơn? Nay tiểu sư đệ, hãy kể cho Ta nghe nhân duyên."

Chú tiểu kia đáp: " Nay sư huynh thích thú, đệ sẽ kể sự tích núi đó cho nghe. Xưa kia, sau khi thống nhất sáu nước, Tần Thủy Hoàng lên ngôi, lấy hiệu là Thủy Hoàng Đế. Trong thiên hạ, các danh nhân sĩ phu, loài cầm thú bay nhảy, cỏ cây côn trùng, núi non sông ngòi, không có vật chi mà không nghe hiệu lệnh. Tần Thủy Hoàng vì muốn vượt biển cầu làm tiên nhân, nên đi thẳng về hướng đông, gặp nước thì quất đá thành cầu,

gặp núi thì quất núi mở đường lộ, không ngờ đến ngay tại ngọn núi đó. Ông lại dùng roi quất, nhưng núi này chẳng di động. Quất lần thứ hai, núi cũng đứng vững như tiền. Tần Thủy Hoàng chẳng biết làm sao, nên hạ lệnh đi đường vòng quanh núi. Y cứ theo truyền thuyết này, người sau đặt tên cho ngọn núi kia là Hám Sơn, tức ngọn núi ngu ngốc. Tần Thủy Hoàng chẳng thể nhận diện ra thân núi, nên không thể cầu mong sống mãi không già, phải bỏ mình trên đường trở về kinh đô."

Nghe chú tiểu kể thao thao bất tuyệt, Ngài cảm giác như có duyên lành với ngọn núi kia, nên khởi tâm động niệm, thầm nghĩ: " Sao mình không lấy hiệu tên của ngọn núi này, để biểu thị cho sự nghiệp hiến thân vì Phật pháp, như núi Hám Sơn này, vĩnh viễn kiên cố chẳng bao giờ lay động."

Từ đó, Ngài lấy hiệu là Hám Sơn. Người sau cũng thường gọi Ngài là đại sư Hám Sơn. Cảm hứng, Ngài viết hai câu kệ:

*"Chớ theo người nhân thế.
Nương đây ngưng vọng tình."*

Núi Ngũ Đài thuộc miền bắc, địa thế rất cao. Mỗi năm, đến tháng tư băng tuyết mới bắt đầu tan. Đến tháng chín thì tuyết bắt đầu rơi. Nơi đây, vào mùa hạ vẫn được gọi là thế giới Thanh Lương. Mùa đông tuyết đóng rất lạnh, nên một tầng sương mỏng y vá như Ngài khó có thể chịu lạnh nổi. Vì vậy, vừa đổi hiệu mình là Hám Sơn nơi vùng núi Ngũ Đài, Ngài liền xuống núi, trở về Bắc Kinh. Song, vào lúc đó Ngài chưa chánh thức sử dụng danh hiệu Hám Sơn. Trong thời gian đi vân du, Ngài thường dùng tên Trùng Ân. Mãi cho đến khi tới núi Lao Sơn ở Đông Hải kết am tu hành, Ngài mới bắt đầu dùng danh hiệu Hám Sơn. (còn tiếp)

HÃY NỖ LỰC VÌ HOÀ BÌNH CỦA THẾ GIỚI

H.T Tuyên Hoá

Thế giới hiện tại là do nhiều quốc gia hợp thành, mỗi một quốc gia gồm có nhiều gia đình làm nên, mỗi gia đình gồm có nhiều người tạo thành. Cho nên mỗi cá nhân có quan hệ liên đới với toàn thể thế giới. Nếu lòng người thanh tịnh, không có tư tưởng nhiễm ô thì thế giới sẽ hoà bình không có chiến tranh. Ngược lại lòng

người ô nhiễm thì thế giới sẽ trở thành xấu xa. Đạo lý này con người ai cũng hiểu nhưng mà họ không thực hành. Biết mà cố phạm lỗi đó thực là đáng thương xót.

Điều tốt là do tâm tạo ra, điều xấu cũng từ do tâm mà làm nên. Thế giới hiện tại đang ở chỗ cái tốt không bù được cái xấu. Bởi vậy, địa cầu đi đến chỗ sẽ bùng vỡ, thật là vô cùng nguy hiểm. Tại sao địa cầu đi đến chỗ bùng vỡ? Đó là vì tham, sân, si. Ba cái thứ ác khí đè khắp tất cả mọi nơi. Nếu trái đất hủy diệt thì con người chẳng còn tồn tại được nữa. Tuy vậy, con người không để tâm nghiên cứu vấn đề này, suốt ngày cứ sống trong sự mê muội, chết đi trong mộng mơ. Để thời gian trôi đi một cách hồ đồ, không biết rằng sự nguy hiểm trùng trùng. Con người chỉ thấy sự nguy hiểm trước mắt, không biết nghĩ đến cứu cánh của tương lai. Họ làm cho những vấn đề âu lo của loài người càng ngày càng thêm nhiều thứ: Không có thực phẩm ăn, không có quần áo mặc, không có nhà cửa ở, không có tài nguyên, nhiên liệu. Họ cho những vấn đề này là vấn đề trọng yếu. Kỳ thật, những vấn đề đó còn nhỏ, bởi vì sẽ có lúc chúng sẽ được giải quyết theo thời gian. Thật ra vấn đề sanh tử của mọi người mới là vấn đề trọng đại. Cái phút này mình còn, nhưng phút sau không còn nữa, trong chớp mắt mình sẽ ra đi. Cái chết sẽ tới ngay trên đầu mà mình không hay. Thương thay con người vờ vấn đề nghiêm trọng như vậy, thì rất lãnh đạm, giống như chuyện chiêm bao vậy. Từ đâu mình sanh lại, rồi mình chết đi về đâu? Không ai biết cả. Bây giờ phải làm sao để có một phương pháp cứu vãn tình hình hiện tại. Tức là cải bỏ điều ác, chỉ làm điều thiện, sửa đổi con người chính mình đừng có sinh lòng ích kỷ, tự lợi, mà phải có lòng từ bi; vì tất cả chúng sinh nên học tập tinh thần của Bồ-tát.



Hành vi của mọi người là do tâm chi phối. Bởi vì tâm nên mình biến thành các loài trong mười pháp giới. Một niệm thiện thì mình sinh lên trời; một niệm ác thì mình bị đọa địa ngục. Cho nên nói:

"Nhất niệm giác tộ thị Phật
Nhất niệm mê tức chúng sinh."

Một niệm giác ngộ tức là Phật, một niệm hồ đồ tức là chúng sinh. Nói một cách nông cạn thì một tư tưởng lợi ích cho kẻ khác đó là Bồ Tát; một tư tưởng lợi ích cho mình, thì là chúng sinh; một ý niệm hồi quang phản chiếu tìm giải đáp nơi chính mình, thì đó là A-la-hán và đức Phật. Một ý niệm quay ngược lại sự giác ngộ, lăn theo bụi đời đó là phàm phu; một ý niệm quay ngược lại với bụi đời, để trở lại với giác ngộ tức là Thánh nhân. Cho nên cả hai mặt xoay qua đổi lại, thật giống như trở lại bà tay vậy.

Thế giới tốt hay xấu đều do tâm niệm của mình mà tạo thành. Con người ai cũng có tâm lành thì

thế giới sẽ yên trụ mãi mãi; con người có tâm ác thì thế giới sẽ hủy diệt. Đó là đạo lý rất hiển nhiên. Đạo Phật dạy người ta làm điều thiện, biết rõ nhân quả. Làm điều thiện nhiều, công đức nhiều, có nghĩa rằng đừng có tranh, đừng có tham,

không mong cầu cái gì, chẳng ích kỷ, cũng chẳng tự lợi và không nói láo. Như vậy thế giới sẽ từ chỗ nguy hiểm mà trở nên an ninh. Cho nên nói: "Nhất thiết duy tâm tạo." Tất cả mọi thứ đều do tâm làm ra. Tâm tạo ra thế giới, tâm có thể hủy diệt thế giới; tâm tạo ra thiên đường, tâm cũng có thể tạo ra địa ngục.

Gia đình là do mọi người làm thành, con người là do vọng tưởng mà thành hình. Nếu đem vọng tưởng xấu sửa đổi thành vọng tưởng tốt lành, thì đó là người tốt. Nếu đem ý niệm thiện, mà biến

thành ý niệm xấu, thì đó là người ác. Đó là sự khác biệt giữa người ác và người lành. Chúng ta là những người tu hành, thì phải siêng năng tu Giới, Định và Huệ, trừ bỏ đi tham, sân, si. Đó là điều kiện căn bản của sự tu hành, học Phật pháp. Mình đầu tiên phải đừng làm điều ác, mà làm tất cả điều lành. Đó cũng là điều hết sức căn bản. Nếu ai cũng có thể theo điều này mà thực hành, thì thế giới có thể trở nên tốt lành, khí lành sẽ tăng gia và ác khí sẽ tổn giảm. Trong vũ trụ sẽ đầy những chính khí an lành, trái đất sẽ không bùng nổ.

Làm sao cho thế giới yên ổn, an lành ? Chỉ còn một biện pháp là mình tới học Phật pháp nơi cái đạo tràng mà có chính pháp, rồi sửa đổi lỗi lầm của mình. Mọi người ai cũng bỏ điều ác, mà làm điều lành, thì thế giới sẽ không có ba thứ tai nạn, tám thứ khổ khổ. Con người ai cũng sống trong hoà bình thương yêu lẫn nhau, không còn tranh, không còn tham nữa. Đó là thế giới đại đồng. Hy vọng rằng lúc đó, những kẻ không có tín ngưỡng, tôn giáo, cũng sẽ vì gia đình, vì tổ quốc, vì thế giới, bỏ đi những tánh tham lam, làm những việc xã hội phúc lợi cho mọi người. Mình cũng nên biết rằng tài sản là những vật ngoài thân, sanh ra mình không đem tới, chết đi cũng chẳng đem theo được. Người ác khi lấy được ánh sáng tốt đẹp của người lành, cái hắc ám của người ác ôn bị hào quang của người thiện chiếu soi làm tan mất. Lúc đó, thế giới không còn bị ác khí, địa cầu mới không bị hủy diệt. Đạo lý này rất giản dị, nhưng mình phải biết dụng công rất sâu xa thì mới có hiệu quả được. Tùy cái tâm mình hạ thủ xuống tay cải tạo thế giới, làm thế giới được bình an.

Mình phải lãnh đạo cái tâm, nếu cái tâm xấu thì thân thể đầy đủ tật bệnh, gặp đủ thứ tai nạn bất ngờ. Chúng ta cần phải phản tỉnh, kiểm thảo, nếu có tội lỗi phải mau sám hối. Bởi vì, tội lỗi tà trời nếu sám hối thì tiêu sạch. Tất nhiên, mình phải thành tâm sám hối thì mới tiêu tai. Đừng nên coi là chuyện giỡn, hằng ngày làm chuyện ác, ban đêm sám hối tin rằng có thể tiêu tai. Nếu như có tư tưởng như vậy, thì chẳng những tội chẳng tiêu mà còn nặng thêm nữa. Bởi vì sao ? Mình đã biết tội còn cố phạm nữa thì không thể nào được tha thứ.

Căn bản làm người, trước tiên phải làm tròn chữ hiếu

H.T Tuyên Hoá

Phàm làm người, nếu chúng ta không làm một con người tốt, thì không thể nào thành Phật, cho nên phải nên xây nền tảng làm người. Nền tảng làm người là gì ? Nền tảng làm người là : Hiếu, để, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si. Căn bản làm người dựa trên tám điều này, cho nên đức Khổng Tử có nói rằng :

"Quân tử vụ bổn, bổn lập nhi đạo sanh
Hiếu, để dã giả, kỳ vi nhưn chi bổn dã."

Nghĩa là: Bậc quân tử chú trọng đến cái gốc, vì một khi gốc đã vững thì đạo theo đó sinh ra. Lòng hiếu thảo, và tình huynh đệ chính là gốc của con người vậy. Như vậy căn bản làm người trước hết phải làm tròn đạo hiếu, kính lão trọng hiền; trông thấy người già cả xem như cha mẹ của ta, với bậc trung niên xem như anh chị, với nàng thiếu niên xem như con cái. Nếu có cái nhìn như vậy thì mới gọi là biết làm người. Cho nên người xưa dạy rằng : "Phụng sự tận tình bậc trưởng bối của kẻ khác, cũng như phụng sự tận tình người lớn tuổi trưởng thượng trong nhà mình. Săn sóc hết lòng con em của kẻ khác, cũng như săn sóc hết lòng con em nhà mình." Căn bản đạo làm người là kính mến bậc trưởng bối, tôn trọng bậc hiền đức, cung kính người tu đạo.

Trong chương Lễ Vận Đại Đồng của Đức Khổng Tử : có nói : "... Cho nên người ta không phải chỉ lấy họ hàng mình làm người thân thích mà thôi, cũng không xem chỉ có con cái là con của mình mà thôi. Họ làm cho người già có chỗ an dưỡng cuối cùng, khiến người trẻ được hữu dụng, khiến cho trẻ thơ được phát triển. Những kẻ goá chồng, goá vợ, con cô, kẻ già, không có con nuôi, người tàn phế hay tật nguyên đều được lo lắng săn sóc." Các vị vua, thánh hiền, các đấng minh quân biết đạo từ ngàn xưa, đều trị lý thiên hạ như thế. Khi vua Văn Vương chấp chánh thì ân cho thiên hạ, trước hết Ngài lo chẩn tế khắp nơi bốn hạng người : goá chồng, goá vợ, con cô, kẻ già không

con nuôi; do đó nhân dân trong đời nhà Châu ai nấy đều hưởng cuộc sống thanh bình an lạc. Bởi vì vua Văn Vương xem thiên hạ như một nhà, thế giới như một thể, nên không có sự phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ xa người gần. Đó chính là sự khởi đầu của thế giới đại đồng. Mình phải biết bắt chước tinh thần như vậy khi học Phật. Nếu bạn đem tâm lượng và chí nguyện như vậy ra học Phật, thì nhất định Đức Phật sẽ hộ trì bạn. Ngược lại, nếu bạn không noi theo gương đó, tuy niệm Phật, lễ Phật, song tối ngày cứ sân hận tức tối, thì chẳng xong đâu, và bạn hẳn chẳng được ích gì trong đạo.

Tôi không biết nói chuyện cao siêu, chỉ hy vọng các vị đem bố thí lòng sân hận nóng nảy của mình đi. Được vậy, bạn đúng là chân chính bố thí. Nếu bạn chẳng thể bố thí đặng tánh nóng giận, thì bạn sẽ không tương ứng với Phật đạo.

Tôi không nhiều lời nữa, lời quá nhiều thì các bạn nhớ không hết và cũng chẳng ích chi. Ít lời, nhưng các bạn nhớ đặng, dù một câu, rồi thật sự áp dụng nó : Nếu các bạn thật sự thật hành các đức hiếu thảo, tình huynh đệ, trung thành, tín nhiệm, lễ mạo, nghĩa khí, liêm khiết, biết hổ thẹn, kèm theo đức không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, thì là các bạn đã bước cái bước đầu tiên trên con đường của Phật dạy. Bước thứ hai cần bạn phải nỗ lực dũng mãnh tấn hơn. Chúc các bạn mau thành Phật đạo !

CHA MẸ LA TẤM GƯƠNG CHO CON CÁI

H.T Tuyên Hoá

Thế giới tốt hay xấu là do gia đình mà ra. Gia đình giáo dục có nề nếp thì tương lai con cái sẽ sáng lạn; còn gia đình không có nề nếp giáo dục, thì tương lai con cái sẽ đen tối. Tuy không thể luận chi tiết, nhưng đại khái thật trạng không sai lệch bao nhiêu; do vậy kẻ làm cha mẹ phải cẩn thận trong mọi hành động, mọi việc làm, không thể tùy tiện muốn làm gì cũng được.

Nếu cha mẹ chẳng tự kiểm nghiệm hành vi hư xấu của mình thì rất dễ ảnh hưởng con cái hư

hỏng. Khi con cái thiếu giáo dục, tương lai chúng sẽ trở thành những phần tử xấu của xã hội, của quốc gia. Vì thế, cha mẹ phải chịu trách nhiệm về giáo dục bằng cách "đi thân tác tác", tự làm gương cho con cái. Mỗi một hành động đều phải hết sức đúng đắn, sáng suốt; phải quên mình vì người và phải có lòng quan hoài kẻ khác. Con cái thấy tấm gương tốt như vậy, thì tự nhiên noi theo để trở thành những công dân ưu tú, rồi tương lai góp sức an định xã hội, điều khiển đất nước.

Đời nay, những kẻ thiếu hiểu biết đã làm những việc thật đáng kinh ngạc. Họ dụ dỗ những thanh niên nhẹ dạ vào đường sa đọa, mà những thanh niên ấy chẳng hề hay biết, còn tự cho là mình làm chuyện đúng đắn. Nên có câu :

Nhất thất túc thành thiên cổ hận,
Tái hồi đầu dĩ bách niên thân.

Dịch là :

*Một bước sai đường, ngàn thu ôm hận,
Hối lỗi quay về, trăm tuổi đã qua.*

Phong khí xã hội như vậy thật là xấu xa đến cực điểm. Nếu cha mẹ mà ty tiện, hạ lưu, thì con cái cũng thành hạ lưu ty tiện. Phạm là kẻ tu đạo, học Phật mình không nên a dua với kẻ xấu. Phải giữ thân thanh bạch, noi theo tác phong bậc chính nhân quân tử, hầu cải biến trào lưu xã hội đương thời. Các bạn nên biết an phận thủ thường, không tham gia vào những tổ chức bất lương, cũng không tán thành những chuyện hưởng thụ dục lạc không chính đáng. Như vậy mới deo ảnh hưởng tốt, khiến kẻ khác cải tà quy chánh.

Cuộc đời của h.t Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

8. Tất cả đều là thử thách.

Một hôm Ngài tình cờ phát hiện ra kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện, đọc qua một lần Ngài cảm kích vô cùng, biết rằng Đức Địa Tạng thật đại từ bi quan tâm đến chúng sanh như thế mà chúng sanh lại không biết. Vì thế Ngài phát nguyện mỗi ngày quỳ trước chánh điện tụng kinh Địa Tạng. Nên chánh điện làm bằng xi măng thô lại không có nệm quỳ, Ngài thì mặc quần vải

mỏng mà quỳ trên nền cứng đó tụng kinh Địa Tạng mỗi lần tụng hai giờ, càng tụng càng hỷ lạc đến nỗi đầu gối bị sưng trầy rướm máu mà Ngài vẫn không hay, mỗi ngày Ngài cứ y giờ quỳ trước chánh điện thành tâm tụng kinh Địa Tạng.

Lần nọ, có một cư sĩ mang phẩm vật đến Chùa cúng dường, thấy Ngài quỳ tụng kinh như thế hết lòng khâm phục và tán thán Ngài với các người khác là:

- Thầy đó dụng công như vậy, như vậy... thật là tinh tấn quá mức.

Sau khi cư sĩ kia rời khỏi, mấy huynh đệ ở Chùa cùng lại mắng Ngài:

- Thầy muốn biểu diễn cố ý cho cư sĩ thấy mình là người chân tu, nhưng chẳng qua là phan duyên đó thôi!

Ngài không một lời biện giải, nhưng rõ biết tâm mình là chỉ muốn tụng kinh thôi.

Từ đó về sau nhiều việc ồn náo, vô lý xảy ra; Trước khi Ngài tụng kinh có những người khác đến la rầy: “Ồ! chỉ giả bộ tu hành đó mà.” Đến lúc tụng kinh xong họ lại giễu báng: “Ông Thầy giả bộ tu hành, tụng kinh xong rồi kìa.” Ngày ngày đều bị dèm pha nhưng Ngài vẫn nhẫn nại không nói một lời. Trải qua hơn một trăm ngày tụng kinh, ma chướng thật đến. Ngày nọ vừa tụng kinh xong, có một vị đại sư huynh, không nói một lời đến tát vào mặt Ngài một cái, Ngài thắc mắc không biết vì sao, nhưng vẫn không dám hỏi. Xong ông sư huynh quát lên rằng:

- Thầy là ai? Sao lười như thế trốn lánh công tác và an nhàn ở đây, người ta làm việc còn Thầy làm bộ tụng kinh, phô trương cho người ta xem hả? Trong chùa này Thầy làm gì có chỗ để tu? Thầy có công đức gì để tu hành ở đây?

Từ đó Ngài ngừng việc tụng kinh. Tu đạo thật không dễ dàng và luôn gặp chướng ngại, người dụng công tu hành có chút điểm thành tựu thì ma

sẽ đến khảo nghiệm định lực của họ; Lúc bắt đầu tu đạo Ngài đã tu trong nghịch cảnh nhưng Ngài chưa từng thối tâm, luôn tinh tấn tu trì trước sau như một.

9. Định lực thắng ma.

Đến năm mười tám tuổi công phu tu tập thiền định của Ngài đã được thuần thục. Khi lên mười chín, đêm 29 tháng chạp, Ngài mơ thấy mình đi vào một túp lều tranh, góc phía Nam có một Ông lão và hai Bà lão, phía Bắc có một Thiếu phụ trẻ, nhan sắc cực kỳ diễm lệ, ăn mặc diêm dúa, bồng con nhỏ khoảng một tuổi ngồi trên giường. Bên góc phía Đông có một cây đèn dầu treo trên cái rương gỗ, rồi thấy nàng ta lấy tay dập tắt ngọn đèn, và cố ý nói:

- Đêm nay hấn lại không về nhà!

Khi đèn đã tắt, nàng ta nhẹ bước nhanh tới và dang hai tay ôm chầm lấy Ngài; biết thiếu phụ có tà ý nên Ngài quát to:

- Người làm gì thế?

Ngài nói liền mấy lần như vậy. Không nghe tiếng trả lời, Ngài biết rõ đó chính là yêu ma quỷ quái, nếu không thì tại sao không biết

hỗ thẹn, Ngài bèn niệm lớn: “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, xin Ngài mau đến cứu con!” Nhờ sức hộ trì của Đức Bồ Tát, vừa niệm xong Ngài giật mình tỉnh dậy, biết mình vừa trải qua cơn ác mộng.

Cũng lạ là phần thân thể mà Ngài bị con ma ôm trúng bị đau nhức khoảng một tuần lễ mới hết. Người nghe chuyện đều kinh dị vì không biết đây là thật hay ảo.

Sau biến cố này; Ngài dạy các môn đệ như sau:

Tất cả đều là những cuộc trắc nhiệm

Đề đo lường phản ứng của ta



Nếu không tỉnh giấc để sa vào cám dỗ

Thì mất hết công đức tu hành.

10. Vui làm việc thiện.

Lúc còn đi học Ngài cũng tham gia vào các Hội đoàn Phật giáo, Từ thiện, Đạo đức... Sau khi ngưng học Ngài dốc hết tinh thần vào việc thiện, không những đã sáng lập trường học miễn phí, cử ban diễn giảng mà còn tế bần cứu khổ nữa.

Năm mười sáu tuổi Ngài tham gia Hội Đạo Đức và chỉ một năm sau Ngài đã giảng pháp cho sáu, bảy mươi người đa số là người trung niên.

Khi thuyết giảng Ngài luôn dùng phương cách đơn giản, dễ hiểu. Một ví dụ là việc ăn vỏ khoai, mọi khi các Hội viên dùng bữa trưa tại Hội và không bao giờ họ chịu ăn khoai cả vỏ. Trước đó, Ngài đã giảng về việc ăn những gì người khác ăn không được và làm những gì người khác làm không được, và quan trọng nhất là thực hành điều này một cách chân thật. Những lời dạy của Ngài đã không rót được vào tai của các Hội viên vì họ đã không chú ý nghe.

Vào một hôm nọ, có một số Hội viên dùng bữa trưa với khoai, như thường lệ họ nhỏ vỏ khoai cùng khắp sàn nhà. Ngài bèn lấy một cái bát đi vòng quanh nhặt tất cả vỏ khoai, rồi ngồi xuống ăn các vỏ ấy. Hội viên thấy vậy rất đỗi ngỡ ngàng vì chính Thầy mình đã ăn lại vỏ khoai do mình đã nhai và nhỏ ra. Đến lúc đó, họ mới thâm sâu bài học của Thầy về việc ăn những gì người khác không ăn được; Từ đó các Hội viên ăn năn hối lỗi và thay đổi tánh nết.

Mọi người trong làng và các bạn trong Hội đều rất kính ngưỡng lòng hiếu hạnh của Ngài nên đã cử Ngài làm Hội trưởng, lãnh đạo Hội Thiện nguyện bài trừ hút sách, rượu chè. Lúc đó một người bạn Ngài họ Thiệu, từng làm Phó Hội Trưởng, ông vốn khuyên người cai thuốc, bỏ rượu, không hiểu vì sao chính ông lại phạm giới uống rượu, mọi người trong Hội đều khuyên giải nhưng ông không nghe. Khi Ngài biết được việc này, Ngài nói rằng:

- Tôi sẽ cố gắng thuyết phục ông ta bỏ rượu nhưng nếu tôi thất bại tôi sẽ tự sát và sẽ không bao giờ trở lại thế giới ô trược này nữa.

Vì Ngài nhiệt tâm, đối xử chí thành khẩn thiết như vậy nên đã cảm hóa ông Thiệu, khi ông biết

rằng một người bạn vì mình mà dám hy sinh cả tánh mạng nên lập tức ngưng uống rượu và hối lỗi. Sau đó ông được phục hồi chức vụ như xưa.

Vì duy chỉ có Đức mới mong cảm hóa được người khác giữ gìn Đạo lý, mà chính Ngài là người nghiêm trì trước tiên và Ngài tiếp tục ra công làm việc không hề biết mệt mỏi để cất trường học, phòng hội miễn phí cho việc thuyết giảng về các sự tai hại của rượu, thuốc lá, thuốc phiện.

11. Không nhiễm nữ sắc.

Câu chuyện dưới đây xảy ra lúc Ngài đang nhậm chức Hội Trưởng Hội Đạo Đức Huyện Song Thành, Thị Trấn Lạp Lâm. Một hôm Ngài ngồi dưới gốc cây đọc bài kỹ thuật, đến đoạn Trương Giám Lý trọng đức viễn sắc, Ngài cảm kích vô cùng bèn ngưỡng lên trời phát nguyện: Xin Trời cao chứng tri, từ đây về sau, con nguyện theo gương sáng của Ngài Trương Nhã Hiên.

Thông thường khi có người phát tâm tu hành tinh tấn thì họ thường gặp nhiều thử thách. Ngay đêm hôm đó có một người đàn bà nhan sắc mỹ miều, lên vô văn phòng Ngài rồi dùng sắc đẹp, tiền tài để cám dỗ Ngài, Ngài giữ chánh niệm và nghĩ rằng: Có lẽ người nữ này do Trời cao giả dạng để thử thách lòng thành của ta nên Ngài chí tâm niệm Phật. Nàng kia vẫn cố tình quyến rũ, Ngài nghiêm sắc mặt hỏi cô ta:

- Là một Hội viên của Hội Đạo Đức, người hẳn biết luật nhân quả, vậy giờ người muốn đi lên hay muốn xuống địa ngục?

- Lẽ tất nhiên tôi muốn đi lên.

- Thì người không được hành động như vậy nữa, nếu không thì người chắc chắn sẽ bị đọa địa ngục thôi.

Thấy Ngài chánh khí lắm liệt người nữ kia hổ thẹn và âm thầm bỏ đi.

ĐỨC PHẬT VUN XÓI RUỘNG TÂM

Vào độ thu, khi lúa chín rộ, những cánh đồng bát ngát như một tấm thảm vàng hoe. Nông dân đây đó tụ tập chúc mừng nhau một vụ mùa thắng lợi, và trời đất cũng hòa nhịp trong bầu không khí tràn ngập niềm hạnh phúc ấy. Khi đức Phật đến nông trang nọ, rất nhiều người cung kính cúng dường Ngài, riêng có một anh nông

phu vốn tính tình cổ chấp cái gắt với Ngài. Anh ta giận dữ nói:

Hằng ngày chúng tôi phải vất vả cày bới vun trồng, gian khổ lắm mới có thu hoạch như ngày hôm nay. Sao Ngài không bắt chước làm như chúng tôi?

Này trưởng giả! Như Lai cũng có cày cấy trồng trọt đấy chứ! Anh là nông phu phải không? Trâu, hạt giống và ruộng đất là những thứ cần thiết của nhà nông? Như lai cũng có các thứ ấy, đất tâm của chúng sanh chính là thửa ruộng, Bát chánh đạo là hạt giống và tinh tấn chính là trâu cày.

Ngài giải thích thêm:

Như lai gieo vào lòng mọi người hạt giống Bát chánh đạo rồi hết lòng vun xới, giúp mọi người nhổ sạch cỏ tham, sân, si trong tâm, khiến ai nấy đều được nhổ sạch gốc cỏ phiền não, đạt được hạnh phúc chân thật.

Người nông phu kia nghe xong thấu hiểu hết mọi lẽ và lập tức sám hối đức Phật, đồng thời hết lòng cung kính dâng lên Ngài thứ cơm sữa thượng hạng nhất. Anh ta thành kính thưa:

Kính đức Thế tôn! Xin Ngài từ bi thu nhận cho con món cúng dường nhỏ mọn này. Ngài đã vun xới mảnh đất tâm và gieo trồng cho con hạt giống hiền thiện, con tin rằng mình sẽ gặt hái được hạnh phúc.

Thích Quảng Mẫn dịch

tam lộ nhất bại

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 5 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Tối qua chúng tôi dựng lều mới trên bãi biển, nhưng khi trời gần sáng thì giật mình thức giấc vì cơn gió hú từ vịnh Sonoma. Tấm lều dường như bị gió cuốn thổi đi. Mới tối hôm qua nước biển vùng Thái Bình Dương còn dịu dàng

mon trốn cát, vậy mà bây giờ nó trở nên hung tợn, giận dữ chuyển mình nổi sóng. Những lọn sóng lớn đập dồn tràn đến sát bên lều, chỉ còn cách độ mười bước, nên chúng tôi vội vã thu dọn lều chõng, trong khi cơn mưa đang trút xuống tầm tã. Dù vậy chúng tôi cũng ráng chậm chậm khởi hành. Hoàn cảnh như vậy thật khó mà tiến bước, nên chỉ được vài dặm sau đó thì chúng tôi quyết định ngừng nghỉ đợi qua cơn mưa. Gần bên con lộ thấy có nhà xe trông giống như đã bị bỏ hoang nên chúng tôi tấp vào. Thầy Hằng Cự có ý kiến rất hay, bèn lôi ra một túi đồ để trước nhà xe làm dấu hiệu để nếu ai muốn tìm chúng tôi thì sẽ biết chỗ mà đến. Đồ ướt được treo lên nhưng vì không khí quá ẩm nên chúng chỉ treo lòng thòng, ủ rũ chẳng khô chút nào.

Sau đó, trong lúc chúng tôi đang tọa thiền, nghe có tiếng xe ngừng phía trước. Lúc đó bao nhiêu thiên định của tôi hình như đang dọn đường cho tiếng mừng reo hơn hờ trong lòng, thậm chí đoán có lẽ mình sẽ được một bữa ăn nóng do gia đình Quả Đôn cúng dường. Nhưng có ngờ đâu! chỉ vì cái

túi đồ để phía trước, đã khiến cho chủ nhà xe và ông cảnh sát ở quận chú ý. Cũng may là họ đã nghe tin về chúng tôi rồi. Và bà chủ Michell vốn là chuyên viên mua bán địa ốc, đã đưa chúng tôi đến một tiệm giặt để sấy khô đồ đạc. Bà càng tỏ vẻ ngạc nhiên hơn khi nghe về mục đích và cách thức của chuyến bán hương, rồi lộ vẻ hơi tức cười khi thấy chúng tôi hiện đang trong hoàn cảnh ướt át như vậy. Bà có ý khuyên nên dừng chuyến du hành, đợi đến mùa xuân trời sẽ ít mưa hơn. Thêm một ngày cố gắng trôi qua, chúng tôi dựng trại ở Jenner. Tuy căn nhà tạm trú là một chuồng bò dột nát, nhưng ít ra chúng tôi cũng tránh được những cơn gió tấp.

Ngày 6 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Trời vẫn đổ mưa, nên chuồng bò cũ kỹ bị dột ướt khắp nơi. Hôm nay chúng tôi lạy qua khỏi vùng



Jenner, nơi này lúa thừa chỉ có mấy căn nhà nghỉ mát và một tiệm tạp hóa nhỏ. Vài cặp mắt mũi đang dí sát vào kiếng cửa sổ. Có con chó đi theo chúng tôi suốt khoảng đường đây âm ỉ. Ngoài vấn đề thời tiết, thì hầu như không có chuyện gì xảy ra cả. A! Về vấn đề thời tiết. Có lẽ thời tiết bên trong quan trọng hơn thời tiết bên ngoài thường là những đám mây, những cơn gió, hoặc mấy trận mưa thôi. Thật ra khí tiết tâm tánh con người có nhiều ảnh hưởng liên quan về nội tâm hơn là về ngoại cảnh. Những cơn bão của tham, sân, si mà trong Phật giáo gọi chúng là Tam Độc, lại có quyền năng rộng lớn ví như có thể che lấp cả trí huệ cố hữu vốn trong sáng như ánh thái dương của chúng ta. Tất cả năng lực không đáng chấp nhận này chỉ nhằm tập trung vào sự thấy có một cái Ngã đang tồn tại trên một "thế giới." Bản lai vốn không có ngã và cũng không có thế giới, vậy mà chúng ta cứ để phí bao nhiêu sức lực để phục vụ cho lòng tham, mà lòng tham này giống như ngọn lửa hung hãn dữ dằn. Mỗi lần chúng ta bị lòng tham áp đảo là mỗi lần như đổ thêm dầu vào ngọn lửa. Sân phát lên khi chúng ta không đạt được điều mình mong muốn. Si lừa phỉnh bằng cách làm chúng ta biết và hiểu những điều mà thật ra chúng ta không hiểu không biết. Vậy nếu chúng ta có thể tăng cường được sự kiểm soát khí tiết ở nội tâm thì có xá chi đến mưa sa, sương mù hay những trận gió bão bên ngoài. Coi chúng chỉ như là trò chơi trẻ con thôi. Trong khi chúng tôi ráng ghi nhận trong tâm những điều này thì ngoài kia cơn mưa vẫn đổ xuống ồ ạt.

Hôm nay chúng tôi lạy được khoảng ba dặm dọc theo bờ dốc cao đầy giốc lốc.

Ngày 7 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:

Không giống như khuôn khổ thời tiết của trời đất là chúng ta chẳng thể làm gì được. Còn đối với thời tiết của nội tâm thì chúng ta có thể kiểm soát đến mức độ tối đa. Nhưng trước hết, chúng ta phải có ý muốn xoay nhìn vào trong và ý thức rằng khí tiết nội tâm có lẽ sẽ không theo như ý mình muốn. Ví như khó mà thừa nhận được cái sân giận thường là căn gốc của hành động, nhưng đợi đến khi chúng ta hiểu ra, thì cái khí tiết sân giận đó có thể vẫn không tiêu hết. Vì vậy chúng ta phải từ từ xoay nhìn trở vào nội tâm, thêm vào sự quán sát bằng thái độ thật đúng đắn. Những giới đức do đức Phật đặt ra nhằm hướng dẫn chúng ta cách sinh hoạt trong đời sống hàng ngày, cũng như trong những hoàn cảnh đặc biệt.

Thâm nhập được những tánh đức này tức là chúng ta đã giảm dần được sự ham muốn và cuối cùng sẽ loại bỏ chúng ra. Khi dục vọng không còn thì tham muốn cũng tiêu tan. Thay vì những khí lực mà chúng ta thường phung phí cho cơn nóng giận hoặc hận thù, thì nay có thể đem nó thực tập về định lực.

Định lực có được mở mang thì mới có khả năng chịu đựng được bộ mặt khiêu khích, si nhục hay thời tiết xấu. Hơn nữa, định lực lại là chìa khóa khai mở trí tuệ sẵn có, để rồi từ từ làm sáng tỏ cái vô minh u ám. Cho nên nhằm tăng trưởng dần sự kiểm soát khí tiết nội tâm, chúng ta phải *hồi quang phản chiếu* và phát triển Giới, Định, Huệ. Như vậy mới dứt được Tham, Sân, Si. Dĩ nhiên học thì dễ nhưng thực hành mới là rất khó.

Căn cứ theo bảng ghi cây số treo dọc theo cống nước và mấy cây cầu, thì hôm nay Thầy Hằng Cù lạy được hơn ba dặm. (còn tiếp)

Bồ Tát sợ nhân không sợ quả, phàm phu sợ quả không sợ nhân. Khi Bồ Tát còn trong lúc trồng nhân thì ngài vô cùng cẩn thận, một chút cũng chẳng làm càn. Đến lúc quả báo tới thì ngài không sợ hãi. Nhưng kẻ phàm phu thì bình thường lúc gieo nhân chẳng sợ gì cả. Sát sinh, trộm cắp, dâm loạn, dối trá, rượu chè, cờ bạc, hút sách ma túy. Những thứ ấy bạn dám nghĩ dám làm, đến lúc thọ quả báo thì mới than khổ không thôi.

Phải dùng lòng chân thật để học Phật pháp. Mỗi một cử chỉ hành động, phải hướng về điều chân thật. Không nên như người đời: Nửa thật nửa giả; có lúc nói thật, có lúc nói láo. Người tu đạo thì lúc nào cũng phải nói thật, làm việc chân thật, không nói dối.

Người học Phật thì nên tin nhân quả vì nhân quả thì không sai một mảy may. Không nên lăm lăm trong quá trình gieo nhân, gặt quả; cũng không nên hủy báng rằng chẳng có nhân quả. Mình nên hiểu: Nhân quả là định luật ngàn đời bất biến.

Là đệ tử của Phật, mình phải cẩn thận chuyện nhân quả. Chớ tùy tiện hủy báng, chửi rủa người khác.

le Sutra du merveilleux Dharma du Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Les dieux sont les êtres qui habitent dans les lieux. Comment sont-ils devenus dieux. Par la pratique des cinq préceptes et des dix bonnes actions. Les cinq préceptes sont les préceptes principaux qui doivent être observés par les disciples bouddhistes. Ils sont :

1. Ne pas tuer.
2. Ne pas voler.
3. Ne pas commettre d'inconduite sexuelle.
4. Ne pas mentir.
5. Ne pas consommer des boissons alcoolisées et des stupéfiants.

Celui qui observe le précepte contre la tuerie pendant longtemps recevra en récompense la longévité. Pourquoi certaines personnes vivent-elles pendant si longtemps alors que d'autres ne vivent que sur une courte durée. Ceux qui vivent longtemps ont bénéficié le mérite d'avoir observé le précepte de ne pas tuer. Ceux qui ont une vie courte, se faisaient du plaisir à tuer dans le passé, aussi doivent-ils subir aujourd'hui le châtement d'une vie courte; tel est le châtement entraîné par la non observation du précepte contre la tuerie.

Pourquoi doit-on observer le précepte contre le vol. Non seulement le voleur dérobe des objets de valeur à des gens mais aussi leur paix d'esprit. Voler veut dire s'approprier des biens d'autrui à leur insu et bien sûr sans leur demander la permission. Quel genre de châtement reçoit-on pour cela ?

Dans votre prochaine vie, vous ne serez pas capable de garder votre richesse. Vous pourriez avoir beaucoup d'argent et de propriétés mais

vous serez rapidement dépouillés de votre fortune. Vous subissez aujourd'hui ce châtement parce que dans les vies passées vous avez volé des biens d'autrui, en dépit du précepte de ne pas voler, aussi dans la vie présente toute votre richesse vous sera dérobée. Par contre, si aujourd'hui vous arrivez à préserver votre richesse, c'est parce que vous avez su dans le passé observer le précepte de ne pas voler. Ceux qui ont observé scrupuleusement ce précepte sont riches et honorés. Ceux qui l'ont bafoué risquent de ne pas pouvoir conserver pendant longtemps leurs richesses et honneur. Les châtements pour des fautes tels que l'inconduite



sexuelle, le mensonge et la consommation de boissons alcoolisées et de stupéfiants sont attribués selon le même principe. Si vous commettez une inconduite sexuelle et prenez les femmes des autres, dans l'avenir les autres prendront votre femme. Tel est le châtement. De même le mensonge

entraîne en conséquence le mensonge. Si vous ne décevez pas les autres, les autres ne vous décevront pas.

Vous dites : - Dans cette vie, je ne n'ai déçu personne. Pourquoi les gens m'ont-ils déçu ? Ne l'ai-je pas expliqué. Le châtement subi durant cette vie n'est pas forcément la sanction d'une faute commise dans cette vie mais il s'étale sur le passé, le présent et le futur. Connaissez-vous le nombre de personnes que vous avez déçues dans vos vies passées ?

Non, bien sûr. Vous ne le savez pas. Vous ne pouvez pas savoir mais à chaque fois que vous

êtes victime d'une trahison, c'est uniquement parce que vous l'avez mérité.

Comme le fait de prendre des boissons alcoolisées et des stupéfiants. Boire du vin n'est pas une faute si grave qu'il faut en parler. Mais le problème c'est que en buvant, vous êtes susceptibles d'en boire beaucoup trop. Résultat, vous serez ivre et dans l'état d'ivresse, vous commettrez des actes insensés et irréfléchis. Dans le bouddhisme, il est interdit de boire ou de consommer tout produit alcoolisé, quel qu'il soit. Le vin embrouille bouleverse l'esprit. Essayez de parler quand vous êtes ivre. Votre langue est si grosse que vous ne pouvez même pas vous exprimer clairement. Tandis qu'en ce qui concerne les stupéfiants, les dangers sont multiples, je pense que vous en savez mieux que moi.

Dans le Bouddhisme, il existe beaucoup de principes impliqués dans les cinq préceptes mais ce qui importe le plus c'est de les respecter non seulement dans vos actions mais aussi dans vos pensées. C'est la vraie moralité.

Quand au vol, peu importe la valeur du butin, du moment où vous vous appropriez du bien d'autrui sans que la permission vous soit accordée, vous avez brisé le précepte. Voilà un petit exemple. Quelqu'un vous donne de l'argent pour lui acheter une bouteille de vin puis tenant la bouteille dans la main vous pensez : - Ce qui lui appartient m'appartient et ce qui m'appartient est mien.

Et vous vous en servez un verre. Ceci est une violation du précepte contre le vol. Ainsi vous avez brisé le précepte contre le vol et celui contre la consommation de produits alcoolisés.

Vous pouvez aussi penser : - Je ne bois pas, alors je ne risque pas de briser ce précepte.

Alors, vous ne buvez pas de vin ? Bien, vous buvez du lait, n'est-ce pas ? Vous trouvez un carton de lait dans le réfrigérateur. Ne faisant pas attention aux conséquences, vous ouvrez et buvez. Ensuite, lorsque quelqu'un vous demande : - Qui a acheté le lait ?

Tout ce que vous pouvez dire est : - Je ne sais pas, je ne sais pas ! J'en ai bu seulement un verre !

N'est-ce pas qu'il s'agit là d'une manière d'agir peu raisonnable ? Même si vous en avez bu seulement un verre sans la permission du propriétaire, vous êtes coupable de vol.

Le même principe s'applique aux autres nourritures, ou à tout objet. Si quelqu'un vous vole,

vous devriez penser ainsi : « Pourquoi vole-t-il ma nourriture ? Ce doit être parce que dans les vies passées, je lui ai volé de la nourriture et alors dans cette vie, il est revenu récupérer son dû. Très bien, oublions-le. C'est ainsi que la personne qui a été dépouillée devrait penser. Le voleur ne peut cependant pas dire ceci : - Je vole votre nourriture maintenant mais ne m'en veuillez pas puis que vous pourriez prendre votre revanche dans votre prochaine vie. Comment savez-vous si vous auriez de la nourriture pour être volée dans votre prochaine vie. Vous pourriez ne rien avoir dans votre prochaine vie et alors comment quelqu'un pourrait-il vous voler ? Alors ne nourrissez pas de telles pensées en tête. Si vous n'avez pas acheté cela, vous n'avez pas le droit de vous en servir comme bon vous semble, sauf si le propriétaire vous en accorde la permission. Aussi, ne songez plus à voler le bien d'autrui. Prendre quelque chose sans en demander la permission est considéré comme un vol, que ce soit un bout de soie, une aiguille ou même un picot de bois ou un simple brin d'herbe. Commettre une inconduite sexuelle, mentir, consommer des boissons alcoolisées ou des stupéfiants seront payés en retour de la même manière. Ayant compris un précepte, vous devez être capable de comprendre tout le reste. Trop en parler ne fait que perdre votre temps.

Comment fait-on pour renaître dans les cieux ? En observant les cinq préceptes. René dans les cieux, on jouit des bénédictions illimitées du ciel. Cependant elles prennent fin un jour. L'apparition des cinq signes de la décadence annonce votre déchéance. Les cieux ne représentent pas encore l'étape ultime.

Les Asuras cultivent aussi le mérite et la vertu mais ils le font d'un cœur affligé.

Comment peut-on cultiver le mérite et la vertu tout en s'affligeant ? Demandez-vous.

Car ce faisant, ils se concentrent seulement sur la concurrence envers les autres. Ils disent d'une façon agressive : - « J'ai donné dix dollars au temple. Combien en avez-vous donnés » ?

Ils se mesurent sans cesse avec leur prochain.

- Vous en avez donné cinq ? J'en donnerai dix donc. Vous en avez donné dix ? J'en donnerai alors vingt.

Ils se luttent incessamment pour être le numéro un, dans la vie future ils se réincarneront en

asuras. Ils ont effectivement gagné du mérite et de la vertu mais leurs actions ont été dictées par la rivalité et non pas par la compassion. Ils se battent aussi pour la célébrité. Ils veulent que les gens disent : - Vous voyez celui-là. C'est lui qui a fait la plus importante donation.

Lutter pour être en tête de l'affiche est un bon moyen pour devenir un Asura. Dans la pratique du

Bouddhadharma, il est important d'avoir une vraie compréhension de la loi de causalité. Alors vos efforts ne seront pas gâchés.

Certaines personnes pensent même : - Puisque je ne peux pas devenir célèbre ici, j'irai quelque part ailleurs.

Alors les gens diraient : - Vous voyez celui-là ? Il est allé jusqu'à New York pour accomplir des actes de mérite et de vertu.

Tout le monde connaît cette façon. Ce sont les causes pour devenir un Asura ; dans l'avenir, ceux-ci deviendront des Asuras.

Dès qu'ils commencent à parler, ils s'énervent. Quoiqu'il arrive, ils doivent toujours être le premier. Faire des actes de mérite et de vertu sans rompre l'affliction est simplement faire des actes de mérite et de la vertu ayant des échappements. Il ne s'agit pas du mérite et de la vertu du non échappement. Vous devez faire le mérite et la vertu, mais ne criez pas sur le toit pour que tout le monde sache que vous êtes le premier ou le deuxième.

Par contre, il existe des gens qui fuient la réputation. Secrètement ils font le mérite et la vertu et ensuite glissent à l'oreille d'un tiers : - Vous voyez, j'ai fait don de cinq mille dollars mais je ne veux pas qu'on le sache. Je le dis seulement à vous. Vraiment ! Eux aussi sont des Asuras et ils sont même pires que les précédents. Pourquoi ? Parce qu'ils sont des Asuras yin, pas yang.

Extérieurement, ils font semblant de ne pas rechercher la célébrité mais en réalité leurs campagnes publicitaires sont même pires. Alors si vous nourrissez la détermination de faire le mérite et la vertu, rappelez-vous que si la motivation n'est pas sincère, le résultat sera déformé. Quand vous semez les causes, si vous ne semez pas les bonnes, lorsque viendra la

récolte, le fruit sera imparfait.

Vous deviendrez un Asura.

- Tout ce qu'ils recherchent durant leur existence : C'est la rivalité, le combat.

Par conséquent, en faisant des actes de mérite et de vertu, en observant les cinq préceptes et en pratiquant les dix bonnes actions. Dans cet esprit, ils deviendront des

Asuras. En résumé, les êtres humains observent les cinq préceptes et pratiquent les dix bonnes actions au plus bas niveau. Les Asuras les performant au moyen niveau tandis que les dieux les réalisent à l'échelon supérieur. Il y a d'innombrables différences, mais pour l'instant nous n'entrerons pas dans les détails, à propos des causes de la renaissance dans les trois bons chemins. (à suivre)



Qui est la mère qui a donné naissance à la bombe atomique, la bombe à hydrogène et au rayon laser ? Ce sont : la cupidité, la colère et la stupidité. Si ces dernières étaient détruites : la bombe atomique n'explorerait pas, la bombe à hydrogène n'éclaterait pas, le rayon laser ne serait plus d'aucune utilité. Il n'y aurait plus rien, ni de bombe atomique, ni de bombe à hydrogène, ni de rayon laser.

Les catastrophes naturelles ne signifient pas que ces catastrophes viennent du Ciel, car le Ciel n'a pas de catastrophes mais, plus précisément, c'est nous, êtres humains, qui créons et qui subissons ces calamités.

Le Sutra Shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Sutra : "Ananda, vous êtes ici maintenant dans la salle, que voyez-vous en premier ?"

"Seul honoré du monde, je vois en premier ici le Tathagatha, ensuite je vois le grand assemblément et quand je regarde dehors, je vois le bosquet et le jardin."

Commentaire : Le Bouddha Sakyamuni ayant entendu Ananda dire que ses organes externes, ses yeux, ses oreilles, son nez et sa langue, sont à l'intérieur de lui, et que son esprit conscient est dans son corps, le Bouddha demanda :

"Ananda, dans ce cas quand vous êtes dans la salle, que voyez-vous en premier ?"

Ananda répondit : "Seul Honoré du Monde, je suis dans la salle je vois d'abord le Tathagatha. La première chose que je vois quand je suis dans la salle de conférences c'est le Bouddha, répondit-il. C'est vous, Seul Honoré du Monde."

"Ensuite je vois la grande assemblée. Après cela, je vois les grands Bodhisattvas, les grands Arhats et les Auditeurs de son. Et là-bas, quand je regarde dehors, je vois le bosquet et le jardin. Je vois le bosquet de Jeta et le jardin du Bienfaiteur des orphelins et du solitaire."

Sutra : "Ananda, pourquoi êtes vous capable de voir le bosquet et le jardin quand vous les regardez ?"

"Seul Honoré du Monde, puisque les portes et les fenêtres de cette grande salle sont grandes ouvertes, je peux me trouver dans la salle et voir à la distance."

Commentaire : Le Bouddha continua : "Ananda, pourquoi est-ce que vous êtes capable de voir le bosquet et le jardin ? Comment pouvez-vous les voir ? Quelle est la raison qui vous permet de les voir ?"

"A chaque fois, le Bouddha semble s'éloigner de plus en plus des principes."

Dans ses propos cache une profonde signification. Avec une parfaite et profonde compréhension vous arriverez peut-être à la

comprendre. En réalité on voit avec la vraie conscience le vrai esprit éternel, pas avec ses organes sensoriels ni sa conscience personnelle.

Ananda répondit : "Seul Honoré du Monde, puisque les portes et les fenêtres de cette grande salle de conférence ont été ouvertes, je peux rester dans la salle et voir à distance. De l'intérieur, je peux voir le bosquet de Jeta et le Jardin du Bienfaiteur des Orphelins et du Solitaire."



Sutra : Le Bouddha dit à Ananda : "Comme vous dites. Quand on est dans la salle de conférences et que les portes et les fenêtres sont grandes ouvertes, on peut voir au loin le jardin et le bosquet. Pouvait-il y avoir quelqu'un se trouvent dans la salle mais qui ne voit pas le Tathagatha et qui voit pourtant l'extérieur de la salle ?"

Ananda répondit : "Seul Honoré du Monde, être dans la salle et ne pas voir le Tathagatha et pourtant voir le bosquet et les fontaines est impossible." Ananda, vous êtes celui-là.

Commentaire : Dans ce chapitre, le Bouddha pose une question. Le Bouddha dit à Ananda : "Donc comme vous dites. Quand on est dans la salle de conférences et que les portes et les fenêtres sont grandes ouvertes, on peut voir au loin le jardin et le bosquet. Vous avez absolument raison. Vous êtes à l'intérieur maintenant et cependant vous pouvez voir le bosquet de Jeta et le jardin d'Anathapindaka. Pouvait-il y avoir quelqu'un se trouvant dans la salle mais qui ne voit pas le Tathagatha et qui pourtant voit l'extérieur de la salle ? Pouvait-il y avoir quelqu'un qui ne voit pas Celui Ainsi Venu, mais qui voit seulement le bosquet et le jardin extérieur de la salle ? Est-ce possible ?" Demanda le Bouddha.

Ananda répondit : "Seul Honoré du monde, être dans la salle et ne pas voir le Tathagatha et voir cependant le bosquet et les fontaines c'est impossible. Si quelqu'un se trouve à l'intérieur, dit Ananda, il est certainement capable de voir le Bouddha. Il n'y a pas de raison qu'il pouvait voir ce qui est à l'extérieur de la salle et ne pas voir le Bouddha, qui est dans la salle."

La réponse d'Ananda était très décisive.

"Ananda, vous êtes celui-là." Répondit le Bouddha. Ananda dit qu'il était impossible d'être dedans et ne pas voir le Bouddha qui est à l'intérieur et le

Bouddha poursuit à dire à Ananda qu'Ananda lui-même est justement ce quelqu'un qui se trouve dans la salle et qui ne peut pas voir le Bouddha mais qui peut voir à l'extérieur de la salle.

Sutra : "Votre esprit est capable de comprendre tout entièrement. Vous avez dit que votre conscience qui comprend tout parfaitement était dans votre corps, ainsi que vos organes sensoriels, alors vous devriez voir d'abord ce qui est à l'intérieur de votre corps. C'est-à-dire vos organes internes (cœur, poumons, foie etc...) avant de voir les choses externes » ?

Impossible, personne ne peut voir ses organes internes. Répondit Ananda.

Commentaire : On dit que parmi tous les êtres vivants, les humains sont les seuls qui soient doués de qualités et d'intelligence, votre conscience est capable de comprendre tout entièrement. Maintenant si votre conscience qui comprend tout entièrement était dans votre corps, ainsi que vos organes sensoriels, alors vous devriez avoir d'abord de ce qui est à l'intérieur de votre corps (c'est-à-dire : cœur, poumon, foie etc... Le Bouddha soutient que si l'esprit d'Ananda est vraiment à l'intérieur de son corps, comme Il le dit, alors il devrait être capable de voir d'abord tout ce qui est à l'intérieur de son corps, de la même manière, quelqu'un se trouvant dans la salle de conférence est capable de voir les gens à l'intérieur. Mais peut-il y avoir des êtres vivants qui voient d'abord à l'intérieur de leur corps avant de voir les choses externes ? Interroge le Bouddha. Le Bouddha savait qu'Ananda ne l'avait pas encore compris et qu'il n'a toujours pas compris la nature du vrai esprit. C'est pourquoi il se servait de sa pensée erronée, de son esprit conscient personnel pour répondre. Le Bouddha continue son explication. (à suivre)

le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Mantra 41. **DI LI BWO LA NA**

Verset :

Le Grand Roi Courageux de la lumière qui se répand partout.

Sa sagesse couvre tout ce qui n'est pas vide pour révéler la véritable permanence.

Dipankara, un Bouddha du passé apaisait provisoirement.

Il s'activait habilement à réunir tous ceux qui sont prêts à entrer dans le temple du Dharma.

Commentaire : DI LI BWO LA NA veut dire aussi un Grand Roi du Dharma. DI LI se traduit comme le suprême courage. Sa lumière illumine les mondes du Dharma des dix directions. C'est un Grand Seigneur Courageux. Le Grand Roi Courageux de la lumière qui se répand partout, sa sagesse couvre tout ce qui n'est pas vide pour révéler la véritable permanence. Ayant une grande sagesse il comprend le principe qui s'accorde avec les conditions et qui ne change pas. Dipankara, un Bouddha du passé apparaissait provisoirement. Le Grand Courageux Roi Céleste, l'ancien Bouddha Dipankara, la lampe illuminante faisait son apparition provisoire par les moyens de ses transformations spirituelles. Il s'activait habilement à réunir tous ceux qui étaient prêts à entrer dans le temple du Dharma. Parfois les gens comprennent le vrai principe, parfois ils ne le comprennent pas. Le Bouddhadharma est le vrai principe. Parfois fois, les gens y croient; parfois ils n'y comprennent pas donc, n'y croient pas. Ceux qui le comprennent sont ceux qui ont de la sagesse. Ceux qui ne reconnaissent pas le Bouddhadharma même lorsqu'ils le rencontrent sont ceux dont l'esprit est recouvert par l'ignorance. C'est un principe absolu.

Aujourd'hui, je vais faire trois conférences et demain j'enseignerai trois classes. Hier, j'ai enseigné une classe, cela fait en tous sept classes ce week-end. Soyons tous courageux et vigoureux. Ne profitons

pas de ce nouvel an pour nous lancer dans de la bonne nourriture, et la tendance à être paresseux.

Justement, ne mangeons, ni ne pas buvons trop mais soyons joyeux. Doublons notre vigueur dans l'étude du Bouddhadharma.

Mantra 42. **CHYE LA PI TWO LA**

Verset :

Les soldats célestes, les généraux célestes et les armées courageuses,

Balaient entièrement les troupes démoniaques et domptent les énergies négatives.

Le monde du Dharma devient calme et pur : leurs mérites et vertu sont grands.

Ainsi ils protègent l'enseignement juste de telle sorte qu'il se développera toujours.

Commentaire : CHYE LA PI TWO YE se rapportent aux armées des dieux. Les soldats, les généraux célestes et les armées courageuses balaient entièrement les troupes démoniaques et domptent les énergies négatives. Pourquoi y-a-t-il un besoin de soldats et de généraux célestes dans les cieux ? Parce que dans les cieux il y a des asuras, des démons célestes et ceux des voies externes. Les asuras ont les bénédictions des dieux mais ils n'ont pas l'autorité des dieux. C'est pourquoi ils font toujours la guerre au Seigneur du Ciel, connu aussi en tant qu'Empereur de Jade. Le Seigneur, ses généraux et ses troupes maîtrisent les bandits célestes et les surveillent. Grâce à cela le monde du Dharma devient calme et pur : Leurs mérites et vertu sont grands. Les soldats célestes et les généraux célestes sont capables de purifier le monde du Dharma c'est pourquoi leurs mérites et vertu sont énormes. Ainsi ils protègent le juste enseignement du Bouddhadharma qui,

grâce à cette protection se développera indéfiniment.

Mantra 43. **BWO NA JYA LA YE**

Verset :

Les officiers célestes partagés en quatre équipes
patrouillent le monde.

Observant l'application et violation des préceptes,
en toute impartialité.

Durant toute l'année, le mois, le jour à chaque
minute, chaque seconde, sans la moindre négligence.

La cause, l'effet et les rétributions sont
calculés minutieusement jusqu'au bout d'un cheveu.

Commentaire : Cette ligne parle des quatre équipes d'officiers méritants. Les quatre groupes durant des années, des mois, des jours et des heures, font la patrouille et examinent le monde, observant l'application et violation des préceptes en toute impartialité. Ils surveillent nuit et jour tous les êtres vivants, repèrent ceux qui ont de bonnes ou mauvaises pensées. Ceux qui font les transgressions sont traités justement. Les membres de cette patrouille sont tout à fait impartiaux. Durant toute l'année, tout mois, le jour à chaque minute, chaque seconde, sans la moindre négligence, ils enregistrent tous les événements. La cause, l'effet et les rétributions sont calculés minutieusement jusqu'au bout d'un cheveu. Ceci veut dire que si vous plantez une bonne cause, vous récolterez un bon résultat. Si vous plantez une mauvaise cause, vous récolterez un mauvais résultat. La rétribution qu'on reçoit n'est pas décalée ne serait ce qu'une largeur d'un cheveu. C'est extraordinairement exact. JYA LA PO DI LA (une autre manière de transcrire cette ligne) signifie cinq dieux fraternels. Parmi les soldats et les généraux célestes, il y a cinq dieux fraternels doués de cinq lumières de couleurs différentes. E LA GE signifie blanc. E LE NA rouge. JYA LA noir. BING JA LA bleu et CHYAN TWO LA jaune, ils forment cinq grands nuages de lumière céleste. Dans la Compilation des Dharani on dit que PI MWO LA est une manifestation de la vertu du sans souci du Bouddha. BWO NA se traduit aussi comme ultime. JYA LA se traduit comme capable. Il se rapporte à la capacité de travail des quatre équipes d'officiers méritants. Leur oeuvre c'est de surveiller les rétributions de bonnes et de mauvaises actions accomplies par les êtres vivants en ce monde.

Mantra 44. **E DI MU DI**

Verset :

Bien considéré et impossible d'être tourmanté.

Dans le ciel des Trente-Trois se manifeste la
conduite héroïque impressionnante.

Ceux qui manquent de piété filiale et les
rebelles à l'intérieur des quatre continents
peuvent difficilement échapper à leur mauvaise
rétribution.

Ils tombent dans la roue tournante.

Commentaire : « Impossible d'être tourmanté, bien considéré ». « Dans le ciel des Trente-Trois se manifeste la conduite héroïque impressionnante ». E DI MU DI signifie impossible d'être tourmanté, bien considéré. Être bien considéré c'est être celui qui ne peut pas être tourmanté et celui qui ne peut pas être tourmanté est justement celui qui est bien considéré. Impossible d'être tourmanté veut dire aussi impossible d'avoir une sagesse couverte. Il veut dire aussi invincible. Dans les trente cieux au dessus, ils sont extrêmement impressionnants. Ceux qui manquent de piété filiale et les rebelles dans les quatre grands continents peuvent difficilement échapper à leur mauvaise rétribution : ils tombent dans la roue tournante. Les quatre continents sont : Purvavideha à l'est, Jambudvipa au sud, Aparagodaniya à l'ouest et Uttarakuru au nord. Dans ces quatre continents ceux qui manquent de piété filiale à l'égard de leurs parents, devront subir des châtiments. Ils renaîtront dans les enfers, pour devenir des esprits affamés ou pour se réincarner en animaux. La roue tournante des six royaumes d'existence est composée des trois royaumes d'existence supérieure et de trois royaumes d'existence inférieure. Les trois royaumes d'existence supérieure sont :

1. Royaume des dieux
2. Monde des humains
3. Monde des asuras.

Les trois royaumes d'existence inférieurs sont :

1. Le monde des enfers
2. Le monde des esprits affamés
3. Le monde des animaux

Dans les trois royaumes d'existence inférieure, on subit la rétribution d'avoir fait du mal et on doit y endurer les souffrances. (à suivre)

Le mantra de la grande compassion

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Mantra:

53. **SYI TWO YE**

54. **SWO PE HE**

55. **MWO HE SYI YE**

56. **SWO PE HE**

Syi Two Ye a cinq significations :
« L’accomplissement, favorable et immédiat, l’accomplissement du bénéfice, accomplir toutes les intentions et louant le vénérable ».

« L’accomplissement, favorable et immédiat ».

Signifie qu’en utilisant le pouvoir du mantra, nous pouvons obtenir immédiatement ce que nous désirons. Vous pouvez dire “ je récite le mantra de la grande compassion et je n’ai rien reçu en récompense ”. Votre récitation nécessite une réponse correspondante, s’il n’y avait pas d’accomplissement.

C’est parce que vous n’avez pas été assez sincère et croyant, sinon tous vos souhaits seraient exaucés.

Syi Two Ye veut dire : « Réussite parfait ». Vous réussirez tout ce que vous entreprendrez, autrement dit : Quelle que soit l’affaire en main, elle sera un succès. La perfection du profit se réfère au profit personnel et celui des autres. « Louant le vénérable signifie que tout le monde dit “ que vous êtes bon ! ” Mwo He Syi Two Ye : tout le monde sait que Mwo He signifie “ grand ”. Cette phrase veut dire que vous pouvez accomplir toutes sortes de grands événements, grands mérites et vertus et grand karma

de la voie. Dans tout ce que vous faites, il y aura un grand accomplissement.

Les deux phrases ensemble Syi Two Ye Swo Pe He Mwo He Syi Two Ye Swo Pe HE forment la main et l’œil du Sutra orné. Le Sutra orné est un Sutra très précieux, un trésor du Dharma. Si vous pratiquez cette main et œil, vous obtiendrez des bénéfices inépuisables et illimité. Dans le futur, votre sagesse et votre mémoire seront spécialement prodigieuses et vous aurez de vastes connaissances. En général, notre mémoire se perd, comme si nous sommes incapables de marcher sans nos béquilles par exemple: Après

avoir lu quelques lignes, nous sommes incapables de nous les rappeler. Quand il faut nous servir de quelque enseignement, nous devons aller trouver nos notes. Pourquoi votre mémoire est-elle si pauvre ? C’est parce que vous n’avez jamais pratiqué la main du Sutra orné. Si vous

la pratiquez, vous aurez de vastes connaissances telle une encyclopédie comme le vénérable Ananda qui fut le numéro un en connaissances. Sans aucun doute, le vénérable Ananda avait pratiqué parfaitement la main et l’œil du Sutra orné pendant des éons illimités. Grâce à quoi lorsqu’il entendait une parole, il ne l’oubliait jamais à tel point qu’il pouvait se rappeler des choses qu’il n’avait même pas entendues. Pourquoi dis-je cela ? Le vénérable Ananda était né le jour où le Bouddha commençait à prêcher. Il s’est fait moine vingt années plus tard. Alors, comment Ananda pouvait-il avoir compilé les



Sutras que le Bouddha avait prêchés durant ce temps ou quand le Bouddha était entré dans le Nirvana ? C'étaient juste parce qu'il avait entendu les disciples âgés du Bouddha répéter et il les avait retenus. Ou peut-être que le Bouddha lui-même les lui a répétés pendant qu'il était dans le Samadhi si bien qu'il puisse se les rappeler tous, parce qu'il avait pratiqué la main et l'œil du Sutra orné.

Les gens m'ont demandé comment faire pour avoir une bonne mémoire et ma réponse est simple : pratiquer la main et l'œil du Sutra orné. Sans aucun doute ceux qui se souviennent des Sutras très clairement ont une affinité avec cette main et œil. Selon les illustrations, un Bodhisattva émet de la lumière. Son corps entier dégage une lumière brillante qui représente la révélation d'une grande sagesse, une mémoire puissante, une immense et vaste connaissance.

Mantra :

57. **SYI TWO YI**

58. **SHR PAN LA YE**

59. **SWO PE HE**

Syi Two veut dire "achevant le bénéfice". Yu Yi signifie "la non activité" ou "l'espace vide".

Shr Pan La Ye signifie "le confort". C'est la main et l'œil du coffre de bijoux dans lequel on peut découvrir tous les trésors cachés à l'intérieur de la terre et les utiliser pour en faire bénéficier les êtres vivants. La phrase signifie que la substance principale de votre nature du moi est libérée de tout confort et achevé tout intérêt.

Mantra :

60. **NWO LA JIN CHR**

61. **SWO PE HE**

Nwo La Jin Chr veut dire "la protection affectueuse" c'est-à-dire donner une protection affectueuse à tous les êtres vivants. Il porte le nom de la compassion et est la main et l'œil de la bouteille ornée.

Mantra :

62. **MWO LA NWO LA**

63. **SWO PE HE**

Mwo La veut dire "à volonté". Mwo La signifie "fortement vénéré". Ceci est la main et œil du Lariat qui peut apporter la paix à toutes les situations troublées, telles que maladie, mésaventure ou obstacles. La main du Lariat a beaucoup d'usages.

Vous faites une corde de cinq couleurs différentes et lorsque vous avez pratiqué la main et l'œil à la perfection, tout ce que vous devez faire c'est de lancer la corde et attraper tous les démons étranges, les spectres, les monstres, les fantômes Li Mei et Wang Liang. Ils seront incapables de se sauver parce que vous les avez attachés. Puisqu'ils ne peuvent pas s'échapper, ils abandonnent et se rendent. Ceci est un merveilleux Dharma, bien qu'il paraisse très ordinaire.

Mantra :

64. **SYI LU SENG E MU CHWYE YE**

65. **SWO PE HE**

Syi Lu Seng veut dire "l'accomplissement, la protection affectueuse" envers tous les êtres vivants.

E Mu Chwye Ye signifie "non vide, sans rejet". Non vide se réfère à l'existence, mais cette existence est une merveilleuse existence. Sans rejet signifie qu'aucune loi n'a été mise de côté, toutes les lois ont été étudiées. Ainsi, on dit :

Dans la pratique de l'œuvre du Bouddha
Pas une seule loi n'a été rejetée,
Dans la substance de la vraie vérité
Pas un seul atome de poussière de saleté
n'a été constaté.

E Mu Chwye signifie aussi "rassemblement affectueux, harmonieusement réuni". Ceci se réfère au chérissement de tous les êtres vivants et à la vie en harmonie avec eux. Ceci est la main de la hache ornée. Si vous la pratiquez, vous ne subirez pas d'emprisonnement et dans tous lieux, en tout temps, vous éviterez les problèmes légaux. Cette phrase veut dire aussi que dans votre propre nature du moi, vous accomplissez confortablement tout mérite et vertu.

Vous pouvez vous demander "si je pratique cette loi, puis-je enfreindre la loi et éviter d'être mis en prison ?" Non, vous ne devez pas enfreindre la loi. Si vous pratiquez ce Dharma et comprenez l'enseignement du Bouddha, comment pourriez-vous enfreindre la loi ? Puisque vous n'avez pas brisé la loi bien sûr vous ne serez pas arrêté ou emprisonné.

Cependant, parfois les gens innocents sont arrêtés et mis en prison. C'est parce qu'ils n'ont jamais pratiqué la main et l'œil de la hache ornée. (à suivre)

Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Ainsi les trois aspects du don, le don de la Richesse, le don du Dharma, et le don du courage forment la base des six Paramitas.

Le Bouddha à nouveau instruisait Subhuti, la tâche pour un Bodhisattva c'est de faire bénéficier les êtres vivants, mais il devrait pratiquer les dons comme j'ai énoncé préalablement, sans s'attacher à nulle part. L'objectif de l'enseignement du Bouddha c'est de se débarrasser de tout attachement." Laissez la petite brise et la lune brillante venir naturellement." Laissez les choses venir naturellement, ne vous y attachez pas. S'attacher aux réalités quand vous faites la donation, vous bénéficierez des récompenses des dieux. Mais pour pratiquer le fruit du Bouddha, vous ne devriez pas vous attacher aux réalités.

Vous devez vraiment et réellement pratiquer la donation. Vous ne pouvez pas dire, "je ne dois m'attacher aux réalités, à rien, donc il n'y a rien à faire." Penser de cette façon c'est s'écrouler dans le faux vide.

Toutes les réalités parlées par le Tathagata sont comme les non-réalités. Fondamentalement toutes les réalités sont dépourvues de réalité et tous les êtres vivants sont parlés comme les non-êtres vivants. A l'origine leur vraie nature du soi est Bouddha. Mais aujourd'hui, comme leur esprit reste confus, ils sont des êtres vivants. Une fois illuminés, ils deviennent des Bouddhas. Si vous utilisez l'enseignement du Bouddha pour enseigner

et réformer les êtres vivants, dans le futur, ceux-ci pourront recouvrir leur origine et réaliseront la Bouddhité. De peur que ses paroles n'effrayent, terrifient les gens ou sèment le doute chez eux, le Bouddha Sakyamuni assurait Subhuti, "les paroles du Tathagata sont vraies et loyales. Elles sont franches et bel et bien parlées par le Bouddha." Le Bouddha ne ment pas. Tout ce qu'il dit contient le principe de la vraie réalité. Le Tathagata ne prêche pas de mensonges, ni d'étranges principes pour provoquer la panique et la peur dans le cœur des auditeurs.

"Subhuti, le Dharma obtenu par le Tathagata n'est ni vrai ni faux."



"Subhuti, un Bodhisattva qui s'attache aux Dharmas quand il pratique des dons est celui qui entre dans l'obscurité, et qui ne peut rien voir. Un Bodhisattva qui ne s'attache pas aux Dharmas quand il pratique des dons est celui qui a des yeux illuminés comme le soleil et qui voit tout.

"Subhuti, dans le futur, si un bonhomme ou une bonne femme, pourrait recevoir, tenir, lire, et réciter ce Sutra, alors le Tathagata au moyen de toute la sagesse du Bouddha, s'en rendrait compte parfaitement. Cette personne accomplirait des mérites et des vertus illimités.

Le réel Dharma que le Tathagata a obtenu, c'est la vraie et réelle sagesse, ni vraie, ni fausse. C'est le vrai vide, dépourvu de réelle substance existante... « Ni fausse » signifie : bien que le Dharma n'ait aucune substance, c'est le vrai vide,

mais à l'intérieur du vrai vide est contenue la merveilleuse existence de la vraie réalité. Ce Dharma n'est donc pas vide. On en déduit que : Le vrai vide n'obstrue pas la merveilleuse existence, la merveilleuse existence n'obstrue pas le vrai vide. Alors, le Dharma n'est ni vrai ni faux. Cela veut dire qu'il n'y a aucun attachement aux réalités. Se débarrasser de l'attachement aux réalités c'est le principe du vrai vide et de la merveilleuse existence.

Si le Bodhisattva pratiquant la voie trouve nécessaire de s'attacher aux Dharmas conditionnés, son don restera à l'intérieur des confins de l'attachement aux réalités. Une telle donation conditionnée peut seulement donner naissance aux cieux ou naissance parmi les hommes selon sa récompense.

La donation conditionnée récolte
Une bénédiction céleste
Semblable à une épée brandissant dans
l'espace vide;
Jusqu'à épuisement,
L'épée retombe dans le vide,
Les vies successives échoueront
Pour avoir soutenu de tels poids.

Les habitants célestes qui savent très bien comment pratiquer pour obtenir des bénédictions, mais qui ne pratiquent pas ; quand leurs bénédictions célestes s'épuiseront, ils descendront parmi les humains pour y subir des souffrances. Le don qui a des échappements ne récolte aucune récompense définitive.

Attachements aux réalités en faisant des dons est analogue à un homme se trouvant dans un lieu sombre, il ne peut rien voir. Quoique la donation conditionnée avec attachement aux réalités puisse assurer une renaissance dans les cieux, elle ne nous aide pas à obtenir la sagesse. Sans la vraie et réelle sagesse, il n'y a aucune lumière, et le manque de lumière est comparable à l'obscurité. Plongée dans cette obscurité. Une telle personne sera incapable d'entendre l'enseignement du Bouddha.

Un Bodhisattva dépourvu d'attachement dans sa pratique est un homme exposé à la lumière du soleil. La pratique de don inconditionné donne le fruit dépourvu d'échappements, c'est la vraie et réelle sagesse. La lumière du soleil représente la sagesse, qui nous permet de voir, de pénétrer tout

clairement. Dans le futur, s'il y aura une personne qui recevra le Sutra Vajra dans son cœur, qui le pratiquera le soutiendra respectueusement, le lira, et le récitera par cœur. Le Tatagatha le saura et en tiendra compte parfaitement.

Cette personne accomplira le mérite et la vertu illimités. D'où viennent ces mérites et ces vertus ? Nulle part. N'y soyez pas attaché. Si vous vous y attachez, vous ne les trouverez nulle part. Si vous ne vous y attachez pas, il est justement là.

15. Le mérite et la vertu de la possession du Sutra

“Subhuti, un bonhomme ou une bonne femme pourrait du matin renoncer autant de corps qu'il y a de grains de sable dans la rivière de Ganges, et de nouveau à midi pourrait renoncer autant de corps qu'il y a de grains de sable dans la rivière de Ganges, et à nouveau au soir pourrait renoncer autant de corps qu'il y a de grains de sable dans la rivière de Ganges, renonçant les corps , à cette façon, à travers des millions de Kalpas illimités. Mais si quelqu'un d'autre (devait) fut entendre ce Sutra et le croire sous le bénéfice des non-réservations, ses bénédictions surpasseraient celles de celui précédent. Combien de plus alors si les gens peuvent l'écrire, le recevoir, le tenir, le lire, le réciter et l'expliquer aux autres. Subhuti, le mérite et la vertu de ce Sutra sont inexprimable, inconcevable, sans limite et au delà de toute éloge. Il est parlé par la Tathagata pour ceux qui ont exposé le grand véhicule. Si les gens peuvent le recevoir, tenir, lire, réciter et parler aux autres, ils sont complètement vus par le Tathagata. De tels gens accomplissent le mérite et la vertu illimités, inexprimable et inconcevable et ainsi soutenir l'Anuttarasamyaksambodhi du Tathagata.” (à suivre)

Pratiquer le Bouddhadharma c'est :
s'interdire tout acte malveillant et
accomplir tout acte bienveillant.

LE BIEN LE PLUS GRAND

Le bien le plus grand est d'être filial.
Le mal le plus grand est de se rebéler
contre ses parents.

le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉGALE PAR
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Maudgalyayana exécuta selon ces indications et sa mère fut renée dans les cieux, non seulement sa mère fut sauvée, mais tous les esprits affamés dans les enfers cessèrent de subir les atrocités, obtinrent la bénédiction et furent sauvés en même temps.

Maintenant, vous pouvez dire « Je ne crois pas que la nourriture et la boisson se transforment en flamme dès qu'elles touchent les lèvres des esprits affamés ». Evidemment vous n'y croyez pas ! Mais le monde est rempli de choses très très étranges. Il est difficile d'en discuter. Prenons par exemple l'eau. Les gens et les animaux voient l'eau comme l'eau, mais les dieux la voient comme un tapis de lazulite et les esprits affamés la voient comme le feu. Tout dépend des conséquences Karmiques individuelles. Les dieux ont le châtiment Karmique des dieux, les hommes celui des hommes et les spectres celui des spectres.

Ainsi, avec l'aide du Bouddha, Maudgalyayana avait sauvé sa mère.

MAHAKASYAPA

MAHA veut dire grand, beaucoup et victorieux. Le mot sanscrit Kasyapa signifie « Le clan de la grande tortue », parce que les ancêtres de Mahakasyapa avaient vu un dessin sur le dos d'une tortue géante et ils l'avaient utilisée dans leur pratique de la voie.

Kasyapa veut dire aussi « Le clan des buveurs de la lumière », parce que son corps brillait d'une lumière qui était si brillante, il semblait boire toute autre lumière.

Pourquoi son corps brillait-il ? Il y a sept Bouddhas, au temps du Bouddha Vipasyin, il y avait une pauvre femme qui a décidé de réparer un temple en ruine. Le toit du temple avait été emporté et les statues à l'intérieur étaient exposées au vent et à la pluie. La femme était allée partout pour demander de l'aide et lorsqu'elle avait collecté assez d'argent, elle

chargea un orfèvre de redorer les statues. Quand il avait fini, l'orfèvre tomba amoureux d'elle et dit « Vous avez obtenu le grand mérite pour ce travail mais nous devrions le partager. Vous pouvez vous munir d'or et je me propose de travailler gratuitement ». Lorsque le temple était reconstruit et les statues redorées. L'orfèvre a demandé à la femme de l'épouser et ainsi, vie après vie, pendant quatre vingt onze Kalpas, ils étaient mari et femme et leurs corps brillaient de lumière pourpre et jaune d'or.

Mahakasyapa était né en Inde, à Magadha, lorsqu'il avait vingt ans. Son père et sa mère voulaient qu'il se marie mais il dit, « La femme que j'épouserai devrait briller d'une lumière dorée. A moins que vous trouviez une pareille femme, sinon je ne me marierai pas ». Il pensait que ses parents ne trouveraient jamais cette femme. Mais ils en ont trouvé une par la suite, et Mahakasyapa était obligé de se marier.

Par suite de leur bon Karma, leurs corps brillaient d'une lumière dorée, ils pratiquaient et étudiaient ensemble les doctrines du Bouddha. Ensuite Mahakasyapa avait quitté la vie de famille pour devenir Bhiksu, sa femme devint Bhiksuni et fut appelée « la lumière pourpre et dorée ».

Le nom personnel de Mahakasyapa était « Pippala », parce que ses parents avaient prié l'esprit d'un arbre Pippala pour l'avoir.

Comme le premier patriarche, Mahakasyapa tenait une position importante dans le Bouddhisme. Quand le Bouddha Sakyamuni prêchait le Dharma, le Roi du Grand Ciel Brahmalia lui fit cadeau d'un lotus d'or, tenait la fleur dans la main, Bouddha Sakyamuni leva la main pour la montrer devant l'assemblée.

Étaient présents à ce moment, des centaines de milliers de dieux et hommes, mais personne ne s'est manifesté à l'exception Mahakasyapa qui a simplement souri. Alors, le Bouddha a dit, « J'ai le vrai trésor de l'œil du Dharma. Le merveilleux esprit du Nirvana, la vraie réalité sans marque, la porte du Dharma de la transmission de l'esprit en esprit a été transmise à Kasyapa. « Ainsi, Mahakasyapa a reçu la transmission du Dharma et devint le premier Patriarche Bouddhiste.

Le vénérable Mahakasyapa est encore présent en ce monde. Quand il avait quitté la famille pour devenir moine, il avait déjà cent soixante ans. A l'époque le Bouddha Sakyamuni prêchait du Dharma pendant quarante neuf ans dans plus de trois cents rassemblements du Dharma, Kasyapa avait déjà plus de deux cents ans. Après l'entrée dans le Nirvana du Bouddha Sakyamuni, Kasyapa était au sud ouest de la Chine, à la montagne de pied du coq à la province Yunnan où il entra dans le Samadhi. Cela fait plus de trois mille ans depuis le Nirvana du Bouddha, Mahakasyapa rest encore jusqu'à maintenant dans le Samadhi à la montagne de pied du coq, pour attendre l'apparition du Bouddha Matraiya dans le monde. A ce moment là, il donnera à Matraiya le bol que les quatre rois célestes ont donné au Bouddha Sakyamuni et que le Bouddha Sakyamuni lui a donné il aura alors rempli sa mission.

Beaucoup de pratiquants font des pèlerinages à la montagne de pied du coq pour vénérer le patriarche Kasyapa, et sur la montagne, existent toujours trois lumières : la lumière du Bouddha, la lumière d'or et la lumière d'argent. Ceux qui possèdent une forte croyance peuvent entendre le son d'une cloche résonnant à l'intérieur de la montagne bien que vous ne puissiez pas la voir, vous pouvez l'entendre à une distance de centaines de kilomètres. C'est vraiment inconcevable !

LES DOUZE PRATIQUES ASCÉTIQUES

Mahakasyapa était le plus avancé des disciples du Bouddha dans les pratiques ascétiques et il était aussi le plus âgé. Aucun des disciples du Bouddha n'était plus âgé que lui et aucun d'eux n'endurait plus de souffrances que lui.

Le terme « pratique ascétique » veut dire « faire des efforts, remonter le moral des autres avec son courage et sa vigueur. « La cultivation des douze pratiques ascétiques prouve que le Bouddhiste est encore maintenu, car tant qu'elles sont encore

pratiquées, existe encore le Bouddhisme. Si elles ne sont plus pratiquées, la doctrine Bouddhiste disparaîtra. Parmi les pratiques ascétiques les deux premières concernant du vêtement :

1. Porter des robes en lambeaux. On ramasse des morceaux de linges sales dans des ordures ou des cimetières, on les lave, les rassemble en cousant sous-forme d'une robe. Porter des robes en lambeaux rapporte beaucoup d'intérêts. D'abord, elles diminuent votre cupidité et celle des autres, vous vous sentirez plus paisible et plus tranquille. Par contre, porter de beaux habits qui coûtent cher, ne fait que rendre les autres jaloux et leur donner l'envie de les voler. De toute évidence, personne ne veut porter des robes en lambeaux. Donc, la première pratique ascétique est bénéfique pour vous et pour les autres. Ceux qui ont quitté la maison pour devenir moine sont appelés « les fils en loques » parce qu'ils portent des robes en lambeaux.

2. Posséder seulement trois robes. Ses seules possessions sont trois robes, un bol et un chiffon pour s'asseoir. La première robe est la grande robe, le Sanghati, faite des 25 bandes de linge composées 108 pièces, qui est portée pour assister des conférences des Sutras ou pour rendre visite au Roi. La deuxième est la robe extérieure, l'Uttanasanga, faite de sept pièces, portée pour les cérémonies de la repentance et pour vénérer le Bouddha. La troisième est la robe d'intérieure en cinq pièces, l'Antarvasada, portée quotidiennement, pour travailler, pour voyager et pour recevoir les hôtes. Avec seulement trois robes, un bol et un chiffon pour s'asseoir, on apprend aux autres de se contenter de ce qu'on a, de supprimer les convoitises.

3. Mendier de la nourriture. On se sert toujours de son bol pour collecter de la nourriture.

4. Mendier successivement. On passe de maison en maison dans un ordre régulier sans faire de différence entre le riche et le pauvre. Si au bout de la septième maison, on n'obtient pas de nourriture, on ne mange pas ce jour. On ne pense pas « je veux mendier chez le pauvre pas chez le riche », ou « je veux demander de la nourriture chez le riche et pas chez le pauvre ». (à suivre)

Le Sutra en Quarante Deux Chapitres Parle par le Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Chapitre 7

Le Bouddha dit : "Si quelqu'un, sachant que je protège la voie et que je pratique la compassion, vient exprès pour m'insulter. Je reste calme et ne réponds pas. Lorsqu'il finit de m'insulter, je lui demande : "Si vous êtes poli envers les gens et qu'ils n'acceptent pas votre politesse, la politesse vous sera retournée, n'est ce pas?" "Exact," répondit-il.

"Le Bouddha dit, "Il en est de même, quand vous m'insultez, si je n'accepte pas, vos insultes, de toute évidence, ces insultes vous seront retournées, tout comme l'écho des sons ou l'ombre d'un objet, ce serait absolument inévitable. Par conséquent, soyez prudent évitez de faire du mal à qui que ce soit."

Commentaire :

Le septième chapitre traite le sujet : Celui qui fait du mal, se nuit à lui-même. Pour expliquer cela, le Bouddha utilisait l'analogie suivante :

"Une personne qui, ayant appris que je pratique la compassion et que je protège la voie, vient m'insulter." Le Bouddha protégeait ceux qui appliquaient la voie. Ayant appris cela, une personne vint directement voir Bouddha et commença à l'insulter. Le Bouddha l'écoutait mais il restait silencieux et ne répondait pas. Il demeurait silencieux et ne disait rien. Une fois qu'il avait fini de l'insulter, le Bouddha demanda, "Si

vous êtes poli envers les gens et qu'ils n'acceptent pas votre politesse, celle-ci vous sera retournée, n'est ce pas? C'est exact, répondit-il. "ça tourne vers moi. Je pratique la politesse. Si ma politesse n'est pas acceptée, alors je la reprends."

"Le Bouddha dit : "Maintenant monsieur, vous m'insultez, mais je n'accepte pas vos insultes."

Vous êtes entrain de m'insulter. Vous m'insultez, mais j'en demeure indifférent. D'ailleurs que vous m'insultiez ou soyez poli envers moi, je suis toujours indifférent, je ne les accepte pas. Donc, vos insultes se retournent vers vous. Selon la loi de la justice naturelle des causes à effets. Vos insultes sont des causes de votre mauvais karma, le résultat sera donc néfaste, le malheur retombera sur vous. Il vous suivra comme l'écho qui suit un son, ou comme l'ombre qui suit une forme. L'ombre de votre corps vous suit, "vous ne pouvez jamais l'éviter. L'infortune sera le résultat de vos insultes." Par conséquent, soyez prudent d'éviter de faire du mal à qui que ce soit. J'enseigne cela à tout le monde et j'espère que personne n'agisse de façon à nuire aux autres dorénavant.

Chapitre 8

Le Bouddha dit : "Celui qui nuit à un sage est comme celui qui lève sa tête et crache au ciel. Au lieu d'atteindre le ciel, la salive retombe sur lui. Ou celui qui lance de la poussière dans la direction opposée du vent, la poussière retombe sur le lanceur lui-même. Un sage est intouchable : les mauvaises actions se retournent toujours sur celui qui les a provoquées."

Commentaire :

Dans ce huitième chapitre, le Bouddha enseigne aux gens de s'abstenir de mauvaises actions : De ne pas nuire aux gens parce que faire du mal aux autres c'est se faire du mal à soi-même. La façon dont vous traitez les autres, retombe sur vous que ce soit bonne ou mauvaise.

"Le Bouddha dit : Un mauvais individu fait du mal à un sage est comme celui qui lève sa tête et crache au ciel. Au lieu d'atteindre le ciel, la salive retombe sur lui." Un mauvais individu est un individu se réfère à quelqu'un qui ne fait que des actions mauvaises, immorales. Tandis qu'un sage est celui qui pratique la vertu. Quand un mauvais individu dépourvu de morale et de vertu essaie de nuire à un sage pratiquant la vertu, il ressemble à quelqu'un qui lève sa tête et qui crache au ciel. La salive ne monte pas au ciel, mais retombe au contraire sur son propre visage. Autrement dit : Quand un mauvais individu a l'intention de faire du mal à un sage. Malgré tous ses préparatifs, au dernier moment, il arrive qu'il se fasse du tort à lui-même. Car il existe un principe fondamental, une vraie justice qui gouverne tout en ce monde, qui épargne tout danger à un homme vertueux.

"Il en est de même pour celui qui jette de la poussière dans la direction inverse du vent; de toute évidence la poussière se retourne pour tomber sur son propre corps." Vous vous dirigez contre le vent et jetez une poignée de poussière, la poussière se retourne sur votre propre corps. "Le sage ne peut être nu : les mauvaises actions se retournent inévitablement vers celui qui les a provoquées." Vous ne pouvez pas causer du tort à un sage parce que le malheur retombera sur vous. C'est vous qui en subirez les conséquences.

Chapitre 9

"Le Bouddha dit : "L'érudition et l'amour de la voie ne suffisent pas pour obtenir le fruit. Mais avec de la bonne volonté des sacrifices, de la vénération vous parviendrez à la voie profonde et immense."

Commentaire :



Dans ce neuvième chapitre, le Bouddha enseigne aux gens comment apprendre l'enseignement du Bouddha. Il ne suffit pas d'écouter et d'apprendre par cœur; mais il faudrait écouter attentivement, puis réfléchir et enfin l'appliquer et certifier. En effet, ils doivent appliquer ce qu'ils ont appris.

"Ainsi disait le Bouddha: "L'érudition et l'amour de la voie ne suffisent pas pour obtenir le fruit." En cherchant la voie à l'extérieur, vous ne pourrez jamais la rencontrer, et encore moins l'apprendre. "Cherchez-la au fond de vous-même, mais pas parmi les gens," autrement-dit, plus vous courez, moins vous aurez une chance de la rencontrer.

"Mais avec de la bonne volonté, de la vénération, vous parviendrez à la voie est profonde et immense." Avec de la bonne volonté, de la patience, d'une forte croyance et si vous

pratiquez de toutes vos forces, au fil du temps, libéré de toute cupidité de célébrité et d'intérêts, vous parviendrez à la sagesse. Que veut dire vénérer la voie? Cela signifie soutenir la voie, l'avoir toujours présente dans votre pensée, dans la substance fondamentale de

vos esprits, ainsi ne la recherchez pas à l'extérieur. Si vous pratiquez de cette façon, vous aurez une chance d'accomplir votre voie. (à suivre)

le Sutra du sixième

fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Pendant son séjour en Chine, Patriarche Bodhidharma fut empoisonné six fois. La

première fois, Maître Dharma Bodhiruci et Maître Vinaya Kuang T'ung étaient jaloux de lui. Ils préparaient un repas végétarien, y mettaient du poisson mortel, et l'offraient au Patriarche. Connaissant bien cet acte criminel, il le mangeait quand même. Ensuite, il vomissait de la nourriture sur le plateau, la nourriture se transforma en un tas de serpents horribles.

Après l'échec de cette tentative de meurtre, Bodhiruci essaya de nouveau, en utilisant un poison plus puissant. De nouveau, Bodhisattva mangea cette nourriture préparée par Bodhiruci, ensuite, il monta sur un énorme rocher et cracha un poison. Le rocher fut réduit en un tas de poussière. Ensuite, il a subi quatre tentatives de meurtres sans succès causées par des gens jaloux de lui.

Un jour, Le Grand Maître Bodhidharma disait à Hui K'o : « Je suis venu en Chine parce que je voyais que les chinois possèdent : Une grande affinité de la racine du grand véhicule. Aujourd'hui, j'ai transmis le Dharma et suis prêt à partir dans le royaume du Nirvana ». Après sa mort, le corps du Patriarche fut enterré. Il n'y avait rien d'anormal à propos de son enterrement.

Dans Le Nord de Wei (386-532 A.D.), un officier nommé Sung Yün rencontrait Bodhidharma en route vers la montagne de Chung Nan à Ts'ung Ling. Bodhidharma portait une chaussure suspendue au bout d'un bâton qu'il portait sur son épaul. Celui-ci disait à Sung Yün : « Le Roi de votre pays est mort aujourd'hui. Retournez vite. Il y a du travail à faire ».

- L'officier demanda : « Grand Maître, où allez-vous » ?

- « Je retourne en Inde », répondit le Grand Maître.

- « Honorable, à qui transmettez-vous le Dharma ? » « En Chine, quarante ans après, ce sera K'o qui le recevra. »

Sung Yün retourna dans son pays et reporta cet incident il dit : « Récemment, à Ts'ung Ling, j'ai rencontré Le Patriarche Bodhidharma, celui-ci m'a dit que le roi de notre pays était mort et m'a instruit de retourner à la capitale. Quand j'y suis arrivé, j'ai trouvé exactement ce qu'il avait dit. Comment le savait-il ? »

Les campagnards riaient se moquant de lui : « Bodhidharma est déjà mort. Comment avez-vous pu le rencontrer en chemin ? » Alors, ils se précipitèrent à la tombe du Patriarche et la

trouvèrent vide, il n'y avait rien qu'une chaussure à l'intérieur.

Où était-il allé, Bodhidharma ? Personne ne le savait. Était-il allé en Amérique ? Partout où il va, personne ne le savait, personne ne pouvait le reconnaître, parce qu'il pouvait se changer et se transformer suivant sa convenance. Quand il était arrivé en Chine, il disait qu'il avait cent cinquante ans. Aucune référence historique ne le trouvait.

Avant de partir dans le Nirvana, Bodhidharma disait : « J'étais en Chine et j'ai transmis mon Dharma à trois personnes. L'un d'entre eux recevait ma moëlle, la deuxième mes os et la troisième ma chair ». C'est pourquoi après la transmission, le Patriarche lui-même n'avait plus de corps. Grand Maître Hui K'o recevait la moëlle et Maître Ch'an Tao Yü recevait les os.

Bhiksuni Tsung Ch'ih celle qui pouvait réciter le SUTRA DU LOTUS de mémoire. Après sa mort, une fleur de lotus verte poussait de sa bouche. C'était elle qui recevait la chair du Bodhidharma. Finalement, Le Patriarche n'avait plus du tout de corps. Alors, ne le cherchez pas en Amérique ni ailleurs; vous ne le trouverez pas.

Le deuxième Patriarche, Hui K'o originaire du Nord de Ch'i dont le nom de famille était Chi, portait autrefois le nom Shen Kuang. Quand il était né, ses parents voyaient le Bodhisattva Wei T'ou, l'être spirituel armé en or, à venir lui offrir sa protection; c'est pourquoi, ils nommèrent leur fils « Shen Kuang » qui veut dire « la lumière spirituelle ». Non seulement le Patriarche était intelligent, mais il avait aussi une mémoire prodigieuse, et ses pouvoirs et son talent de discrimination étaient si remarquables qu'il pouvait lire dix lignes pendant qu'une personne ordinaire peut seulement lire une ligne. Par exemple dans un rassemblement de cent personnes, pendant que tous parlaient en même temps, il pouvait distinguer clairement chaque conversation.

Le Grand Maître avait donc la grande colère; il était en désaccord avec tout le monde et était toujours prêt à se battre. Quand Shen Kuang expliquait les Sutras, comme je vous ai dit, il se servait de ses chapelets en fer pour faire triompher ses arguments. Plus tard, il s'était

agenouillé pendant neuf ans pour solliciter le Dharma, dans un accès de colère, il s'est coupé le bras, sans toutefois sentir aucune douleur. Car en réalité, il n'était pas affligé, donc ne ressentit aucune douleur. Le chagrin est justement de l'affliction et l'affliction est la cause de douleur.

Le deuxième Patriarche avait quarante ans quand il quittait Bodhidharma. Ayant obtenu le Dharma, il a dû se cacher parce que Bodhiruci et Maître Vinaya Kuang T'ung, qui avaient fait six tentatives de meurtre sur la vie de Bodhidharma, voulaient aussi tuer ses disciples. Alors, bien que Hui K'o soit très agressif, il obéissait néanmoins à son maître et se cachait pendant quarante ans. A quatre vingt ans, il commençait à propager le Dharma du Bouddha, en enseignant et en transformant les êtres vivants.

Plus tard, les disciples de Bodhiruci et de Maître Vinaya Kuang T'ung essayaient de tuer Maître Hui K'o, qui avait dû feindre l'aliénation mentale pour apaiser la jalousie de ses rivaux, toutefois il ne cessait de sauver les êtres vivants qui étaient prêts à recevoir ses enseignements; comme beaucoup de gens continuaient à se confier au Second Patriarche, les disciples de Bodhiruci étaient toujours jaloux. Ils dénoncèrent Hui K'o au gouvernement, l'accusant d'être une créature étrange sauvage. « Il embrouille les gens qui le suivent, » inculpaient-ils ; « il n'est pas être humain ».

L'empereur donna l'ordre au magistrat régional de l'arrêter, et Hui K'o fut emprisonné et questionné :

- « Êtes-vous un humain ou un monstre ? » demanda le magistrat.

- « Je suis un monstre », répondit Maître Hui K'o.

- Le magistrat savait que le Patriarche disait ceci pour éviter de provoquer la jalousie, alors il lui ordonna de dire la vérité. « Parlez franchement, qu'êtes-vous donc ? »

- Le Grand Maître répondit : « Je suis un monstre. »

- Les personnalités du gouvernement ne peuvent pas permettre aux monstres d'errer sur terre, c'est pourquoi Hui K'o fut condamné à mort. Il était très courageux et pourtant.

Le Patriarche pleurait en disant à ses disciples, « Je dois endurer ce châtement. Mais je suis triste parce que dorénavant je ne pourrai pas enseigner ni propager le Dharma du Bouddha qui de ce fait, ne pourra pas se développer jusqu'au Quatrième Patriarche », ensuite se tenant devant le bourreau ; il disait : « Je suis prêt » dit-il. Le bourreau leva sa hache tranche le cou du Maître. Qu'est-il arrivé ?

Vous pensez probablement qu'étant un patriarche plein de grands pouvoirs spirituels la lame se briserait et qu'il serait sain et sauf. « Eh non » ! La hache lui trancha la tête qui tomba par terre. Toutefois, ce qui fut étrange, c'était à la place du sang, un liquide blanc laiteux s'écoula sur le billot.

Vous pensez : « C'était vraiment trop loin de votre imagination ». Si vous le croyez, c'est bien. Si vous ne le croyez pas, c'est bien aussi. Cependant, la seule explication que je puis vous donner à propos du fait que le sang ne s'écoulait pas du cou du Patriarche : « Quand un sage entre

dans le monde du Yang, son sang devient blanc parce que son corps s'est transformé complètement en Yang, plus aucune trace de Yin. « Je ne le crois pas », dites-vous. Bien sûr que vous n'y croyez pas. Si vous y croyez, vous seriez justement comme



le deuxième Patriarche.

Voyant que le Maître ne saignait pas, le bourreau s'exclama, « Hé ! Il est réellement un monstre ! Je tranchais sa tête, mais ce qui sortait, n'était pas du sang mais c'était un liquide blanc laiteux. Et son visage paraissait naturel comme de son vivant ! » L'empereur se rendit compte qu'il avait

exécuté un Saint, parce qu'il se rappelait que le vingt quatrième Patriarche Indien, Aryasimba, avait été décapité aussi et comme le Maître n'avait pas versé une goutte de sang, mais un liquide blanc laiteux avait été versé, parce qu'il avait été sans débordement. Quand on n'est débarrassé de son ignorance, on atteint un état sans débordement et entre dans le monde du Yang immaculé.

Vous pensez : « Mais vous venez de dire que Patriarche Hui K'o était très agressif. Comment a-t-il pu être débarrassé de son ignorance ? » Vous êtes certainement plus intelligent que moi, car je ne me suis jamais posé cette question. Mais maintenant que vous l'avez posée, je vous réponds. Sa colère n'était pas comme la vôtre ou la mienne qui s'explora comme le feu, « Pop ! Pop ! Pop ! » Sa colère était une forme de sagesse qui transforma, son corps en Yang. La grande patience, l'immense connaissance, le grand courage, la grande sagesse : c'est ce que fut faite sa colère.

En se rendant compte que Hui K'o était un Bodhisattva en chair, et en os, l'Empereur se sentait très honteux. « Un Bodhisattva est venu dans notre pays », dit-il, « et au lieu de lui offrir notre protection, nous l'avons tué ». Alors, l'Empereur ordonna à tous les grands officiers de prendre refuge auprès de cet étrange Bhikshu. Ainsi, même si le Deuxième Patriarche avait déjà été exécuté, il acceptait encore des disciples.
(à suivre)

Le Bouddhadharma, c'est une pratique, pas de pures paroles

La morale vertueuse, c'est la base du devoir de l'homme.

Possédant la morale vertueuse, nous serons capables de nous tenir solidement debout sur nos deux jambes.

Les jours passent ainsi que les nuits comme le tir d'une flèche, ainsi s'écoulent les mois et les années telle la marche de la quenouille. Comme les vagues de l'océan poussant les unes derrière les autres, les beaux paysages flétrissent rapidement tout comme la jeunesse ; en un clin d'œil, on vieillit, on meurt,

enfin on disparaît sans laisser de trace ; tout cela nous montre que : tout ce qui existe en ce monde est impermanent et éphémère.

De ce fait, nous devons nous dépêcher de nous trouver « un refuge ». Vous avez beaucoup de chance pour avoir enfin trouvé la foi en Bouddha après l'avoir tant recherchée et poursuivie. Croire en Bouddha nous mène à la sécurité permanente, la béatitude, le moi-universel et la pureté, autrement dit : au bonheur ultime, absolu. C'est la raison pour laquelle, nous devons croire en Bouddha. Néanmoins, la simple croyance ne suffit pas, il nous faut agir, pratiquer selon son Dharma. Car croire sans pratiquer c'est comme si on discute de la gastronomie, on compte l'argent appartenant aux autres, sans pour autant, s'en être rassasié ou enrichi. C'est pourquoi, il existe un ancien proverbe disant :

« La morale doit être accompagnée de la pratique, »

« Sans la pratique, à quoi sert la morale ? »

« La vertu s'obtient à partir de l'amélioration de la pratique, »

« Sans l'amélioration de la pratique, comment pourrait-on parvenir à la vertu ? »

C'est pourquoi, nous devons réellement nous investir dans la pratique.

Gravons les deux termes : « Naissance et Mort » au front, entre nos deux sourcils et piétinons sous nos pieds les deux mots « Morale et Vertu ». Cela semble incompréhensible, n'est-ce pas ? Pourquoi piétinons-nous sous nos pieds la morale et la vertu ? La morale et la vertu constituent la racine de l'homme, semblable à la racine d'un arbre. Possédant la morale et la vertu, nous nous tenons solidement debout sur nos deux jambes. Par contre, sans morale, sans vertu, nous nous ressemblons à un arbre sans racine, comment pouvons-nous nous tenir debout ? Pour que notre dignité humaine soit respectée, nous devons, dans toutes nos actions, nous baser sur la morale et la vertu, ainsi nous réussirons dans tout ce que nous entreprendrons, c'est pourquoi, on dit que la morale et la vertu constituent la base du devoir de l'homme, d'où, dans un Recueil de Métaphysique, il a été dit : « Le Sage se préoccupe de la racine, car quand celle-ci est solide, surgit naturellement la Voie religieuse ». Se préoccuper de la racine conduit à la Voie

religieuse. Voilà les instructions claires et lucides des Anciens.

Comme il a été dit précédemment : le temps s'en va tellement vite, comme le tir d'une flèche, sans que nous ne nous en apercevions. Le passé est passé, nous n'y pouvons rien, mais pour le futur, nous devrions nous fixer un but et cesser de nous plonger dans l'obscurité aveuglante.

L'objectif de la pagode Tây-Lạc-Viên c'est de proclamer le Dharma de la Terre-Pure, soutien de la thèse de la Perfection dans la Récitation du Nom du Bouddha. Habituellement, tous les ans, le 19-06 et le 17-11 du calendrier lunaire, la Pagode organise des Séminaires en commémoration du Boddhisattva Avalokitecvara et du Bouddha Amitaba. Vous ne pouvez pas y participer seulement pour la forme, mais vous devez vous y investir entièrement, vous améliorer durant ces sept jours, à chaque instant, chaque heure, chaque minute, vous devez vous appliquer assidûment à réciter le nom des Boddhisattvas sans, pour autant, sentir la moindre fatigue.

Quand vous récitez le nom du Boddhisattva, n'espérez pas une réponse de la part du Boddhisattva. Pourquoi ? Car durant le Séminaire, quoique vous y soyez présents, vous n'avez pas pratiqué consciencieusement la récitation du Nom du Boddhisattva, votre cœur est rempli, pêle-mêle, de pensées illusoire. Boddhisattva, plein de compassion, aurait pitié de vous et dirait que vous êtes pitoyables. C'est pourquoi, vous devriez pratiquer la récitation d'un cœur absolument sincère et fervent. Il faut que votre cœur soit rempli de ces quatre états de sainteté : la compassion, la miséricorde, la joie et la clémence. S'il en est ainsi, je suis certain que Boddhisattva vous accordera sûrement sa bénédiction.

Jusqu'à présent, la pagode Tây-Lạc-Viên n'a jamais envoyé de cartes d'invitation, les gens venaient de leur plein gré.

Cette volonté spontanée mérite d'être proclamée. Je vous en félicite. Néanmoins, ne vous asseyez pas sur vos lauriers ! Vous auriez gaspillé vos efforts, mais continuez à réciter, réciter jusqu'à ce que l'eau soit complètement tarie, laissant apparaître les cailloux, jusqu'à ce que Boddhisattva apparaisse pour nous prêcher le Dharma. Ainsi, vous n'auriez pas gaspillé votre participation au Séminaire.

Aujourd'hui, c'est le premier jour du Séminaire. Je souhaite sincèrement que vous récoltiez beaucoup de réussites. Sinon, je vous assure que je réglerai mon compte avec vous et si mes créances ne seront pas acquittées, ça vous sera trop tard pour regretter. C'est bon, ça suffit, je ne plaisante plus. N'oubliez pas de réciter au maximum le Nom du Boddhisattva ! Ce serait mieux !

Vén. Hsuan Hua conférence du 13-06-1958
Lors du Séminaire du Boddhisattva
Avalokitecvara

Pagode Tây-Lạc-Viên, Hongkong

L'EMPEREUR YU SHUN, QUI A EMU LES CIEUX AVEC SON VERTU FILIAL

Yu Shun a vécu durant la Dynastie Shang. Quand il était très jeune, sa mère mourut et son père s'était tôt remarié. Quand sa seconde femme a donné la vie à un autre fils, il appela



l'enfant Hsiang. Bienque Yu Shun fut un enfant exceptionnel, sa belle-mère favorisait son propre enfant et était souvent très sévère avec Shun.

Son petit frère prenait souvent avantage de la situation et toutes les fois que quelque chose n'allait pas dans la maison, il faisait comme si Shun était le responsable de la mésaventure.

Malheureusement le père de Shun n'avait pas

reconnu ce qui s'était produit. En faite, les gens autour de lui l'appelait Gu Sou, voulant dire qu'il était aveugle sur ce qui se passe juste sous son nez. Il ne pouvait distinguer le vrai du faux.

Etant donné que le père de Shun ne pouvait voir le vrai du faux, il croyait toujours aux mensonges que sa femme et Hsiang lui disent à propos de Shun. Il devait battre Shun comme punition pour les choses dont il n'avait même pas fait, juste parce qu'ils l'accusaient de ces choses. Même ainsi, Shun continuait d'être obéissant et gentil envers ses parents et envers son affectueux et petit frère protectif.

Bienqu'il ait été si filial envers ses parents, il ne pouvait toujours pas gagner leur coeur.

Finallement, à propos d'une très petite chose, sa belle-mère l'a mis à la porte/l'a jeté hors de la maison. Sans maison où aller, Shun allait vivre dans la forêt ou il mangeait des noix et des fruits sauvages. Il a vu une famille d'oiseaux dans un nid et leur intimité/proximité lui rendait triste et honteux. Il pensait à lui-même "Si j'utilise tout mon effort pour faire une vie, peut-être que mes parents et mon frère ne me dédaigneront plus."

Ainsi, il allait au village et aidait les gens à cultiver leurs champs.

Etant donné qu'il était si gentil et de bonnes manières, les gens avaient trouvé en lui confiance et l'apprenaient comment être fermier.

Quand il devint plus grand, il retournait à la forêt et aux marécages pour faire une vie. Les animaux de la forêt protégeaient Shun et l'aidaient dans son labour. Les éléphants sauvages venaient l'aider à cultiver les champs et les oiseaux semaient les graines, les laissant tomber une par une dans le sol souple. Toutes les choses dont il faisait pousser, tout le riz et les végétaux, il envoyait à ses parents pour leur rendre respect.

Shun devenait une légende dans son propre temps et bien tôt, l'Empereur entendait parlé de lui. Au Zhung Kuo, les gens croyaient que les Cieux ont choisit l'Empereur, et à cause de cela, ils avaient confiance en sa bonté et sagesse. Il s'était produit que l'Empereur Yau était devenu âgé et avait pensée parfois à trouver quelqu'un pour succéder sa position. Mais il savait que la personne qu'il choisissait aurait besoin d'être assez vertueux pour gouverner les gens de façon juste et avec bienveillance. Quand il devint évident que les gens aimaient et respectaient Yu Shun, l'Empereur

Yau a décidé de le tester pour découvrir s'il était réellement celui d'un grand vertu.

Quand les gens n'ont pas de vrai vertu, le pouvoir et l'argent leur rendront égoïstes et arrogants. Par conséquent, l'Empereur Yau a donné à Shun une de ses filles pour être sa femme et leurs a fourni une maison pour vivre et un troupeau de vaches et de moutons. Il surveillait alors de voir comment Shun traitait ses cadeaux.

Cependant, quand la famille de Shun a entendu qu'il était devenu le beau-fils de l'Empereur, ils étaient devenus jaloux.

Le jeune frère de Shun, Hsiang était spécialement envieux (avide de convoitise) de son frère aîné. Hsiang influençait son père contre Shun au point que tous deux devenaient déterminés de garder Yu Shun de succéder au trône. Leurs coeurs étaient devenus si durs qu'ils concevaient/machinaient même de l'assassiner!

Un jour Hsiang allait vers Shun et disait "Père veut que tu viennes et réparer le toit du hangars." Bien sûr Shun a dit "Je vais venir tout de suite"

Quand il arriva chez son père, Hsiang l'aidait à porter l'échelle au hangar. Mais dès que Shun grimpa sur le toit et commençait à réparer les bardeaux, Hsiang éloignait l'échelle. Ensuite il revenait au hangar, y mettait le feu, et s'en allait se cacher pour regarder "le futur Empereur" partir en flamme. Heureusement que les Cieux étaient émus par le vertu de Shun et un grand vent s'élevait de là. Il commençait mystérieusement à soufflé le feu d'un côté du toit, permettant à Shun d'atteindre le côté non-brûlé et de sauter.

Son frère courru à la maison, se sentant un peu effrayé par ce qu'il a été témoin, et disait à sa mère, "Mère! Quand j'ai mis le feu au hangar, un vent étrange est venu et empêché le feu d'arriver près de Shun. Donc, il est toujours vivant!"

Néanmoins, sa belle-mère était toujours aveuglée par sa jalousie. Elle a concaincu son mari d'y aller encore une fois et d'attirer Shun dans un autre piège. Son "Gu Sou" de mari était d'accord. "Fils, disait-il à Shun le lendemain, Je ne sais pas qui était si imprudent hier. Je suis vraiment désolé. Grâce à Dieux tu n'as eu aucun mal! Peux-tu revenir demain et creuser le puit un peu plus profond? Nous ne pouvons plus avoir d'eau du puit."

Biensûr Shun fut d'accord immédiatement pour honorer la demande de son père. Arrivé le lendemain matin comme promis, Shun fut un peu plus prudent. Bien qu'il n'aurait jamais nourri la pensée que son petit frère avait l'intention de l'assassiner, il fut assez sage pour prendre quelque précaution.

“Allons prendre quelque corde, Père. J'attacherai un bout autour de ma taille et donner l'autre bout à vous deux. Quand je tire sur la corde, cela signifie que je suis prêt à être remonté /tiré vers le haut. D'accord?”

Son père et frère étaient d'accord, donc Shun rassemblait certains outils, attachait la corde autour de sa taille, et lentement descendait dans le puit.

Quand il a atteint le fond, il faisait froid, humide, et noir, mais il n'y portait pas attention au déconfort. Il creusa pendant un long moment avant qu'il ait finalement atteint l'eau. Quand il fut prêt, il tira sur la corde attachée à sa taille pour donner le signal à son père et frère. Quand rien ne se produisit dans la réponse, il tâtonna dans le noir et découvrit que la corde entière était- la au fond du puit avec lui. Son père et frère l'avaient jeté dedans après lui, l'emprisonnant au fond de cet tombeau obscur et froid.

Il cria au secours jusqu'à sa voix soit sortie et ensuite s'arrêta et rassembla ses pensées. Il aurait juste essayé de trouver un moyen par lui-même. Principalement les murs d'un puit sont SLIMY Et glissant et si verticaux qu'il est impossible de grimper du fond jusqu'au sommet. Le fond d'un puit est plein d'eau, ainsi il n'y avait vraiment aucun moyen de sortir, sauf si vous pouvez voler comme un oiseau.

Mais comme il n'y avait rien d'autre à faire, Shun tâtonna dans la nuit-noire espérant l'impossible. Etrange comme il peut sembler, comme il était sur le point d'abandonner tout espoir, il lui est venu

une ouverture dans le côté du puit qui menait à une cave. Sans un moment d'hésitation, Shun rampa dans le trou. Il lui semblait avoir une force supplémentaire dans ses bras et jambes d'une manière pour lui d'être capable de s'adhérer d'empoigner à la glissade, aux rochers mouillés et fait son chemin à travers le trou.

Rampant et grim pant comme cela pendant un long moment, il arriva finalement à la fin de la cave –comme passage et trouva le bouche, menant au soleil/a la clareté de soleil.

Pour la seconde fois, son père et frère ont été incapables de le tuer.

Depuis que Shun s'était échappé de ces deux situations dangereuses sans blessures, ses parents et frère n'avaient plus osé concevoir de complots pour le tuer. Et parce que Shun continuait d'être bon comme toujours pour sa famille, leurs cœurs froids commençaient à fondre lentement et se sentaient assez honteux de toutes les choses horribles dont ils lui avaient fait à cause de leur jalousie.

Graduellement leur attitude envers Shun changeait.

L'Empereur, biensûr, a entendu de la part de sa fille, tous les détails de la vie de Shun. Vu comment Shun avait gagné les cœurs des gens autour de lui, combien son vertu était grand, et comment il avait même été capable d'influencer ses

parents de changer leurs attitudes démoniaques/mauvaises attitudes, l'Empereur Yau était virtuellement convaincu que Shun était capable et valable pour gouverner le pays en toute situation. Néanmoins, juste pour être certain, il décida de tester Shun encore une fois.

Il n'avait pas plu en trois mois et donc l'Empereur a demandé Shun de rechercher la compassion des esprits de la pluie et du tonnerre en son nom. Après avoir reçu ces instructions,



Shun rentra à la maison et dit à sa femme que l'Empereur l'a convoqué. Pour accomplir cette tâche/ce devoir, Shun avait d'abord dû descendre au fond des marécages et trouver l'Esprit du Tonnerre. Sa femme lui a dit qu'il devrait y aller rapidement et lui a donné une petite perle fluorescente qui lui serait d'une utilité précieuse, lui dit-elle.

Après avoir recherché pendant longtemps, Shun a trouvé finalement les empreintes de pas de l'Esprit du Tonnerre et savait qu'il était proche.

En criant, il disait, "Celui qui est honoré, mon humble nom est Shun et je suis venu représenter l'Empereur pour rechercher votre compassion. Il n'y a pas eu de pluie en trois mois et la terre et ses plantes ont soif d'eau."

S'il vous plaît, utilisez votre puissance pour faire/donner de la pluie."

Soudainement les marécages deviennent très obscurs et Shun voyait de grands éclairs et a entendu l'énorme rugissement du tonnerre.

Comme/quand il salua (en révérence)

l'Esprit du Tonnerre pour remerciement, la pluie commença à pleuvoir en torrent.

Maintenant il faisait si sombre qu'il ne pouvait rien voir pour retrouver son chemin vers les marches. Cependant Shun n'a pas eu peur. Tout ce qu'il ressentait, c'est le bonheur que la terre aurait de l'eau à boire. Ensuite il se rappela soudainement de la perle que sa femme lui avait donné.

Quand il la sortit, elle luisait si brillamment qu'il trouva son chemin de sortie sans aucun problème. Quand il rentra sain et sauf, l'Empereur souriait. Maintenant il était certain/sûr qu'il avait trouvé quelqu'un de vertu suffisant pour gouverner le pays. Il savait que les gens seraient sauvés et heureux avec Yu Shun comme leur Empereur.

UNE FILLE FILIALE

Il y a d'infinis éons, un Bouddha nommé Yeux de Pures Lotus est apparu dans le monde. Sa longévité de vie était de quarante éons. Durant la période après son passage, un Arhat qui avait de grand mérite et qui sauvait des êtres-vivants, leur enseignant dès qu'il les rencontrait, a rencontré une femme nommée Yeux Brillants qui lui faisait une offrande de nourriture.

"Quel est ton vœu ?" a demandé l'Arhat. Yeux Brillants répondit,

"Le jour de la mort de ma mère, j'ai fait de bonnes actions pour essayer de la secourir, mais je ne sais pas encore dans quelle voie elle a été réincarnée." Par pitié pour elle, l'Arhat est entré en Samadhi pour contempler. Il a vu que la mère de Brillants Yeux était tombée dans la voie du démon ou elle était entraîné de subir de grande souffrance.

L'Arhat demanda, "Quand elle était vivante, quelles actions avait-elle fait pour qu'elle a dû subir de telle punition dans la voie du démon ?"

Yeux Brillants répondit, "Ma mère aimait manger des poissons, des tortues et autres fruits-de-mer. Elle aimait spécialement manger des œufs de poissons

et en agissant ainsi elle tuait des millions de vies. Oh Vénérable Compatissant, comment peut-elle être sauvée ?"

L'Arhat a pitié d'elle et lui offrit cette méthode indiquée. "Avec un esprit sincère, songe au Bouddha Les Yeux de Pures Lotus et fait sculpter et peindre les images de lui pour bénéficier la vie et la mort."

Entendant son conseil, Yeux Brillants a renoncé à tous ce qu'elle aimait et les a utilisés pour peindre une image de ce Bouddha et pour en faire des offrandes à son image. Elle pleurait tristement quand elle regardait respectueusement le Bouddha. Soudainement tard dans la nuit, comme



dans un rêve, elle a vu le corps de Bouddha, éblouissant d'or en couleur et aussi grand que le Mont Suméru, émettant une grande lumière. Le Bouddha a dit à Yeux Brillants, "Dans peu de temps votre mère sera réincarnée dans votre propriété et des qu'elle puisse connaître la faim et la soif, elle sera capable de parler."

Peu après cela, une servante dans la maison a mis au monde un fils qui a parlé avant qu'elle eusse trois jours de naissance. Baissant sa tête et versant les larmes tristement, il a dit, "Dans la vie et dans la mort, on doit subir la rétribution de ses propres actions. Je suis ta mère et a été longtemps dans l'obscurité. Depuis que je t'ai quittée, j'ai constamment été réincarnée dans les enfers. Comme résultat de recevoir la puissance de tes bonnes actions, j'ai pu être réincarnée, mais seulement comme un pauvre fils d'une famille de basse-classe.

Ma longévité de vie de plus, sera courte. Après l'âge de treize ans, je dois retomber dans les voies du démon/mal à nouveau. As-tu un moyen de me libérer de cette souffrance ?"

Quand Yeux Brillants e entendu les mots de cet enfant, elle a sans aucun doute qu'il a été sa mère et choqué de sanglots, elle a dit à l'enfant, "Si tu es ma mère, tu devrais connaître tes offenses dans le passé. Quelles actions avais-tu commis pour devoir tomber dans les voies du démon ?" L'enfant de la servante a dit "J'ai dû subir ces rétributions parce que j'ai tué et a calomnié/diffamé. Si je n'avais pas reçu le mérite dont tu avais gagné pour moi, je ne serais toujours pas libéré de cette souffrance amère, étant donné que mon karma serait tel que je ne pourrais pas être encore libérée." En entendant cela, Yeux Brillants a demandé, "Que se passe-t-il durant les rétributions dans les enfers ?"

Le fils de la servante répondit, "C'est insupportable même d'en parler de ces souffrance mais même si je pouvais les décrire, ça prendrait les centaines de milliers d'éons pour te les raconter."

Quand Yeux Brillants a entendu ceci, elle pleurait amèrement et a dit dans le vide, "Puisse ma mère être libérée de l'enfer pour toujours, et après ces treize années, puisse-t-elle libérer de ses lourdes offenses et quitter les voies du mal. Oh Bouddha des dix directions, ayez la compassion et ayez pitié de moi! Entendez les vœux "loin d'atteinte" que je suis entrain de faire pour l'amour de ma mère. Si elle peut quitter les mauvaises voies pour toujours, quitter les basses-classes rangs, quitter le corps de femme et ne plus devoir endurer ces souffrances, alors, devant l'image du Bouddha les Yeux de Pours Lotus, je fais le vœu à partir de ce jour, à travers des centaines de milliers de millions d'éons, je sauverai tous et aiderai à quitter les mondes des enfers les fantômes affâmés, les animaux et de suite.

Seulement quand les êtres qui souffrent de leurs offenses sont tous devenus des Bouddhas, je deviendrai moi-même un Bouddha."

Après avoir fait ce vœu, Yeux Brillants a clairement entendu le Bouddha les Yeux de Pours Lotus lui dire, "Yeux Brillants, tu as de grande compassion d'être capable de faire de tel grand vœu au nom de ta mère.

Je vois que ta mère sera défait de ce corps après les treize années et sera réincarnée

comme Brahman d'une longévité de cent ans. Après cette vie-la, elle sera réincarnée dans le Pays du Non-Concern avec une longévité d'éons d'années, après laquelle elle accomplira l'état de Bouddha et sauvera les gens et les dieux aussi nombreux qu'il y a de grains de sable dans le Gange."



Sakyamuni Bouddha qui a fait le récit qui a raconté cette histoire vraie, a dit au Roi Samadhi Auto-Existence, "l'Arhat au grand mérite qui a aidé Yeux Brillants, est de ce jour le Bouddha Intention Inexhaustible. La mère de Yeux Brillants est le Bodhisattva de la Libération.

Yeux Brillants elle-même est aujourd'hui le Bodhisattva Réserve de la Terre.

extrait du Sutra Bodhisattva Réserve de la Terre.

Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 31 octobre 1973.

Hàng-Cu écrit :

« Tout est O.K. ! » cela ne veut pas dire : tenir dans une main une canette de bière et de l'autre le Sutra du Vajra. De nos jours, il existe des gens qui vivent comme des stupides cochons mais qui se croient éveillés. Celui qui a clairement compris le Bouddhisme doit savoir que l'unique et essentiel Dharma du Bouddhisme consiste à anéantir toute cupidité et tout désir.

Bouddha lui-même nous a enseigné : « Ayez conscience que l'objectif unique du Bouddhisme

est simplement se débarrasser de toute cupidité et tout désir ».

Le Maître de la pagode Kim-Son a enseigné le même principe mais personne n'a voulu l'écouter et à plus forte raison, l'appliquer dans leurs actes. Mon cas est un exemple concret. Dans la dernière phrase du poème que mon Maître m'a laissé, il a fait allusion à une tarte aux fraises. Je vais vous raconter l'histoire à propos de cette tarte :

A mon arrivée à Kim-Son, je portais en moi toutes sortes de mauvais caractères que j'ai ramassés durant mes vingt-cinq ans passés, les pires années étaient : dix ans d'héroïne, plus six ans d'alcool. Maintenant, débarqué dans une pagode, où règne la discipline sévère, je devais me débarrasser de tous ces mauvais défauts. J'ai réussi à me débarrasser de l'héroïne et d'alcool, mais la force de ma cupidité était trop lourde, elle se tournait vers le domaine de la gastronomie.

Rapidement, je me disais : au moins pour satisfaire momentanément cette cupidité, je dois manger beaucoup. Comme à la pagode, la pratique habituelle exige qu'on ne peut manger qu'un seul repas par jour, c'est pourquoi, je



concentrais toutes mes forces et toute mon énergie dans mon déjeuner qui durait quarante minutes. Si je devrais remplacer tous mes défauts par les séances de méditation ou

Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp

Je fait un don pour la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ :

Votre don :

l'accomplissement de bonnes actions, ce serait merveilleux mais j'en serais incapable, cela dépasserait mes forces de très loin.

C'est pourquoi, plusieurs fois, incapable de me maîtriser, je me suis enfui de la pagode, je courus directement à la pâtisserie et m'achetai tout un paquet de gâteaux sucrés. Je pensais que c'était la seule façon qui puisse m'aider à résoudre tous mes ennuis. L'histoire se passait de la façon suivante :

Un jour, je me suis enfui de la pagode et m'achetai un paquet de gâteaux. Après avoir mangé presque tout le paquet, il en restait un, car mon estomac n'en pouvait plus contenir. Ayant soigneusement caché le gâteau sous ma soutane, je retournai à la pagode. A l'époque, à la pagode Kim-Son, selon la discipline, excepté quelques uns qui étaient autorisés à prendre le petit déjeuner, personne n'avait le droit de manger quoi que ce soit en dehors du repas de midi. La discipline était stricte, tout le monde devait se plier à ce régime ascétique. Ce jour là, durant la séance de méditation du soir, je commençais à avoir faim, et mes pensées ne cessèrent de se diriger vers le gâteau (caché sous ma soutane). Ensuite, pendant toute la durée de la causerie du soir, pendant que mon Maître utilisait toute son éloquence pour nous parler du Sutra, moi, je ne pensais qu'à mon gâteau. Je me disais qu'après la séance de causerie, je le mangerai, pour en finir une fois pour toutes, qu'importe la discipline !

Vers vingt-deux heures environ, quand tout le monde était au lit, légèrement et doucement je me glissai par la fenêtre de la salle de bain au troisième étage, refermai soigneusement la porte derrière moi puis grimpai sur une échelle menant jusqu'au toit de l'immeuble (c'était une échelle de secours en cas d'incendie). Je sortis le gâteau, enlevai le papier et croquai à pleines dents un bout de gâteau bien délicieusement sucré, puis mâchai voracement les quelques fraises mûres et rouges tout en pensant intérieurement : « Seigneur Jésus ! Ne serait-ce pas ici le paradis ? »

Juste à ce moment, jetant un regard vers l'échelle suspendue, je vis quelqu'un en train de monter. Paniqué, je restais cloué sur place, la bouche bée, pleine de gâteaux, aucune issue pour me sauver ! C'était précisément mon Maître ! Je me tenais là, immobile, ma tête prête à exploser. Ensuite, je commençai à faire le tour de la terrasse en marchant comme si je me concentrais dans la

méditation. Mon Maître en faisait autant, mais lui, il marchait en sens inverse. Nous nous sommes croisés deux fois mais sans nous regarder mutuellement. Au troisième tour, je relevai ma tête et je vis mon Maître en train de rire en montrant toutes ses dents comme le chat Cheshire. Il me dit simplement : « Alors, comment il est ? »

Ça suffit amplement ! J'ai su que sans ses pouvoirs surnaturels, le Vieux ne se serait jamais aperçu de mon absence et il ne m'aurait jamais trouvé ici. Impossible de nous retenir, nous éclatâmes de rire, notre rire retentit dans l'espace, devant toutes les choses de ce monde infini. Ensuite, mon Maître repartit me laissant finir mon gâteau.

C'était l'histoire de la fameuse tarte aux fraises que mon Maître aimait bien et qu'il me demandait souvent de lui raconter. Et aujourd'hui, il a suspendu un autre gâteau devant nous et il est certain que nous parviendrons à notre but.

Eric Weber (Quả-Hôi), à bord d'une petite voiture, arriva juste au moment où nous nous préparions à reprendre le chemin et à nous prosterner. Il nous a apporté quelques paires de bottes et un petit chariot pliable de la part de mon Maître pour Hàng-Do (c'est le genre de chariot qu'utilisent les chinois pour faire les courses). Nous nous prosternions sur une distance de quatre lieues, dépassant la ville Bodega Bay, le poison du chêne recommença à me faire subir des démangeaisons. Le soir, tout mon corps se couvrait de pustules qui éclataient par endroits, laissant couler du pus. Incapable de continuer, nous nous asseyions au bord de la route. Il commença à pleuvoir.

Heureusement, Quả Đôn Schweig arriva et me voyant dans cet état, nous proposa de nous emmener chez lui à Inverness pour me soigner pendant un certain temps. Arrivé chez lui, j'ai pris tout de suite un bain, puis j'ai mis de la pommade sur tout mon corps. Il semblait que cette maladie s'empirait de plus en plus avant d'accepter de guérir. Actuellement, nous nous installons dans le garage de Quả Đôn. De l'océan Pacifique, souffle un vent violent nous amenant une tempête désastreuse que je n'ai jamais vue de ma vie. (à suivre)



Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail: kimquangtu@hotmail.com



Ba thứ độc tham sân si so với nha phiến, rượu mạnh hay với độc dược cực độc, thì nó lợi hại hơn gấp bội. Những thứ thuốc, rượu, độc dược chỉ là độc tố hữu hình, hại thân thể người. Còn tham sân si thì hại pháp thân huệ mạng của ta, đó mới là thứ chướng ngại nhất của sự tu đạo.

Hãy đem sự thông minh, trí huệ nhỏ bé để qua một bên. Đừng nên nghĩ rằng chuyện gì mình cũng biết, cũng hiểu. Nếu bạn nghĩ rằng việc gì mình cũng biết thì bạn không phải là người chân chính hiểu Phật pháp.

Người tu hành đừng nên có cái TA. Vứt cái ngã vô thùng rác. Đến đâu cũng vì người khác, vì việc công mà phục vụ. Phải biết hòa quang (hòa đồng với mọi người), dùng sự nhường bộ làm bước tiến. Việc gì cũng giữ gìn, chẳng đua đòi tranh giành, chơi nổi. Một khi chơi nổi thì bạn sẽ gặp rắc rối ngay.

Ai là kẻ thù của người tu? Chẳng phải ma vương đâu, chính là lòng ích kỷ. Làm việc với lòng ích kỷ thì vạn sự chẳng thành; dầu có thành công cũng chỉ là hư vọng.

Comparés à la drogue, à l'alcool au plus haut degré et aux poisons mortels, les trois poisons : la cupidité, la colère et la stupidité sont beaucoup plus dangereux. Car les premiers ont une forme physique, peuvent nuire à notre corps physique, alors que la cupidité, la colère et la stupidité sont capables de nuire à notre corps du Dharma, donc nos vies postérieures. Ce sont de véritables obstacles qui pourraient entraver notre voie bouddhique.

Mettons de côté nos petites intelligence et sagesse. Ne pensez pas que vous possédez une parfaite connaissance et une parfaite compréhension à propos de tout. Ayant de telles pensées en tête, vous ne pourriez jamais comprendre véritablement le Bouddhadharma.

Un vrai pratiquant bouddhiste devrait se débarrasser de son égo (moi). Jetez-le dans la poubelle ! Qu'importe l'endroit ou le moment, investissez-vous pour les autres, pour l'intérêt général. Sachez vous unifier aux autres ! Commencez votre premier pas par céder.

Prenez soin de tout, sans vous disputer, sans vous rivaliser, ni vous rendre supérieur, car en vous rendant supérieur, vous provoquez de la jalousie et vous vous attirez immédiatement des ennuis.

Qui est l'ennemi du pratiquant ? C'est Mara ? Non, c'est précisément son propre égoïsme. Agissez par égoïsme, vous ne récoltez que des échecs. Même si vous réussissiez, vos réussites ne seraient qu'illusoires.